

Luận Đại Trí Độ

Tập V

Cuốn 86 - 90

(Mahàprajñàparamitàsatra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Luận Đại Trí Độ

Tập V

Cuốn 86 - 90

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Cuốn 86	3
Giải thích: Phẩm Biến Học Thứ 74	3
Giải Thích: Phẩm Ba Thứ Lớp Học Thứ 75	19
Cuốn 87	24
Giải thích: Phẩm Một Niệm Đủ Muôn Hạnh Thứ 76.....	35
Cuốn 88	47
Giải thích: Phẩm Sáu Dụ Thứ 77	47
Giải Thích: Phẩm Bốn Nhiếp Thứ 78.....	54
Cuốn 89	72
Cuốn 90 – còn thiếu.....	81

Cuốn 86

Giải thích: Phẩm Biện Học Thứ 74

Kinh: Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát thành tựu đại trí tuệ hành pháp sâu xa ấy cũng không thọ quả báo.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, Bồ Tát thành tựu đại trí tuệ, hành Bồ Tát sâu xa ấy, cũng không thọ quả báo, vì sao? Vì Bồ Tát ấy đối với các pháp chẳng động.

Bạch Đức Thế Tôn, đối với các pháp gì chẳng động?

Phật dạy: Đối với pháp tính không có sở hữu bất động.

*Lại nữa, Bồ Tát đối với tính sắc bất động, đối với tính thọ, tưởng, hành, thức bất động, đối với tính Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật tính bất động; đối với tính bốn thiên bất động, tính bốn tâm vô lượng bất động, tính bốn định vô sắc bất động, tính bốn niệm xứ bất động cho đến tính tám phần thánh đạo bất động, đối với Không tam muội, Vô tướng, Vô tác tam muội cho đến tính đại từ đại bi bất động, vì sao? Vì tính các pháp ấy chính là không có sở hữu, vì pháp không có sở hữu không thể được pháp có sở hữu.

Tu Bồ Đề thưa: Pháp có sở hữu có thể được pháp có sở hữu chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, pháp có sở hữu có thể được pháp không có sở hữu chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, pháp không có sở hữu có thể được pháp không có sở hữu chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không có sở hữu, không thể được pháp có sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp không có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, vậy sẽ không có Thế Tôn, không được đạo ư?

Phật dạy: Có được, nhưng không do bốn câu được.

Bạch Thế Tôn, thế nào là được?

Phật dạy: Chẳng phải có sở hữu, chẳng phải không có sở hữu, không có các hí luận ấy, ấy gọi là đắc đạo.

Bạch Đức Thế Tôn, những gì là pháp hí luận của Bồ Tát?

Phật dạy: Bồ Tát quán sắc hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán thọ, tưởng, hành thức hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán sắc hoặc khổ hoặc vui, thọ, tưởng, hành, thức hoặc khổ hoặc vui, ấy là hí luận; quán sắc hoặc ngã hoặc phi ngã, thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc phi ngã; sắc hoặc tịch diệt hặc chẳng tịch diệt, thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, ấy là hí luận. Quán khổ Thánh đế ta nên thấy, tập thánh đế ta nên đoạn, diệt thánh đế ta nên chứng, đạo thánh đế ta nên tu, ấy là hí luận; ta nên tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là hí luận; ta nên tu bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ấy là hí luận; ta nên tu môn giải thoát không, môn giải thoát vô tướng, môn giải thoát Vô tác, ấy là hí luận; ta nên tu tám bội xả, định chín thứ lớp, ấy là hí luận; ta nên vượt qua quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích Chi Phật, ấy là hí luận; ta nên đầy đủ mười địa của Bồ Tát, ấy là hí luận; ta nên vào Bồ Tát vị, ấy là hí luận; ta nên nghiêm tịnh cõi Phật, , ấy là hí luận; ta nên thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, , ấy là hí luận; ta nên sinh mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, , ấy là hí luận; ta nên được trí Nhất thiết chủng, , ấy là hí luận; ta nên dứt hết phiền não tập khí, ấy là hí luận. Nay Tu bồ đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật sắc hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận nên không nên hí luận; thọ, tưởng, hành thức, hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận nên không nên hí luận, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận nên không nên hí luận, vì sao? Vì tính không thể hí luận tính, vô tính không thể hí luận vô tính; tính là, tính không có, lại không có pháp có thể nắm bắt được. Hí luận là hí luận pháp, hí luận chỗ, vì thế nên sắc không có hí luận, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có hí luận. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật không có hí luận.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vì sao? Sắc không thể hí luận cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì tính sắc không có cho đến trí Nhất thiết chủng tính không có, như tính pháp không có tức là không có hí luận, vì thế nên sắc không thể hí

luận. Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát hành Bát nhã không hí luận được như thế, khi ấy được vào Bồ Tát vị.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu tính các pháp không có, thì Bồ Tát hành đạo gì được vào Bồ Tát vị? Hành đạo Thanh văn, hành đạo Bích Chi Phật hay hành Phật đạo?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Không do đạo Thanh văn, không do đạo Bích chi Phật, không do Phật đạo được vào Bồ Tát vị; mà Bồ Tát học khắp các đạo được vào Bồ Tát vị. Thí như hàng Bát nhân trước học các đạo sau đó mới vào chính vị, chưa được quả mà trước sinh đạo quả; Bồ Tát cũng như vậy, trước học khắp các đạo tiếp sau vào Bồ Tát vị, cũng chưa được trí Nhất thiết chủng mà trước được sinh tam muội Kim cang, bấy giờ do một niệm tương ưng với trí tuệ, được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát học khắp các đạo mà vào Bồ Tát vị, thời hạng người Bát nhân hướng đến Tu đà hoàn, được Tu đà hoàn, hướng đến Tư đà hàm, được Tư đà hàm, hướng đến A na hàm, được A na hàm, hướng đến A la hán, được A la hán, Bích chi Phật đạo, Phật đạo, mà các đạo ấy mỗi mỗi khác nhau? Nếu Bồ Tát học khắp các đạo ấy sau vào Bồ Tát vị thì Bồ Tát ấy nếu sinh Bát đạo thời lên làm hạng Bát nhân, nếu phát sinh Kiến đạo thời làm Tu đà hoàn, nếu phát sinh Tư duy đạo thời nên làm Tu đà hàm, A na hàm, A la hán; nếu phát sinh Bích chi Phật đạo thời làm Bích Chi Phật? Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát làm hạng Bát nhân sau đó mới vào Bồ Tát vị, thì lẽ ấy không thể có? Không vào Bồ Tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không thể có? Làm Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật, vậy sau mới vào Bồ Tát vị cũng không có lẽ ấy? Không vào Bồ Tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không có lẽ ấy? Bạch Đức Thế Tôn, con làm sao biết Bồ Tát học khắp các đạo được vào Bồ Tát vị?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, nếu Bồ Tát làm hạng Bát nhân được quả Tu đà hoàn cho đến được quả A la hán, được đạo Bích chi Phật, sau đó vào Bồ Tát vị, thì không thể có lẽ ấy, không vào Bồ Tát vị mà được trí Nhất thiết chủng, thì không có lẽ ấy. Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát từ khi mới phát tâm, tu sáu Ba la mật, nhờ trí quán sát mà vượt qua tám địa là Càn huệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa, nương Đạo chủng trí mà vào Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị rồi nhờ trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thủy phiền não và tập khí. Ở Bát nhân địa hoặc trí, hoặc đoạn là Bồ Tát vô sinh pháp nhẫn; ở Tu đà hoàn hoặc trí (trí biết khổ đế - ND) hoặc đoạn (đoạn trừ tập

đế - ND); Tư đà hàm hoặc trí hoặc đoạn, A na hàm trí hoặc đoạn, A la hán hoặc trí hoặc đoạn, Bích chi Phật trí hoặc đoạn đều là Bồ Tát nhãn. Bồ Tát học Thanh văn, Bích chi Phật. Như vậy, nương đạo chủng trí mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi nương trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thấy phiền não và tập khí, được Phật đạo. Như vậy, Bồ Tát học khắp các đạo đầy đủ nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi đem kết quả lợi ích chúng sinh.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói đạo: Đạo Thanh văn, đạo Bích chi Phật, Phật đạo, thế nào là đạo chủng trí của Bồ Tát?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát nên sinh trí thanh tịnh về hết thấy đạo chủng. Thế nào là trí thanh tịnh về hết thấy đạo chủng? Là nếu các pháp có tướng mạo có thể hiển bày, thì Bồ Tát nên biết đúng đắn; biết đúng đắn rồi, vì người khác diễn nói, khai thị khiến được hiểu rõ. Bồ Tát nên hiểu hết thấy âm thanh, ngôn ngữ; dùng âm thanh, ngôn ngữ ấy thuyết pháp lan khắp thế giới đại thiên ba ngàn như tiếng vang. Vì thế nên Bồ Tát nên trước hết học đầy đủ hết thấy đạo. Đạo trí đầy đủ rồi thì nên phân biệt tâm sâu xa của chúng sinh: Hoặc chúng sinh địa ngục, đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục, nên biết, nên ngăn trừ; phân biệt biết súc sinh, nhân súc sinh, quả súc sinh, nhân ngạ quỷ, quả ngạ quỷ, đường ngạ quỷ, nên biết, nên ngăn trừ; các rồng, quỷ thần, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân và quả A tu la đạo nên biết, nên ngăn trừ; nhân và quả của nhân đạo nên biết; nhân và quả của tiên đạo nên biết; nhân và quả của trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời Quang Âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tướng, trời A bà la ha, trời Vô nhiệt, trời Dị kiến, trời Hỷ kiến, trời A ca ni sắc nên biết; nhân và quả của Vô biên hư không xứ, vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ đạo nên biết; nhân và quả của bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo nên biết; nhân và quả của Không giải thoát môn, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi nên biết. Bồ Tát do các đạo ấy khiến chúng sinh vào đạo Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật, đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy gọi là đạo chủng trí thanh tịnh của Bồ Tát. Bồ Tát học đạo chủng trí ấy rồi vào tâm sâu xa của chúng sinh; vào rồi theo tâm sâu xa của chúng sinh mà thuyết pháp thích hợp, lời nói không hư dối, vì sao? Vì Bồ Tát ấy khéo biết căn tính của chúng sinh, biết tâm tâm số pháp của chúng sinh trong đường sinh tử. Nay Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên hành đạo Bát nhã ba la mật như vậy, vì sao? Vì hết thấy thiện

pháp trợ đạo đều vào trong Bát nhã. Các Bồ Tát, Thanh văn, Bích chi Phật nên thực hành.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu bốn niệm xứ cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác là hết thấy pháp đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thì làm sao do pháp trợ đạo ấy có thể thủ chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Bạch Đức Thế Tôn, pháp một tướng, không tướng, không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối ấy không có gì lấy, không gì bỏ, như hư không không lấy không bỏ.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, các pháp tự tính không, không có gì lấy, không có gì bỏ; vì chúng sinh không biết tự tính các pháp không, nên vì họ mà khai thị pháp trợ đạo, có thể thủ chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, sơ thiền cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, các pháp ấy ở trong Thánh pháp đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Vì theo pháp thế tục nên vì chúng sinh giảng nói, làm cho hiểu rõ, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Nay Tu Bồ Đề, đối với hết thấy pháp ấy, Bồ Tát nên dùng trí thấy pháp như thật mà học; học xong phân biệt các pháp nên dùng hay không nên dùng.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát phân biệt những pháp gì rồi nên dùng, hay không nên dùng?

Phật dạy: Pháp Thanh văn, Bích chi Phật phân biệt biết không nên dùng, trí Nhất thiết chủng phân biệt biết nên dùng. Như vậy, Bồ Tát đối với Thánh pháp nên học Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào gọi là Thánh pháp, Thánh pháp gồm những gì?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Pháp Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ Tát và Phật với tham dục, sân giận, ngu si không hợp, không tán, dục nhiễm, sân giận không hợp, không tán; sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, trạo cử, kiêu mạn, vô minh không hợp, không tán; sơ thiền cho đến đệ tứ thiền không hợp, không tán, từ bi hỷ xả, hư

không xứ cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ không hợp, không tán; bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo không hợp, không tán; nội không cho đến đại bi, tánh hữu vi, tánh vô vi không hợp, không tán, vì sao? Vì hết thảy pháp đều không sắc, không hình, không đối, vì là một tướng tức vô tướng. Pháp không sắc với pháp không sắc không hợp không tán; pháp không hình với pháp không hình không hợp không tán; pháp không đối với pháp không đối, không hợp không tán; pháp một tướng với pháp một tướng không hợp, không tán; pháp vô tướng với pháp vô tướng không hợp, không tán. Nay Tu Bồ Đề, Bát nhã ba la mật nhất tướng vô tướng, không sắc, không hình, không đối ấy, các Bồ Tát nên học; học rồi không thủ đắc các pháp tướng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát không học tướng sắc ư? Không học tướng thọ, tướng, hành, thức chẳng? Không học tướng mắt cho đến tướng ý? Không học tướng sắc cho đến tướng pháp? Không học tướng địa chủng cho đến tướng thức chủng? Không học Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật? Không học tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không? Không học tướng sơ thiên cho đến tướng đệ tứ thiên? Không học tướng từ bi hỷ xả? Không học tướng vô biên không, cho đến tướng Phi hữu tướng Phi vô tướng? Không học tướng bốn niệm xứ, cho đến tướng tám phần thánh đạo? Không học tướng Không tam muội, Vô tướng Vô tác tam muội? Không học tướng tám bội xả, định chín thứ lớp? Không học tướng mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Không học tướng Khổ thánh đế, Tập, Diệt đạo thánh đế? Không học tướng thuận quán, nghịch quán mười hai nhân duyên? Không học tướng hữu tính, vô vi tính? Bạch Đức Thế Tôn, nếu không học tướng các pháp ấy, Bồ Tát làm sao học tướng các pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi; học xong vượt qua địa vị Thanh văn, Bích chi Phật? Nếu không học quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật làm sao vào địa vị Bồ Tát? Nếu không vào địa vị Bồ Tát, làm sao được trí Nhất thiết chủng? Nếu không được trí Nhất thiết chủng làm sao Chuyển pháp luân? Nếu không Chuyển pháp luân, làm sao đem đạo ba thừa độ chúng sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu tướng các pháp thật có thời Bồ Tát nên học tướng ấy; song vì tướng các pháp thật không, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng; vì thế nên Bồ Tát không học tướng, không học vô tướng, vì sao? Vì có Phật hay không có Phật, một tướng của các pháp, tính vẫn thường trú.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thảy các pháp chẳng có tướng chẳng phải không có tướng thời Bồ Tát làm sao tu Bát nhã ba la mật?

Nếu không tu Bồ Tát thời không thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật? Nếu không vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật thời không thể vào địa vị Bồ Tát? Nếu không vào địa vị Bồ Tát thời không được vô sinh pháp nhẫn? Nếu không được vô sinh pháp nhẫn thời không thể được Bồ Tát thần thông? Nếu không được Bồ Tát thần thông thời không thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh? Nếu không nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh thời không thể được trí Nhất thiết chủng? Nếu không được trí Nhất thiết chủng thời không thể chuyển pháp luân? Nếu không chuyển pháp luân thời không thể làm cho chúng sinh được Tu đà hoàn quả cho đến đạo Bích chi Phật, Bồ Tát; cũng không thể làm cho chúng sinh được phước bố thí, được phước trì giới, tu định?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, các pháp vô tướng chẳng phải một tướng, chẳng phải hai tướng, nếu tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch: Làm sao tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tu sắc hư hoại là tu Bát nhã ba la mật, tu thọ, tưởng, hành, thức hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ý Ba la mật hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu quán bất tịnh hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu từ bi hỷ xả hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu bốn định vô sắc hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm thiên, niệm diệt, niệm hơi thở hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng tập, tướng nhân, tướng sinh, tướng duyên, tướng đóng, tướng diệt, tướng diệu, tướng xuất, tướng đạo, tướng trắng, tướng dấu tích, tướng lìa hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu mười hai nhân duyên hư hoại, tướng ngã, tướng chúng sinh, thọ giả, cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tướng thường, tướng vui, tướng tịnh, tướng ngã hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu Không, Vô tác, Vô tướng tam muội là tu Bát nhã ba la mật; tu tám bội xả, định chín thứ lớp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tam muội có giác có quán, tam muội không giác có quán, tam muội không giác không quán hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo

thánh để hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tận trí, vô sinh trí là tu Bát nhã ba la mật; tu pháp trí, tỷ trí, thể trí, tha tâm trí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thị không, tán không, tánh không, chư hạp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích Chi Phật hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu Nhất thiết trí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu dứt hết thấy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, sao gọi là tu sắc hư hoại cho đến tu đoạn hết thấy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không nghĩ đến có sắc pháp, ấy là tu Bát nhã ba la mật; không nghĩ đến có thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nghĩ đến có dứt hết thấy phiền não tập khí, ấy là tu Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì có pháp để nghĩ tới, là không tu Bát nhã ba la mật. Nay Tu Bồ Đề, có pháp để nghĩ tới là không tu Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì người ấy chấp trước pháp, không hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Chấp trước như vậy là không có giải thoát, không có đạo, không có Niết bàn; có pháp để nghĩ tới là không tu bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, không tu Không tam muội cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì người ấy chấp trước pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là có pháp? Thế nào là không có pháp?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hai là có pháp, chẳng hai là không có pháp.

Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là hai?

Phật dạy: Tướng sắc là hai, tướng thọ, tưởng, hành, thức là hai, tướng mắt cho đến tướng ý là hai; tướng sắc cho đến tướng pháp là hai, tướng Thí Ba la mật cho đến tướng Phật, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác; tướng hữu vi, vô vi là hai. Nay Tu Bồ Đề, hết thấy tướng đều là hai, hết thấy hai đều là có pháp; thích ứng với có pháp là có sinh tử, thích ứng với có sinh tử là không được xa lìa sinh già bệnh chết ưu bi khổ não. Vì nhân duyên ấy nên biết người chấp hai

tướng thời không có Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; không có đạo, không có quả, cho đến không có thuận nhẫn, huống gì thấy tướng sắc cho đến thấy tướng trí Nhất thiết chủng! Nếu không tu đạo làm sao được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng chánh đẳng chánh giác và dứt hết thủy phiền não tập khí?

Luận: Phật nói Bồ Tát hành sáu Bát nhã ba la mật, không thọ quả báo thế gian, Tu Bồ Đề tán thán việc ấy chưa từng có, bạch Phật rằng: Bồ Tát ấy thành tựu đại trí tuệ, tu hành pháp sâu xa, tạo tác nhân mà không thọ quả. Bồ Tát ấy vì làm lợi lớn cho chúng sinh nên không thọ quả báo nhỏ. Phật chấp thuận ý ấy, lại tự nói nhân duyên: Bồ Tát đối với các pháp tính không lay động. Tính các pháp là không có sở hữu, rốt ráo không, Như, pháp tính, thật tế, Bồ Tát định tâm an trú trong ấy, không lay động.

Tu Bồ Đề hỏi: Đối với những tính gì không lay động?

Phật đáp: Đối với tính sắc không lay động, cho đến đối với tính đại từ đại bi... vì sao? Vì tính các pháp là do nhân duyên sinh, không tự tại, không có định tướng; không có định tướng nên không có sở hữu. Các pháp là sắc pháp... nhân sắc pháp ấy nên nói vô vi. Thế nên pháp vô vi cũng không có sở hữu, vì sao? Vì không thể dùng pháp không có sở hữu mà thủ đắc pháp sở hữu.

Tu Bồ Đề thưa: Nếu không có sở hữu, không thể thủ đắc pháp sở hữu, vậy há có thể dùng pháp có sở hữu thủ đắc pháp có sở hữu ư?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp không có sở hữu được hết thủy thánh nhân xưng tán, an trú, còn không thể có sở đắc, huống gì pháp có sở hữu!

Tu Bồ Đề thưa: Pháp có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chăng?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì có sở hữu, không có sở hữu đều có lỗi, cho nên Phật đáp không.

Tu Bồ Đề thưa: Có thể dùng pháp không có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp có sở hữu có tướng sinh, tướng trụ là pháp hư dối, còn không có sở đắc, huống gì pháp không có sở hữu từ xưa lại đây rốt ráo không mà lại có sở đắc!

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu dùng cả bốn câu đều không có sở đắc, thì sẽ không có đạo, không đắc quả ư?

Phật đáp: Thật có đắc đạo, nhưng chỉ không dùng bốn câu ấy, vì sao? Vì bốn câu đều có lỗi như trên; nếu lìa bốn câu hí luận ấy tức là đạo.

Lại hỏi: Thế nào là tướng Bồ Tát hí luận?

Phật đáp: Sắc hoặc thường hoặc vô thường... là Bồ Tát hí luận, vì sao? Vì nếu thường thì chẳng sinh chẳng diệt, không có tội phước, tốt xấu; nếu vô thường cũng không đứng, vì sao? Vì nhân thường mà nói vô thường. Thường đã không thể có được, hưởng gì vô thường!

*Lại nữa, nếu vô thường chắc chắn là định tướng của sắc, thì không thể có nghiệp nhân duyên quả báo, vì sao? Vì sắc pháp... niệm niệm diệt mất. Nếu nghiệp nhân duyên và quả báo diệt mất thì không gọi là tướng vô thường? Các nhân duyên như vậy nên vô thường chẳng phải là thật tướng của sắc pháp... như đã phá ở trong phẩm Vô thường trước. Cho đến nghĩ rằng: Ta sẽ dứt hết thấy phiền não tập khí, cũng là hí luận. Sắc pháp... không thể hí luận, mà phàm phu hí luận các pháp, còn Bồ Tát đối với pháp không thể hí luận, tùy theo pháp không hí luận, vì sao? Vì tự tính không thể hí luận tự tính, vì sao? Vì tính do nhân duyên sinh, chỉ có giả danh, làm sao có thể hí luận? Nếu tính không thể hí luận, hưởng gì vô tính? Lìa tính và vô tính, lại không có pháp thứ ba có thể hí luận? Hí luận là: Hí luận pháp, hí luận nơi chỗ, pháp ấy đều không thể có được. Nay Tu Bồ Đề, sắc pháp... là tướng không thể hí luận. Như vậy, Bồ Tát nên tu Bát nhã ba la mật không hí luận.

*Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên không thể hí luận: sắc pháp... vô tự tính, nếu pháp vô tự tính tức là không thể hí luận. Nếu Bồ Tát tu được Bát nhã không thể hí luận ấy, liền được vào địa vị Bồ Tát.

Ý Tu Bồ Đề: Không có hí luận là đạo của ba thừa, vậy Bồ Tát dùng đạo gì để vào địa vị Bồ Tát không có hí luận? Phật đều đáp không, vì sao? Vì hàng Bồ Tát Đại thừa không nên dùng pháp Nhị thừa, vì sáu Ba la mật chưa đầy đủ, không thể dùng Phật đạo. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; Bồ Tát nên tu học khắp các đạo mới được vào địa vị Bồ Tát; thí như hàng Bát nhân trong hàng Kiến đế đạo, trước tiên học khắp các đạo, được vào chính vị mà chưa được quả Tu đà hoàn, Bồ Tát cũng như vậy; trước tiên học khắp các đạo, được vào địa vị Bồ Tát mà chưa được quả Nhất thiết chủng. Nếu Bồ Tát trú trong Kim cang tam muội, dùng một niệm tương ưng với tuệ thì được quả Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát học khắp các đạo vậy sau mới vào địa vị Bồ Tát, các đạo ấy khác nhau; nếu Bồ Tát học khắp các đạo ấy, hoặc

sinh vào tám đạo, tức là hàng Bát nhân; nếu sinh vào Bích chi Phật đạo, tức là Bích chi Phật; nếu Bồ Tát làm kẻ Bát nhân cho đến làm Bích chi Phật, vậy sau mới vào địa vị Bồ Tát, thời không có lẽ ấy? Nếu không vào địa vị Bồ Tát mà được trí Nhất thiết chủng, cũng không có lẽ ấy? Con sẽ làm sao biết được Bồ Tát học các đạo, vào địa vị Bồ Tát?

Phật chấp thuận ý ấy và tự nói nhân duyên: Bồ Tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba la mật, do trí quán thấy Bát địa rồi mà thẳng qua, như người có thân bị giam trong lao ngục, đi vào xem thấy nhưng cũng không cùng mang gông cùm; Bồ Tát muốn đầy đủ đạo chủng trí nên vào địa vị Bồ Tát, xem khắp các đạo, vào địa vị Bồ Tát; vào địa vị Bồ Tát rồi được trí Nhất thiết chủng, dứt hết phiền não tập khí. Phật khai thị cho Tu Bồ Đề rằng: Hàng Nhị thừa được phần ít trí tuệ của chư Phật và Bồ Tát, thế nên hàng Bát nhân hoặc trí hoặc đoạn, cho đến Bích chi Phật hoặc trí hoặc đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ Tát.

Trí là tám trí của hàng học nhân và chín hoặc mười trí của hàng vô học.

Đoạn là dứt mười kiết sử, tức là năm thượng phần kiết, năm hạ phần kiết.

Tu đà hoàn, Tư đà hàm nói lược là dứt ba kiết, nói rộng là dứt tám mươi tám kiết. A na hàm nói lược là dứt năm hạ phần kiết, nói rộng là dứt chín mươi hai kiết. A la hán nói lược là dứt ba lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; nói rộng là dứt hết thầy phiền não. Ấy gọi là trí và đoạn; trí và đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ Tát.

Hàng Thanh văn do bốn thánh đế được đạo, hàng Bồ Tát do một thánh đế vào đạo. Phật nói bốn thánh đế đều là một thánh đế, vì phân biệt nên có bốn. Bốn đế ấy trí và đoạn của Nhị thừa đều ở trong một đế. Bồ Tát trước tiên trú trong nhu thuận nhẫn, học vô sinh vô diệt, cũng chẳng phải vô sinh, chẳng phải vô diệt; là hữu kiến, vô kiến, hữu vô kiến, chẳng phải hữu chẳng phải vô kiến... dứt hết các hí luận, được vô sinh nhẫn.

Lại, nói có thể vượt qua trí tuệ của Thanh văn, Bích chi Phật, gọi là vô sinh nhẫn. Trí tuệ Thanh văn, Bích chi Phật quán năm uẩn sinh diệt nên sinh tâm nhàm chán, lìa dục mà được giải thoát. Bồ Tát do trí tuệ và phước đức lớn nên trong khi quán năm uẩn sinh diệt, tâm không sợ hãi như Tiểu Thừa; Bồ Tát dùng mắt tuệ tìm định tướng của pháp sinh diệt không thể có được, như đã nói trong phẩm Phá sinh ở trước. Chỉ dùng mắt thịt và tâm thô thiển thời thấy có vô thường sinh diệt; hàng phàm phu đối với các pháp thấy thường, mà khi pháp chấp trước ấy trở về vô thường, thời chúng sinh lo buồn, khổ não. Thế nên Phật nói muốn lìa

ưu khổ chớ quán tướng thường. Nói vô thường ấy vì phá điên đảo chấp thường, chứ không vì chấp đấm vô thường mà nói, thế nên Bồ Tát bỏ quán sinh diệt, vào trong vô sinh vô diệt.

Lại hỏi: Nếu vào vô sinh vô diệt tức là thường, làm sao xa lìa được điên đảo chấp thường?

Phật đáp: Như vô thường có hai: Một là phá điên đảo chấp thường mà không chấp vô thường; hay là chấp vô thường sinh hí luận; vô sinh hẳn cũng như vậy; Một là tuy phá sinh diệt mà không chấp vô sinh vô diệt nên không đọa vào điên đảo chấp thường; hai là chấp không sinh diệt nên đọa vào điên đảo chấp thường.

Chơn thật vô sinh là dứt các quán, đường ngôn ngữ bật, quán hết thấy pháp như tướng Niết bàn, từ xưa lại đây thường tự không sinh; được vô sinh vô diệt, rốt ráo thanh tịnh ấy thời quán vô thường còn không chấp thủ, hưởng gì sinh diệt? Các tướng như vậy gọi là vô sinh pháp nhẫn. Được vô sinh nhẫn ấy liền vào địa vị Bồ Tát; vào địa vị Bồ Tát rồi do trí Nhất thiết chủng dứt các phiền não và tập khí, dùng mọi nhân duyên độ thoát chúng sinh; như cây có trái ngon làm lợi ích nhiều.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là đạo chủng trí của Bồ Tát?

Phật đáp: Bồ Tát trú trong vô sinh pháp nhẫn được thật tướng các pháp. Từ thật tướng khởi lên, lấy danh tướng, ngôn ngữ các pháp tự mình hiểu rõ; tự mình hiểu rõ rồi lại vì chúng sinh diễn nói, khiến được khai ngộ. Bồ Tát nhờ nhân duyên phước đức nên hiểu âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh, dùng âm thanh biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng không chấp trước âm thanh ấy, vì biết nó như tiếng vang. Âm thanh ấy tức là tướng phạm âm, vì thế Bồ Tát nên biết hết thấy đạo, xem khắp tâm chúng sinh, biết gốc ngọn của nó rồi đem thiện pháp làm lợi ích, ngăn ngừa pháp bất thiện, như trong kinh nói rộng: Bồ Tát trước hết biết thật tướng các pháp, nên đối với đạo Nhị thừa ra vào tự tại; quán sát rồi đi thẳng qua mà vào địa vị Bồ Tát. Lại vì độ chúng sinh nên khởi đạo tuệ; muốn vì chúng sinh thuyết pháp, hiểu rõ âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh rồi dùng phạm âm thuyết pháp, ngăn ngừa đường ác, mở đường thiện. Đường ác là ba ác đạo: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Đường thiện là ba thiện đạo: Người, trời, A tu la. Dùng mọi nhân duyên chê trách ác đạo, tán thán thiện đạo. Ngăn đường ác là ngăn đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục. Địa ngục đạo là ba đạo

bất thiện. Nhân của địa ngục là ba độc: Tham dục tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tham lam, tật đố; sân nhuế khởi lên đường bất thiện giận dữ, náo hại; ngu si tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tà kiến. Ba độc là nhân của ba đường bất thiện, ba đường bất thiện là nhân của bảy đường bất thiện. Quả của địa ngục là do nhân ấy nên chịu thân địa ngục, tâm chịu các khổ não, đó là quả. Bồ Tát nên xem quả địa ngục của chúng sinh, vậy sau vì họ thuyết pháp, khiến dứt nhân quả và đường địa ngục. Mười đường bất thiện có thượng, trung, hạ. Thượng là địa ngục; trung là súc sinh, hạ là ngạ quỷ. Mười đường thiện cũng có thượng, trung, hạ. Thượng là trời, trung là người; hạ là quỷ thần. Ở mười đường thiện có thể lia dục, sinh lên cõi Sắc; lia cõi Sắc, sinh lên cõi Vô sắc. Ở trong ba đường ác thường chịu khổ, nên nói cần nên biết, cần nên ngăn trừ. Ở trong loài người, loài trời có nhân duyên đắc đạo; vì Niết bàn hoặc có khi nên ngăn trừ; vì bất định nên không nói; vì các pháp trợ đạo khác không nên nói ngăn trừ, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát phân biệt được như vậy rồi biết chúng sinh dùng pháp Tiểu thừa độ; nên dùng pháp Đại thừa để độ thời dùng pháp Đại thừa độ. Bồ Tát biết tâm sâu xa của chúng sinh và nghiệp nhân duyên đời trước; lại biết nhân duyên quả báo đời sau; lại biết thời tiết và nơi chốn của chúng sinh có thể hóa độ; các nhân duyên có thể hóa độ khác đều biết đầy đủ, thế nên lời nói không hư dối. Trí tuệ biết về đạo chủng và các pháp trợ đạo như vậy đều nhiếp vào trong Bát nhã; thế nên Bồ Tát nên hành Bát nhã đạo tuệ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu pháp trợ đạo, Bồ đề là pháp không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thời pháp trợ đạo ấy đều không, làm sao có thể chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Pháp không, không có sở hữu, thời đáng lẽ đáng không lấy, không bỏ; thí như hư không, không có pháp nên không lấy, không bỏ?

Tu Bồ Đề nói với tâm chơn thật không chấp trước, nên Phật hứa khả rằng: Như vậy, như vậy, và nói nhân duyên: Có chúng sinh không biết các pháp tự tướng không như vậy, nên vì chúng sinh ấy phân biệt pháp trợ đạo mà có thể chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, chẳng phải chỉ ba mươi bảy phẩm trợ đạo Không, không hợp, không tán, mà sắc pháp cho đến trí Nhất thiết chủng ở trong thánh pháp, cũng tự tướng không, không hợp, không tán. Không hợp, không tán là nghĩa rốt ráo không; như trong đây nói nhất tướng, đó là vô tướng. Pháp ấy tuy không, mà vì theo thế đế nên vì chúng sinh nói: Muốn làm cho được vào thánh pháp, chứ chẳng phải đệ nhất nghĩa. Trong đây Bồ Tát đều nên biết, thấy, học pháp ấy. Mới biết gọi là biết; về sau vào sâu, gọi là thấy. Biết là chưa rõ ràng, thấy là đã rõ ràng.

Hỏi: Biết và thấy có gì sai khác?

Đáp: Có người nói: Có cái biết chẳng phải thấy, có cái thấy chẳng phải biết, có cái cũng biết cũng thấy, có cái chẳng phải biết chẳng phải thấy.

Có cái biết chẳng phải thấy là chỉ cho trí tận và trí vô sinh, trừ thế gian chánh kiến và năm ác kiến, các tuệ khác đều gọi là biết; ấy là tuệ biết, chẳng phải thấy.

Có cái thấy chẳng phải biết là năm ác kiến và thế gian chánh kiến và nhấn ở trong kiến đế đạo; ấy là thấy, chẳng phải biết. Các tuệ vô lậu khác cũng gọi là biết, cũng gọi là thấy; là thấy và biết ấy, các pháp khác chẳng phải thấy, chẳng phải biết.

*Lại nữa, có người nói: Định tâm gọi là thấy, Định và chưa định đều thông suốt gọi là biết; như trong kinh Chuyển pháp luân nói: Khổ đế biết rồi nên thấy; biết rồi phân biệt biết, pháp ấy nên thấy, ấy là Khổ đế; pháp ấy nên đoạn, ấy là Tập đế; pháp ấy nên chướng, ấy là Diệt đế; pháp ấy nên tu, ấy là Đạo đế. Hoặc biết phiền não dứt gọi là thấy; như biết chín phẩm hoặc đoạn trừ.

Tu Bồ Đề nghe nói danh từ khác của Bát nhã gọi là thánh pháp, nên hỏi: Những gì là thánh pháp?

Phật đáp: Trong thánh pháp, các hiền thánh hoặc Phật, hoặc Bích chi Phật, hoặc Thanh văn, vì các pháp tham dục.. không hợp, không tán. Không hợp là hết thấy phiền não gọi là diên đảo; diên đảo tức không có sở hữu. Nếu không có sở hữu, làm sao có thể hợp? Nếu không hợp làm sao có tán? Vì không hợp nên không khinh phạm phụ; vì không tán nên không tự cao; đối với chúng sinh không thương không ghét. Trong đây Phật tự nói nhân duyên không hợp, không tán, đó là: Các pháp đều không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Pháp không có sắc với pháp không có sắc không hợp, không tán, cho đến pháp không có tướng với pháp không có tướng không hợp, không tán, vì sao? Vì pháp ấy đều một tính, tự tính không hợp với tự tính, ấy gọi là nhất tướng vô tướng của Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nên học. Học rồi không có pháp có thể được.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bồ Tát không học sắc tướng Như cho đến hữu vi vô vi tướng Như, nếu không học các pháp tướng ấy, tại sao trong kinh nói Bồ Tát trước tiên học các pháp tướng, sau vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa; nếu không vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật, làm sao vào địa vị Bồ Tát như trong kinh đây rộng nói?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu các pháp thật có tướng thì nên học tướng ấy. Nay Tu Bồ Đề, nhưng các pháp thật không có tướng; thế nên Bồ Tát không nên học tướng; không có tướng cũng không nên học, vì học là chấp thủ tướng. Việc pháp tướng như trong phẩm Phá tướng ở Trung luận đã nói. Có Phật hay không có Phật, thì các pháp vẫn thường trú, nhất tướng vô tướng.

Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói hết thấy pháp vô tướng, nay lại hỏi Phật: Nếu hết thấy pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng tướng, thì làm sao Bồ Tát tu Bát nhã? Nếu có vô tướng thì nhân nơi vô tướng có thể tu Bát nhã? Nay tướng và vô tướng đều không, vậy nhân việc gì được tu Bát nhã? Nếu không tu Bát nhã thì không thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, cho đến không thể an lập nơi ba phước điền?

Phật hứa khả lời ấy rằng: Như vậy, như vậy và nói nhân duyên tu Bát nhã; Bồ Tát không vì tu tướng nên là tu Bát nhã; tu vô tướng nên là tu Bát nhã.

Bạch Thế Tôn, làm sao tu vô tướng là tu Bát nhã? Nếu vô tướng, thì làm sao có thể tu?

Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã, vì các pháp hư hoại nên tướng vô tướng cũng hư hoại; thí như chiếc xe phân hoại nên tướng bánh xe cũng diệt; như vậy cho đến vi trần.

Bạch Thế Tôn, những pháp gì có thể phá hoại?

Phật đáp: Tu sắc pháp phá hoại tức là tu Bát nhã ba la mật; tu dứt hết thấy phiền não tập khí tức là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Làm sao tu pháp sắc phá hoại cho đến tu dứt hết thấy phiền não tập khí phá hoại là tu Bát nhã?

Phật đáp: Bồ Tát nhất tâm niệm đến Nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, muốn được chánh hạnh Bát nhã ba la mật, không nghĩ đến sắc là hữu pháp; tu như vậy là tu Bát nhã, vì cho sắc là định tướng có thật, thì mắc lỗi hữu tướng, vì có sao? Vì trong đây Phật tự nói nhân duyên: hữu tướng là không tu Bát nhã, vì trong Bát nhã vô pháp còn không có, huống gì hữu pháp! Người ấy không tu Bát nhã, cũng không tu năm Ba la mật; người ấy chấp trước hí luận pháp hữu, không tu bố thí... Người chấp trước như vậy không có giải thoát, không có đạo, không có Niết bàn. Không có ba môn giải thoát gọi là không có giải thoát; không có pháp không của thánh nhân gọi là không có đạo; không có đạo nên không có Niết bàn.

Hỏi: Vì có sao không có đạo?

Đáp: Vì người ấy hí luận pháp, không nhằm chán già bệnh chết, chấp trước pháp nên sinh tà kiến; tà kiến nên không thể như thật quán sát thân bất tịnh...; không thể quán thân nên không thể tu thân niệm xứ; không tu thân niệm xứ nên không thể tu thọ, tâm, pháp niệm xứ; không tu bốn niệm xứ nên không thể tu Không tam muội cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì chấp trước pháp hữu.

Bạch Đức Thế Tôn, những gì là pháp hữu, những gì là vô pháp? Phạm phu hoặc đối với hữu pháp sinh vô tướng, đối với pháp vô sinh tướng hữu? Muốn phân biệt việc ấy nên hỏi Phật.

Phật đáp; Hai tướng là pháp hữu, chẳng phải hai tướng là pháp vô.

Tu Bồ Đề hỏi: Những gì là hai pháp?

Phật đáp: Chấp thủ sắc tướng tức là hai, như trong phẩm trước nói. Lìa sắc không có mắt, lìa mắt không có sắc, cho đến tính hữu vi, vô vi, vì sao? Vì lìa hữu vi không được nói vô vi; lìa vô vi không được nói thật tướng hữu vi; thế nên hai pháp ấy không được lìa nhau mà phạm phu cho đó là hai, thế nên điên đảo. Phật lược nói hai tướng, đối với hết thảy pháp chấp thủ tướng đều là hai, hết thảy hai đều là hữu, thích ứng với hữu bèn có sinh tử, vì sao? Vì đối với hữu mà sinh tâm chấp trước, nhân tâm chấp trước mà sinh các phiền não, vì phiền não mà qua lại sinh tử, vì sinh tử mà ưu bi khổ não; thế nên nói thích ứng với pháp hữu bèn có sinh tử, có sinh tử thời không được khỏi già, bệnh, ưu, khổ. Nay Tu Bồ Đề, vì vậy nên biết người chấp hai tướng không có Thí Ba la mật cho đến không có thuận nhãn, huống gì thấy được thật tướng của sắc, cho đến thấy được thật tướng của trí Nhất thiết trí. Người ấy nếu không thấy được thật tướng của sắc... thời không có tu đạo, làm sao có quả Tu đà hoàn cho đến dứt hết thảy phiền não tập khí?

Sáu Ba la mật có hai: Thế gian và xuất thế gian. Người ấy không có sáu Ba la mật xuất thế gian, thế nên nói người chấp tướng hữu ấy không có sáu Ba la mật. Nếu có là chỉ có Ba la mật thế gian, nhưng trong đây không nói Ba la mật thế gian. Đạo quả Thanh văn còn không có, huống gì có Phật đạo? Hỏi: Thuận nhãn là thuận nhãn nào? Đáp: Đó là thuận nhãn của Tiểu thừa. Thuận nhãn của Tiểu thừa còn không có, huống gì của Đại thừa!

Hỏi: Địa vị đánh pháp đã không bị thối chuyển, có gì còn nói cho đến địa vị nhãn pháp?

Đáp: Trong pháp Thanh văn cũng nói đánh đọa, trong pháp Đại thừa cũng nói đánh đọa, có gì nói đánh pháp không đọa? Có người nói: Tuy ở đánh pháp không thối đọa, nhưng không bền chắc, không nhất định nên không nói. Nhẫn là an trú lâu, đã vào chánh định, tuy chưa được vô lậu mà đồng với vô lậu. Vì tùy thuận với khổ pháp nhẫn nên gọi là nhẫn; vì chưa từng thấy pháp ấy, hề thấy liền nhẫn được nên gọi là nhẫn. Người ấy với Phật thánh là nhỏ mà với phàm phu là lớn.

Thấy sắc có hai: Một là thấy thật tướng sắc rõ ràng, hai là dứt phiền não ràng buộc theo các sắc, nên gọi là thấy. Giống như sắc cho đến trí Nhất thiết chủng, và việc dứt hết thấy phiền não tập khí cũng như vậy. Nếu người thấy sắc tu đạo còn không có được, huống gì tu được quả Tu đà hoàn cho đến dứt phiền não tập khí?

Giải Thích: Phẩm Ba Thứ Lớp Học Thứ 75

(Kinh Ma ha Bát Nhã ghi: Ba thứ lớp hành)

(Kinh Đại Bát nhã hội 2 ghi: Phẩm Tiệm Thứ thứ 73)

Kinh: Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu theo tướng pháp hữu còn không được thuận nhẫn, huống gì được đạo? Nếu theo tướng pháp vô sẽ được thuận nhẫn chăng? Hoặc được Càn tuệ địa, hoặc Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa, Bồ Tát địa hoặc Phật địa, hoặc tu đạo, nhân tu đạo sẽ dứt phiền não chăng? Vì phiền não ấy nên không vượt quá được Thanh văn, Bích chi Phật mà vào địa vị Bồ Tát? Nếu không vào địa vị Bồ Tát thời không được trí Nhất thiết chủng; không được trí Nhất thiết chủng thời không được dứt hết thấy phiền não và tập khí. Bạch Đức Thế Tôn, nếu không có tướng hữu pháp thời pháp ấy chẳng sinh? Nếu chẳng sinh pháp ấy thời không thể được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, nếu không có pháp hữu thời có thuận nhẫn cho đến dứt hết thấy phiền não và tập khí.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, có tướng pháp chăng? Nghĩa là có tướng sắc cho đến tướng thức, tướng mắt cho đến tướng ý, tướng sắc cho đến tướng pháp, tướng nhãn giới cho đến tướng ý thức giới, tướng bốn niệm xứ, cho đến tướng trí Nhất thiết chủng; hoặc tướng sắc, hoặc tướng sắc dứt cho đến tướng thức, tướng thức dứt; tướng

mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy; hoặc tướng vô minh, hoặc tướng vô minh dứt, cho đến tướng ưu, bi, khổ, não, tướng ưu, bi, khổ, não dứt; hoặc tướng dục, hoặc tướng dục dứt, hoặc tướng sinh cho đến tướng sinh dứt; hoặc tướng si, hoặc tướng si dứt; hoặc tướng khổ, hoặc tướng khổ dứt; hoặc tướng tập, hoặc tướng tập dứt; hoặc tướng diệt, hoặc tướng diệt dứt; hoặc tướng đạo, hoặc tướng đạo dứt, cho đến tướng trí Nhất thiết chủng, tướng dứt hết thấy phiền não và tập khí?

Phật dạy: Không. Bồ Tát khi tu Bát nhã không có tướng pháp, tướng phi pháp, tức là Bồ Tát thuận nhẫn. Nếu không có tướng pháp, tướng phi pháp tức là tu đạo, cũng là đạo quả. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát, hữu pháp là Bồ Tát đạo, vô pháp là Bồ Tát quả; vì nhân duyên ấy nên biết hết thấy pháp, tính không có sở hữu.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp, tính không có sở hữu, làm sao Phật biết hết thấy pháp, tính không có sở hữu nên được thành Phật, đối với hết thấy pháp được sức tự tại?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, hết thấy pháp, tính không có sở hữu. Ta xưa hành Bồ Tát đạo, tu sáu Ba la mật, lìa các dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, cho đến vào đệ tứ thiền, đối với các thiền ấy và các thiền chi không nghĩ có các thiền ấy, không thọ thiền vị, không được thiền ấy, không nhiễm, thanh tịnh hành bốn thiền, Ta không thọ quả báo đối với các thiền ấy. Y trú nơi bốn thiền phát khởi năm thần thông là thần túc thông, thiên nhĩ thông, y tha tâm thông, túc mạng thông, thiên nhĩ thông, y tha tâm thông, túc mạng thông và thiên nhãn thông; đối với các thần thông không chấp thủ tướng, không nghĩ rằng có thần thông ấy, không thọ mùi vị của thần thông ấy, không thủ đắc thần thông ấy, Ta không phân biệt hành theo năm thần thông ấy. Nay Tu Bồ Đề, Ta lúc bấy giờ dùng một niệm tương ưng với tuệ, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nghĩa là ngộ được ấy là khổ thánh đế, ấy là tập, là diệt, là đạo thánh đế, thành tựu mười lục, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, được thành Phật; phân biệt ba nhóm chúng sinh là nhóm chánh định, tà định và bất định.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Làm sao Thế Tôn đối với pháp không có tính sở hữu mà sinh khởi bốn thiền, sáu thần thông và cũng không có chúng sinh mà Phật phân biệt ba nhóm chúng sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu các dục và các pháp ác bất thiện có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, ta xưa khi tu hạnh Bồ Tát, đã không thể quán các dục, pháp ác bất

thiện không có tính sở hữu để vào sơ thiền, song vì các dục, pháp ác bất thiện không có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính đều là tính không có sở hữu. Nên ta xưa khi hành Bồ Tát đạo mới lia các dục, pháp ác bất thiện để vào sơ thiền cho đến vào đệ tứ thiền. Nay Tu Bồ Đề, nếu các thần thông có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính thì Ta không thể biết thần thông ấy không có tính sở hữu, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, vì thần thông không có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính đều không có tính sở hữu; vì vậy nên chư Phật đối với thần thông biết không có tính sở hữu nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Luận. Hỏi: Các pháp Không cùng một nghĩa, có gì Tu Bồ Đề dùng mỗi mỗi nhân duyên hỏi lại: Trong đây lại hỏi: Có tướng pháp thời không thể được thuận nhãn, cho đến nếu các pháp ấy không sinh thời không thể được trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Nghĩa rất ráo không của các pháp ấy rất sâu xa, khó hiểu, người nói còn khó, huống gì người lãnh thọ, người tu hành? Thế nên Tu Bồ Đề vì Bát nhã mà thưa hỏi, sợ người nhiều nghi, nhiều hoặc, nên dùng mỗi mỗi nhân duyên hỏi lại.

*Lại nữa, nghĩa được hỏi tuy là một mà chỗ nguyên nhân có khác nhau. Hoặc hỏi nếu hết thấy pháp không, làm sao phân biệt có năm đường? Hoặc hỏi nếu hết thấy pháp không có tướng sở hữu, làm sao phân biệt có ba thừa? Hoặc hỏi có tướng thời cho đến không được thuận nhãn, làm sao quán sát Bát địa mà vào địa vị Bồ Tát? Những câu hỏi như vậy vì câu hỏi có khác nên nghĩa có sai khác, vì Bát nhã không có tướng nhất định. Phật hứa khả lời Tu Bồ Đề rằng: Như vậy, như vậy, ông trước hỏi thuận nhãn, đó là thuận nhãn của Tiểu thừa, nay hỏi, đó là thuận nhãn của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã, có tướng pháp chăng? Phật đáp: Bồ Tát khi hành Bát nhã không có pháp sinh tướng hoặc có hoặc không ấy, vì sao? Vì thấy có thấy không đều có lỗi; ấy là Bồ Tát thuận nhãn; đối với hết thấy pháp không sinh tâm thấy tướng có, tức là tư đạo. Nay Tu Bồ Đề, hữu pháp là Bồ Tát đạo, vô pháp là quả. Hữu pháp gọi là hữu vi, vô pháp là vô vi. Hành tám thánh đạo hữu vi thời dứt các phiền não, được quả vô vi.

*Lại nữa, có người nói năm Ba la mật gọi là hữu pháp, là Bồ Tát đạo; Bát nhã ba la mật rất ráo không nên là vô pháp, là Bồ Tát quả. Có người nói: Bát nhã là tướng trí tuệ, pháp hữu vi là đạo; Như, pháp tính, thật tế không từ nhân duyên sinh, thường có, nên gọi là quả. Có như vậy không có sai khác. Vì nhân duyên ấy nên biết hết thấy pháp đều là không có tính sở hữu, gọi là vô pháp.

Lại hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thầy pháp không có tính sở hữu, làm sao Phật đối với không có tính sở hữu được chánh trí, chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với các pháp được tự tại? Phật hứa khả lời ấy. Bồ Tát dùng trí không có sở hữu hợp tu hết thầy pháp, có thể dứt hết thầy chấp trước nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong đây Phật tự dẫn chứng: Ta xưa khi làm Bồ Tát tu sáu Ba la mật lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc mà vào sơ thiên.

Lìa dục là lìa năm dục; lìa pháp ác bất thiện là lìa năm triền cái. Đưa người vào đường ác nên gọi là ác; chướng ngại thiện pháp nên gọi là bất thiện. Có giác có quán là giác quán lành, thuộc sơ thiên; lìa dục sinh hỷ lạc là lìa bỏ năm dục sinh hỷ lạc. Hỷ lạc là trong cõi Sắc có hai thứ lạc: Một là vui có mừng, hai là chỉ có vui không có mừng. Vui và mừng thuộc sơ thiên, nhị thiên; chỉ có vui, không mừng thuộc tam thiên.

Hỏi: Sơ thiên, nhị thiên đều có vui mừng, có gì sai khác?

Đáp: Thứ vui mừng trong sơ thiên là do lìa năm dục phát sinh; thứ vui mừng trong nhị thiên là từ định phát sinh nên gọi là định sinh. Lại nữa, tướng phiền não cõi Dục bất thiện nên chướng ngại sơ thiên. Hành giả muốn lìa chướng ngại lớn nên nói ly sinh, còn phiền não ở cõi Sắc thuộc vô ký, bị các nạn mềm yếu lo, do nhân duyên giác quán nên mất thiên, thế nên Phật nói diệt các giác quán, bên trong tâm thanh tịnh nên được nhị thiên; tam thiên, tứ thiên như trước đã nói. Ta đối với các thiên chi thủ tướng được rồi mà không nghĩ đến có thiên ấy. Khi ban đầu tập thiên, thủ tướng cho đến khi được; được rồi sợ đắm nhiễm nên quán vô thường, không nghĩ đến có thiên ấy, không thủ đắc định tướng của thiên ấy, cũng không thọ mùi vị của thiên ấy; tâm không nhiễm trước tu bốn thiên, khác với ngoại đạo. Theo đó tu các thiên mà không thọ quả báo thiên. Y trú bốn thiên, sinh khởi năm thân thông. Vì túc mạng thông nên biết nhân duyên nghiệp cũ của chúng sinh sinh đến nơi đây. Do sức thiên nhãn thông nên thấy chỗ sinh đến trong tương lai của chúng sinh, theo hành nghiệp của chúng. Biết gốc ngọn của chúng sinh rồi sinh tâm đại bi, nghĩ làm sao dứt sự khổ sinh tử tương tục cho chúng sinh. Bấy giờ tâm hồi hướng vào lậu tận thông, tức thời do một niệm tương ưng với tuệ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nghĩa là ngộ đó là tướng khổ, nhân của khổ là ái dục; ái dứt thời khổ diệt; đường đi đến khổ diệt là đạo; thông đạt bốn đế nên được mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, và phân biệt chúng sinh làm ba nhóm. Dùng ba thân thông độ chúng sinh ấy là dùng thiên nhĩ, tha tâm, thân túc thông; vì chúng sinh thuyết pháp khiến thoát sinh tử.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu các pháp không có sở hữu, làm sao lúc Phật làm Bồ Tát khởi sinh bốn thiên, sáu thần thông? Nếu không có chúng sinh, làm sao Phật phân biệt chúng sinh làm ba nhóm?

Phật đáp: Các dục, các pháp ác bất thiện nếu có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, thời Ta khi xưa làm Bồ Tát không thể quán các dục, các pháp ác bất thiện không có tính sở hữu mà vào sơ thiên. Ý Phật là nếu các dục, pháp ác bất thiện là pháp có định tính hoặc nhiều hoặc ít tự tướng, hoặc trong thân có tính tịnh, tính thương... Tính có hai: hoặc tự tính, hoặc tha tính. Tự tính là tính bất tịnh trong tự thân; tha tính là chỉ cho y phục, đồ trang sức thân; các thứ đó đều vô thường hư dối, làm nhân duyên cho khổ não. Năm dục bên trong bên ngoài không có thường lạc ngã tịnh thật, nếu có thời Ta xưa khi tu Bồ Tát đạo, không thể quán năm dục Không, không có tính sở hữu mà vào sơ thiên, vì các dục và pháp ác bất thiện không có thật tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, nên Ta khi làm Bồ Tát lìa năm dục, pháp ác bất thiện mà vào sơ thiên cho đến vào đệ tứ thiên. Nếu các thần thông có tính, hoặc tự tính hoặc tha tính, thời Ta khi xưa tu Bồ Tát đạo không thể biết thần thông không có sở hữu, nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp nhất định không, không có tính sở hữu, làm sao Phật đối với các pháp được sức tự tại?

Phật dạy: Ta do bốn thiên đối với các phiền não được giải thoát, do sáu thần thông đối với các pháp được tự tại độ sinh. Ý Tu Bồ Đề là vì bốn thiên, bốn thần thông là có, làm sao Phật đối với Không được sức tự tại?

Phật khai thị: Ta quán năm dục Không, vì hư dối không có định tướng nên không chấp trước các thiên mà khởi lên thần thông. Các thiên vì có tướng có hạn lượng nên có thể xả, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lúc mới lìa dục, vì lấy không có tính sở hữu làm nhân nên được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có sở hữu. Nếu các thiên nhất định Không, Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng Không thời có thể có vấn nạn ấy. Nhưng vì nay cả hai đều không, nên không nên vấn nạn.

(Hết cuốn 86 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 87

Kinh: Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát biết các pháp không có tính sở hữu, nhân bốn thiền, năm thần thông được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bạch Đức Thế Tôn, hàng Bồ Tát mới học làm sao đối với các pháp không có tính sở hữu lại thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; do thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo ấy chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát nếu mới đầu theo Phật được nghe; hoặc theo A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn được nghe, vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Phật? Vì ngộ được lý không có sở hữu nên là A la hán, Tư đà hàm, A na hàm, Tu đà hoàn, hết thấy hiện thánh đều vì ngộ được lý không có sở hữu nên có danh xưng. Hết thấy pháp hữu vi tạo tác không có tính sở hữu cho đến không có mảy may sở hữu như mảy lông. Bồ Tát ấy nghe như vậy rồi nghĩ rằng: Nếu hết thấy pháp không có tính sở hữu, vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Phật, cho đến vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Tu đà hoàn. Nếu con sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu không được hết thấy pháp thường không có tự tính, cứ sao con không phát tâm được Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, hết thấy chúng sinh hành theo tướng có, con sẽ khiến họ an trú trong tính không có sở hữu? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát suy nghĩ như vậy rồi phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì độ hết thấy chúng sinh nên Bồ Tát hành theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo, như quá khứ các Bồ Tát hành đạo được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Hàng Bồ Tát mới học nên học sáu Ba la mật, đó là Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Bồ Tát ấy nếu khi hành Thí Ba la mật, tự hành bố thí, cũng dạy người bố thí, tán thán công đức bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí; do nhân duyên bố thí ấy cho nên được tài sản giàu có, Bồ Tát ấy xa lìa xan lẫn, bố thí cho chúng sinh uống ăn, y phục, hương hoa, anh lạc, phòng xá, đồ nằm, đèn đuốc, mọi thứ cần dùng để nuôi sống. Bồ Tát hành trì giới bố thí ấy sinh vào cõi trời cõi người được tôn quý lớn; do trì giới bố thí ấy nên được thiên định uẩn; do bố thí, trì giới, thiên định ấy nên được trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Bồ Tát ấy nhân bố thí, trì giới, thiên uẩn, trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn nên vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi được nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát do

bồ thí ấy thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo đều là không thể có được, vì sao? Vì tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tự hành trì giới, dạy người trì giới, tán thán công đức trì giới, hoan hỷ tán thán người trì giới. Do trì giới nên sinh vào cõi trời cõi người, được tôn quý lớn; thấy kẻ nghèo cùng thí cho tài vật; thấy người không trì giới dạy khiến trì giới; thấy người loạn ý dạy khiến thiền định; thấy người ngu si dạy khiến trí tuệ; thấy người không giải thoát dạy khiến giải thoát; thấy người không có giải thoát tri kiến giải thoát tri kiến. Do trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy nên vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, vào địa vị Bồ Tát; vào địa vị Bồ Tát rồi được nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát do trì giới ấy thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; các việc ấy đều không thể có được, vì sao? Vì hết thầy pháp tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi phát tâm lại đây tự hành Nhãn Ba la mật, dạy người hành nhãn, tán thán công đức nhãn, hoan hỷ tán thán người hành nhãn; khi hành Nhãn Ba la mật bồ thí cho chúng sinh đầy đủ mọi thứ; dạy khiến trì giới, dạy khiến thiền định cho đến giải thoát tri kiến. Do nhân duyên bồ thí trì giới, thiền định, trí tuệ ấy nên vượt quá địa vị A la hán, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi được nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát do Nhãn Ba la mật thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; các việc ấy đều không thể có được, vì sao? Vì hết thầy pháp tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây tự hành tinh tấn, dạy người hành tinh tấn, tán thán công đức hành tinh tấn, hoan hỷ tán thán người hành tinh tấn, cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, tự vào thiền, vào bốn tâm vô lượng, vào định vô sắc; cũng dạy người vào thiền, vào tâm vô lượng, vào định vô sắc; tán thán công đức vào thiền, vào tâm vô lượng, vào định vô sắc; hoan hỷ tán thán người hành thiền, tâm vô lượng, định vô sắc. Bồ Tát ấy trú ở các thiền, định, tâm vô lượng; bồ thí cho chúng sinh mỗi mỗi được đầy đủ, dạy

kiến thiên định, trí tuệ. Do nhân duyên bố thí, thiên định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy nên vượt quá định vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi nghiêm tịnh cõi Phật, nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây hành Bát nhã ba la mật, bố thí cho chúng sinh mỗi mỗi đầy đủ, dạy khiến trì giới, thiên định, giải thoát, giải thoát tri kiến. Bồ Tát ấy khi hành Bát nhã ba la mật, tự hành sáu Ba la mật, cũng dạy người khiến hành sáu Ba la mật, tán thán công đức sáu Ba la mật, hoan hỷ tán thán người hành sáu Ba la mật. Bồ Tát ấy do nhân duyên Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật ấy vào sức phương tiện nên vượt quá định vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính không có sở hữu. Ấy gọi là Bồ Tát mới phát tâm thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát thứ lớp hành thứ lớp học, thứ lớp đạo. Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây, do tâm tương ưng với trí Nhất thiết chủng, tin các pháp không có tính sở hữu, tu sáu niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả và niệm thiên.

Thế nào là Bồ Tát tu niệm Phật? Bồ Tát niệm Phật không niệm qua sắc, không niệm qua thọ, tưởng, hành, thức, vì sao? Vì tự tính sắc không có; tự tính thọ, tưởng, hành thức không có; nếu pháp không có tự tính thời là không có sở hữu, vì sao? Vì không có nhớ nghĩ gì; ấy là niệm Phật.

Lại, Bồ Tát niệm Phật không niệm qua ba mươi hai tướng, cũng không niệm qua thân kim sắc, không niệm qua hào quang một trượng, không niệm qua tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vì sao? Vì thân Phật tự tính không có; nếu pháp không có tự tính thời là không có sở hữu, vì sao? Vì không có nhớ nghĩ gì; ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do giới uẩn mà niệm Phật; không nên do định uẩn, trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn mà niệm Phật, vì sao? Vì các uẩn ấy không có tự tính; nếu pháp không có tự tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do mười trí lực niệm Phật, không nên do bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, niệm Phật; không nên do đại từ đại

bi niệm Phật, vì sao? Vì các pháp ấy không có tự tính; nếu pháp không có tự tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do mười hai nhân duyên niệm Phật, vì sao? Vì tự tính nhân duyên không có; nếu pháp không có tự tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì, ấy là niệm Phật.

Như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên niệm Phật, ấy là Bồ Tát từ khi mới phát tâm thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo. Bồ Tát ấy trú trong thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo có thể đầy đủ bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tu hành Không tam muội, Vô tướng, Vô tác tam muội cho đến trí Nhất thiết chủng, vì chúng các pháp không có sở hữu. Bồ Tát ấy biết tính các pháp không có sở hữu, trong ấy không có tính có, không có tính không.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm pháp? Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không niệm pháp lành, không niệm pháp chẳng lành, không niệm pháp ký, không niệm pháp vô ký; không niệm pháp thế gian, không niệm pháp xuất thế gian, không niệm pháp tịnh, không niệm pháp bất tịnh, không niệm pháp thánh, không niệm pháp phàm phu, không niệm pháp hữu lậu, không niệm pháp vô lậu, không niệm pháp ràng buộc cõi Dục, pháp ràng buộc cõi Sắc, pháp ràng buộc ở cõi Vô sắc, không niệm pháp hữu vi, pháp vô vi, vì sao? Vì tự tính các pháp ấy không có; nếu pháp không có tự tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì, ấy là niệm pháp; ở trong niệm Pháp học tính không có sở hữu cho đến được trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được pháp không có tính sở hữu, đối với tính không có sở hữu ấy chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng. Như vậy, Bồ Tát nên tu niệm Pháp, đối với pháp ấy cho đến không có mảy may niệm, hướng gì niệm Pháp!

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm Tăng? Bồ Tát niệm Tăng là vì pháp vô vi nên phân biệt có chúng đệ tử Phật, trong pháp ấy cho đến không có mảy may niệm, hướng gì niệm Tăng! Như vậy, Bồ Tát nên niệm Tăng.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm giới? Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây nên niệm Thánh giới, giới không khuyết, giới không lủng, giới không tỳ vết, giới không trước uế, giới không đấm trước, giới tự tại, giới được người trí khen, giới đầy đủ, giới đi theo định; nên niệm giới ấy không có tính sở hữu cho đến không có mảy may niệm, hướng gì niệm Giới!

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm xả? Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây nên niệm xả, hoặc tự mình niệm xả, hoặc niệm người khác xả, hoặc xả tài, hoặc xả pháp, hoặc xả phiền não; quán các xả ấy đều không thể có được, hưởng gì niệm xả! Như vậy, Bồ Tát nên niệm xả.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên niệm thiên? Bồ Tát nghĩ rằng các vị trời ở cõi Tứ thiên vương có tín, có giới, thí, vãng, tuệ nên chết ở cõi này được sinh lên cõi trời kia. Ta cũng có tín, giới, thí, vãng, tuệ ấy; cho đến trời Tha hóa tự tại có tín, giới, vãng, tuệ, nên chết ở cõi này sinh lên cõi trời kia; ta cũng có tín, giới, vãng, tuệ ấy. Như vậy, Bồ Tát nên niệm thiên. Các trời ấy không có tính sở hữu còn không có mảy may niệm, hưởng gì niệm thiên!

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát tu sáu niệm ấy, ấy gọi là thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo.

Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thầy pháp không có tính sở hữu, nghĩa là niệm sắc cho đến thức, nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp đều không có tính sở hữu; nhãn giới cho đến ý thức giới đều không có tính sở hữu; Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết chủng đều không có tính sở hữu. Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thầy pháp không có tính sở hữu thì là không có đạo, không có trí, không có quả?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ông thấy tính sắc ấy thật có chăng, cho đến trí Nhất thiết chủng thật có chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, con không thấy.

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu ông không thấy các pháp thật có, vì sao hỏi câu ấy?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, con đối với pháp ấy không dám có nghi, chỉ vì các Tỳ kheo cầu Thanh văn, Bích chi Phật đạo, Bồ Tát đạo đời sau; các người ấy sẽ nói như vậy: Nếu hết thầy pháp không có tính sở hữu, vậy ai nhớ, ai sạch, ai trí, ai mở...? Vì không biết không hiểu mà phá giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá đời sống thanh tịnh. Người ấy phá các việc ấy nên sẽ đọa vào ba đường ác. Bạch Đức Thế Tôn, con sợ đời sau có các việc như vậy, cho nên hỏi Phật. Bạch Đức Thế Tôn, còn con đối với các pháp này rất tin, không nghi, không hỏi.

Luận: Tu Bồ Đề tin thọ lời Phật: Hết thấy pháp tuy không mà có thể khởi lên bốn thiên, năm thần thông là những điều vị đại Bồ Tát gần thành Phật có thể làm được; nay vì chưa biết hàng mới phát tâm làm sao hành cho nên hỏi Phật: Bồ Tát mới học làm sao đối với các pháp không có tính sở hữu mà thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; dùng thứ lớp hành ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Vì thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo nên biết Bồ Tát mới học tuy trải qua vô lượng kiếp phát tâm xong, vì chưa ngộ được thật tướng các pháp, nên đều gọi là mới học.

Hỏi: Nếu người như vậy là mới học, thời chỉ nên dạy họ tu bố thí, trì giới... có gì Phật dạy họ khiến đối với pháp rất ráo không, không có sở hữu tu hành?

Đáp: Nay nói rõ: Vì mới vào pháp rất ráo không, không có sở hữu nên khiến tu hành theo pháp không có sở hữu, mà Bồ Tát ấy do rất ráo không, không có sở hữu mà hòa hợp tu bố thí, trì giới; thí như trẻ con uống g thuốc, cần có đường mật mới uống được; thế nên tuy mới phát tâm cũng quán được nghĩa của "tính không" sâu xa, không có lỗi. Phật đáp với Tu Bồ Đề: Bồ Tát nếu mới đầu theo Phật nghe, hoặc theo các vị Bồ Tát đã cúng dường nhiều đức Phật được nghe.

Các đức Phật là hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, còn các Bồ Tát đã cúng dường nhiều đức Phật là: Bồ Tát Biến cát, Quán thế âm, Đắc đại thế chí, Văn thù sư lợi, Di lạc... Bốn hạng thánh nhân Thanh văn nghĩa như trước đã nói. Các đức Phật, thánh nhân đều nhân nơi không có sở hữu nên có phân biệt. Thánh nhân tuy có các công đức thiên định... đều vì Niết bàn, Niết bàn tức là tướng tịch diệt, không có sở hữu; thế nên nói các thánh nhân đều nhân nơi Niết bàn mà có sai khác. Hết thấy pháp hữu vi tạo tác vì do nhân duyên hòa hợp sinh, không có thật tính nhất định, cho đến không có sở hữu như mây lông.

Hữu vi có hai: Một là sắc, hai là vô sắc. Sắc pháp phá hoại, phân tán cho đến vi trần không có thật tính nhất định. Vô sắc pháp cho đến không có thật tính nhất định trong một khoảnh khắc. Phá tướng sắc vô sắc như trước đã nói. Bồ Tát theo Phật nghe pháp ấy, những người khác phần nhiều đem tâm chấp trước thuyết pháp, các bậc thánh đem tâm không chấp trước thuyết pháp; thế nên nói chỉ theo thánh nhân nghe. Bấy giờ Bồ Tát thứ lớp học nghe pháp ấy, lấy trí so sánh, trừ lượng, quyết định biết các pháp rất ráo chắc chắn không, đều nhập vào thật tướng sở đắc của Phật. Nghĩa là vào tướng tịch diệt không hý luận. Tôi nếu được làm Phật hoặc không được làm, bình đẳng không sai khác, vì sao? Vì thật tướng các pháp không thêm không bớt, lại không có pháp mới có thể được; pháp cũng không mất. Nếu độ chúng sinh, chúng sinh rất ráo không; gốc ngọn

không thể có được; công đức tôi nghe, tôi làm đến khi thành Phật có lực thần thông đều như mộng như huyễn, không có thật tướng nhất định, rốt ráo không. Được và không được tuy đồng, cứ sao tôi không phát tâm làm Phật?

Hỏi: Nếu biết các pháp rốt ráo không, không có sở hữu, cứ sao lại nói: Vì sao tôi không phát tâm làm Phật?

Đáp: Rốt ráo không, không có sở hữu, không chướng ngại gì, đâu ngăn ngại phát tâm? Lại nữa, nếu nói phát tâm dứt các hí luận, thời làm sao chướng ngại phát tâm? Nếu chướng ngại tức là có tự tính, cứ sao nói không có tính sở hữu?

Hỏi: Nếu không chướng ngại phát tâm, cũng nên chẳng chướng ngại không phát tâm? Bồ Tát sao không an trú mà phát tâm chịu các việc siêng khổ?

Đáp: Có người nói: Bồ Tát ấy có các nhân duyên nên phát tâm, hoặc vì thấy nhiều thân thuộc tri thức, không nghe, không biết, không được thật tướng các pháp; thế nên đời nay đời sau chịu các khổ não. Ta may mắn có lực, có thể khiến các người ấy được lìa khổ; thí như người gặp được thuốc hay, bà con tri thức chịu bệnh khổ, làm sao không đem cho? Thế nên Bồ Tát tuy biết pháp tính không có sở hữu, nhưng vì bà con cho nên phát tâm, làm lợi ích chúng sinh. Bồ Tát lại nghĩ rằng: ta tuy nghe thật tướng các pháp mà tâm chưa thâm nhập, chưa có thiền định, trí tuệ chưa thuần thực, chịu các khổ não, thế nên phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhóm các công đức, vì không có pháp sở hữu thủ chúng, tự vì mình, cũng vì người khác. Bồ Tát ấy lại nghe nghĩa Đại thừa sâu xa, trú trong nghĩa chúng sinh bình đẳng, pháp bình đẳng, không có tâm sai khác có thể được làm Phật. Tuy đối với người bình thường và người oán hận đều không có tâm sai khác, vì sao? Vì Bồ Tát dùng tâm rốt ráo không làm cho phiền não yếu mỏng, người oán kẻ thân bình đẳng, nghĩ rằng: oán thân không có nhất định, vì nhân duyên nên thân hoặc thành oán, oán hoặc thành thân. Do nhân duyên lớn ấy đầy đủ Nhẫn ba la mật, nên được làm Phật. Do gì mà được? Do nhẫn nhịn oán ghét, vì Bồ Tát ấy xem kẻ oán như người thân. Thí như muốn đi qua đường hiểm nên phải kính trọng người dẫn đường; lại như thầy thuốc hay tuy nghèo hèn mà vì quý hiếm nên trọng vọng. Như vậy, suy nghĩ, trừ lượng, phân biệt người bình thường, người oán hận tuy đối với ta vô dụng, nhưng vì nhân duyên Phật đạo, thế nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là một cách thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; vì thế nên lấy sở hành của Bồ Tát quá khứ làm chứng.

Hỏi: Thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo có gì sai khác?

Đáp: Có người hỏi: Không có sai khác, hoặc hành, hoặc học, hoặc đạo nghĩa một mà từ ngữ khác nhau. Có người nói: Mới đầu là hành, chính giữa là học, cuối cùng là đạo. Hành là bố thí, học là trì giới, đạo là trí tuệ. Lại, hành là trì giới, học là thiên định, đạo là trí tuệ.

Lại, hành là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; học là chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; đạo là chánh kiến, chánh tư duy. Tám việc ấy tuy gọi là đạo, nhưng phân biệt có ba phần: Chánh kiến là thể đạo, phát khởi đạo ấy là chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; giúp ích cho chánh kiến nên gọi là hành; chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định có thể thành tựu chánh kiến, làm cho kiên cố; ấy gọi là học. Lại có người nói: Thí Ba la mật, Tấn Ba la mật gọi là hành, vì mới vào đạo; Giới Ba la mật, Thiên Ba la mật gọi là học; tâm người thường theo năm dục khó cấm chế, không giây phút nào dừng nghỉ, dần dần dùng Giới Ba la mật, Thiên Ba la mật chế phục tâm ấy nên gọi là học; Nhẫn Ba la mật, Bát nhã ba la mật gọi là đạo, vì sao? Vì nhẫn là lành, Bát nhã là trí tuệ; lành và trí tuệ đầy đủ gọi là đạo; thí như người có mắt có chân tùy ý đi lại. Như vậy có ba việc sai khác.

Hỏi: Sao gọi là thứ lớp?

Đáp: Vì ý Tu Bồ Đề: Nếu hết thầy pháp không có sở hữu thời Bồ Tát mới phát tâm đối với pháp không ấy làm sao có thể lần lữa thứ lớp học? Vì thế nên nói thứ lớp. Các pháp tuy Không, khó hiểu, song vì thứ lớp được sức hành nên có thể được thành tựu; thí như leo thang, từ bậc một lần lên chỗ cao tuy khó mà cũng có thể đến được. Thứ lớp hành là bốn cách hành sáu Ba la mật, như trong kinh này nói: tự mình hành bố thí, dạy người hành bố thí, tán thán công đức hành bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Khéo nhỏ gốc xan tham, ưa thích Thí Ba la mật, từ bi đối với chúng sinh, thông suốt thật tướng các pháp, do nhân duyên ấy nên có thể hành bốn cách bố thí. Hoặc có người tự mình hành bố thí, chẳng thể dạy người khác bố thí, hoặc sợ người khác giận; hoặc sợ vì mình dạy bố thí cho là có ân; vì các nhân duyên như vậy nên không thể dạy người bố thí. Hoặc có người dạy người bố thí mà tự mình không thể bố thí, hoặc có người tán thán công đức bố thí, khuyên người khác bố thí mà tự mình không thể bố thí; hoặc có người tự mình bố thí, cũng dạy người bố thí, tán thán công đức bố thí, nhưng thấy người khác bố thí thì không thể hoan hỷ, vì sao? Vì hoặc thấy người phá giới, người ác hành bố thí mà không ưa thấy; có người ưa thấy thí chủ mà không tán thán. Vì tà kiến ấy nên không biết được quả bố thí. Như vậy, mỗi mỗi không thể đầy đủ. Bồ Tát vì tâm đại bi, rất ưa pháp lành nên có thể hành bốn việc như vừa nói. Bồ Tát nếu chỉ tự mình bố thí, không dạy người bố thí thời

người được thí chỉ có thể được chút lợi ích đời nay. Chúng sinh ấy tùy nghiệp nhân duyên đọa vào chỗ nghèo cùng, thế nên Bồ Tát dạy chúng sinh rằng: Ta không tiếc tài vật, tuy ta thí cho người nhiều, người cũng không được đem theo đến đời sau; người nay hãy tự thực hành đời sau mới tự mình được lợi ích. Đem công đức thật của bố thí mỗi mỗi dạy chúng sinh thực hành bố thí, thấy người hành bố thí tuy họ là kẻ phá giới, người ác, nhưng chỉ nghĩ đến công đức do tâm tốt bố thí của họ mà không nghĩ đến cái ác của họ, thế nên hoan hỷ tán thán.

*Lại nữa, thấy Tam bảo có ruộng phước vô tận, bố thí vào trong đó nên phước đức không cùng tận, cho đến khi thành Phật đạo, xem thấy công đức vô tận trong đời vị lai kia cho nên hoan hỷ. Thực hành bốn cách bố thí ấy thời đời đời được giàu có tài sản, Bồ Tát ấy tuy không vì giàu có tài vật mà bố thí, chưa đầy đủ Vô thượng chánh đẳng chánh giác và sáu Ba la mật, nhưng ở khoảng trung gian ấy giàu có tài sản tự đến; thí như người vì lúa nên gieo lúa, rơm rạ tự đến. Bồ Tát khi được quả báo có tài vật, lìa tâm xan tham, theo ý chúng sinh mà bố thí, cần ăn cho ăn...

Hỏi: Bồ Tát khi bố thí, trước tiên thí cho người nào?

Đáp: Bồ Tát tuy vì chúng sinh khởi tâm đại bi, song Bồ Tát bố thí trước tiên cúng dường Phật, Bồ Tát, A la hán và các thánh nhân; nếu không có thánh nhân thì thứ lớp bố thí cho người trì giới, tinh tấn thiền định, trí tuệ, ly dục; nếu không có các người này thời thí cho các đệ tử xuất gia của Phật; nếu không có người này thời bố thí cho người thọ trì ngũ giới, tu mười thiện đạo và thọ trì tam quy giới một ngày; nếu không có người này thời thí cho hạng người bình thường chẳng phải chánh, chẳng phải tà; nếu không có người này thì bố thí cho người ác tạo tội ngũ nghịch và súc sinh; không thể không cho. Bồ Tát lấy việc bố thí nhiếp thủ hết thảy chúng sinh. Có người nói: Nên trước tiên bố thí cho người tạo tội ngũ nghịch dứt thiện căn, người nghèo cùng, già bệnh, hạ tiện, hành khát, cho đến súc sinh; thí như người mẹ hiền có nhiều con, trước tiên nghĩ đến đứa ốm yếu, bệnh hoạn, cấp cho sự cần dùng; lại như Bồ Tát vì thấy cạp đói muốn ăn con mình nên đem thân bố thí.

Hỏi: Vì sao nên trước hết bố thí cho các hạng như vậy?

Đáp: Vì hết thảy chúng sinh đều là ruộng phước của Bồ Tát. Vì sinh tâm đại bi, Bồ Tát thường muốn đem Vô thượng chánh đẳng chánh giác thí cho chúng sinh, huống gì cơm áo mà còn có phân biệt! Lại, Bồ Tát được vô sinh pháp nhãn bình đẳng không sai khác, người chưa được vô sinh nhãn hoặc tâm từ bi nhiều, hoặc

tâm phân biệt nhiều, hai tâm ấy không thể đồng hành. Người có tâm từ bi nhiều trước tiên bố thí cho người nghèo cùng, hung ác, nghĩ rằng: Gieo vào ruộng phước được quả báo tuy lớn, song vì lòng thương xót chúng sinh nên trước tiên làm lợi ích cho người nghèo cùng. Như vậy, thửa ruộng tuy không tốt, nhưng do lòng từ bi nên được quả báo lớn. Người có tâm phân biệt nhiều nghĩ rằng: Chư Phật có vô lượng công đức nên trước tiên cúng dường Phật, vì phân biệt các pháp, chấp trước thân Phật nên tâm nhỏ. Tâm tuy nhỏ mà ruộng phước lớn nên công đức cũng lớn. Nếu hiểu được thật tướng các pháp, vào trong Bát nhã ba la mật và sức phương tiện không được tự tại, cả hai việc cùng làm, thương xót chúng sinh và xem chúng sinh như Phật. Như vậy, Bồ Tát tùy theo nhân duyên mà hành bố thí.

Hỏi: Có gì kinh không nói cho cơm cho áo mà nói cần ăn cho ăn?

Đáp: Có người cần ăn lại cho uống, cần uống lại cho áo, vì không vừa ý người lãnh thọ nên phước đức ít. Vì thế nói cần ăn cho ăn.

Hỏi: Có người hoặc hổ thẹn hoặc sợ, tuy có cần dùng mà không thể nói ra, làm sao biết họ cần gì?

Đáp: Bồ Tát xem tướng mạo họ, theo lúc cần dùng và theo chỗ nghi; hoặc có tâm biết tâm người khác cần gì, theo ý họ đem cho. Nhân bố thí ấy được thành tựu giới uẩn. Lại nghĩ rằng, ta thương xót chúng sinh, đem áo và thức ăn bố thí lợi ích rất ít, chẳng bằng trì giới, thường đem sự không não hại, không sợ hãi thí cho chúng sinh. Bồ Tát trú trong việc trì giới ấy, vì thủ hộ giới nên sinh định uẩn, vì tâm thanh tịnh không tán loạn nên sinh tuệ uẩn; không hí luận, bỏ tâm chấp trước tướng tuệ ấy, do tuệ ấy phá sự trói buộc của các phiền não, được giải thoát uẩn; thấy biết rõ ràng, đã chứng giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến uẩn. Người ấy do nhân duyên trước tiên hành bố thí và thành tựu năm uẩn nên vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào địa vị Bồ Tát.

Hỏi: Bồ Tát nên hành sáu Ba la mật vào Bồ Tát vị, có sao trong đây nói năm uẩn?

Đáp: Pháp tuy một mà vì danh từ khác nhau nên nói năm uẩn, không lỗi. Người ấy từ một Ba la mật muốn phát khởi các Ba la mật khác, lấy bố thí làm chủ như đã nói. Giới uẩn là Thí Ba la mật, định uẩn, giải thoát uẩn là Bát nhã ba la mật. Khi hành các Ba la mật có thể nhận các việc khác, gọi là Nhẫn Ba la mật; có thể phát khởi các Ba la mật không ngừng nghỉ, ấy gọi là Tấn Ba la mật.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao không chỉ nói tên các Ba la mật mà nói năm uẩn?

Đáp: Người ấy muốn vào Bồ Tát vị không chỉ do trì giới, thiền định được hòa hợp chúng giới, thanh tịnh giới, vô tận giới. Nói tóm lại là thu nhiếp hết bảy giới gọi là giới uẩn; có thể phá phiền não, vượt quá Nhị thừa, vào Bồ Tát vị. Thí như một người, hai người không gọi là đội quân; hòa hợp nhiều người mới thành đội quân, có thể phá oán địch; các uẩn cũng như vậy. Bồ Tát tự được định uẩn... cũng khiến chúng sinh được; ấy gọi là Bồ Tát giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa chúng sinh rồi, đem công đức của mình và của chúng sinh đều hồi hướng, làm nghiêm tịnh cõi Phật; đủ hai pháp ấy tức được trí Nhất thiết chủng, Chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sinh; ấy gọi là Bồ Tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo. Trước thô sau tế, trước dễ sau khó, dần dần tập học gọi là thứ lớp. Năm Ba la mật kia cũng nên theo nghĩa phân biệt. Các pháp tính tuy không có sở hữu mà tùy theo thể tục để thi hành, vì phá điên đảo vậy.

*Lại nữa, sáu niệm là niệm Phật... ấy là ban đầu thứ lớp hành, do dễ hành dễ được.

Hỏi: Trong sáu niệm cũng nói không do sắc niệm Phật, có sao nói rằng dễ?

Đáp: Có pháp cùng hành nên gọi là dễ; ví như uống thuốc đắng, nhờ có mật thời uống dễ. Nghĩa sáu niệm như trong phẩm đầu đã nói rộng. Sáu Ba la mật, sáu niệm... nhu nhuyễn dễ hành, không sinh tà kiến; Bồ Tát thứ lớp học. Còn ba môn giải thoát... phải suy nghĩ, trừ lượng; suy nghĩ, trừ lượng hoặc có khi sinh tà kiến nên không nói.

Trong đây Tu Bồ Đề nạn hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu thật không có sở hữu, làm sao có thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo? Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ông dùng trí tuệ Thanh văn thấy sắc có thật pháp nhất định chăng? Đáp: Con không thấy sắc... chỉ từ nhân duyên hòa hợp giả có tên sắc, không có thật tướng nhất định, làm sao nói có? Phật nói với Tu Bồ Đề: Nếu ông không thấy thật có nhất định, có sao đem thứ lớp nạn hỏi về Không, mà pháp thứ lớp không lìa nơi Không? Bấy giờ Tu Bồ Đề mới hiểu rõ ràng, nên nói: Con không nghi gì, chỉ vì người cầu ba thừa trong tương lai nghe Phật nói không, không có tính sở hữu; do tội nặng, trí độn nên chấp thủ tướng. Không bèn nghi ai nhơ, ai sạch. Kẻ ác phạm phước có sao gọi là nhơ? Người xuất gia đắc đạo gọi là sạch? Người ấy không hiểu nghĩa sâu của Phật nói, vì việc gì mà nói? Chấp trước cái Không ấy nên nói cần gì, trì giới làm chi? Do nhân duyên ấy liền sinh tà kiến, phá chánh kiến; vì phá chánh kiến nên vì chút nhân duyên mà phá giới, phá oai nghi, không

chút kiên sợ. Người xuất gia sống nhờ hàng bạch y bèn vọng ngữ cầu lợi dưỡng cơm áo, phá chánh mạng. Gieo các tội ấy nên đọa vào ba đường ác nặng hơn kẻ bạch y. Thấy có sự lỗi ấy nên hỏi Phật: Con đã đắc đạo, đối với các pháp không lãnh thọ gì, lại thường nghe Phật nói về pháp Không, làm sao con hí luận sinh nghi? Lại con thường tu vô tránh tam muội, vì thương xót chúng sinh cho nên hỏi Phật.

Giải thích: Phẩm Một Niệm Đủ Muôn Hạnh Thứ 76

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Nhất Niệm;

Kinh Đại Bát nhã hội 2 ghi: Phẩm Vô Tướng thứ 74)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn. nếu tính của hết thầy pháp không có sở hữu, vậy Bồ Tát thấy lợi ích gì mà vì chúng sinh cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì hết thầy pháp tính không có sở hữu nên Bồ Tát vì chúng sinh mà cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì có thủ đắc có chấp trước thì khó có thể giải thoát. Những người thủ đắc tướng là không có đạo, không có quả, không có Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, người không có thủ đắc tướng có đạo, có quả, có Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng?

Phật dạy: Không có sở đắc tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì pháp tính không hư hoại. Nếu pháp không có sở đắc mà muốn đắc đạo muốn đắc quả, muốn đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác là muốn phá hoại phá tính.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu pháp không có sở đắc tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có sao lại có Bồ Tát từ sơ địa cho đến địa thứ mười? Có sao có vô sinh pháp nhẫn; có sao có quả báo được thần thông? Có sao có quả báo được bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; ở trong quả báo ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật và cúng dường chư Phật y phục, uống ăn, hương hoa, anh lạc, phòng xá, đồ nằm, đèn đuốc, các thứ cần dùng nuôi sống cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà phước đức ấy không dứt; cho đến xá lợi sau khi vào Niết bàn và các đệ tử được cúng dường? Như vậy bèn diệt tận hết?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì các pháp không có tướng sở đắc nên Bồ Tát được từ sơ địa cho đến địa thứ mười, có quả báo được năm thần thông, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; cũng vì nhân duyên thiện căn nên có thể làm lợi ích chúng sinh cho đến xá lợi sau khi vào Niết bàn và các đệ tử Phật được cúng dường.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tướng sở đắc, vậy các việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và các thần thông có gì sai khác?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã không thủ đắc tướng bố thí, người bố thí và người thọ thí đều không thể có được mà hành bố thí, không thể có được giới mà trì giới, không thể có được nhẫn mà hành nhẫn, không thể có được tinh tấn mà hành tinh tấn, không thể có được thiền mà hành thiền, không thể có được trí tuệ mà hành trí tuệ, không thể có được thần thông mà hành thần thông, không thể có được bốn niệm xứ, mà hành bốn niệm xứ, cho đến không thể có được tám phần thánh đạo mà hành tám phần thánh đạo, không thể có được Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, không thể có được chúng sinh mà thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, không thể có được quốc độ Phật mà nghiêm tịnh quốc độ Phật, không thể có được các Phật pháp mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã không có sở đắc như vậy. Bồ Tát khi hành Bát nhã không có sở đắc như vậy, ma hoặc ma trỗi không thể phá hoại.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi hành Bát nhã trong một niệm đầy đủ hành sáu Ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát có bố thí gì đều không xa lìa Bát nhã; có tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định đều không xa lìa Bát nhã; tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình đều không xa lìa Bát nhã.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát không xa lìa Bát nhã nên trong một niệm đầy đủ hành sáu Ba la mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật dạy; Bồ Tát khi hành Bát nhã có bố thí gì không xa lìa Bát nhã, không có hai tướng; khi trì giới cũng không có hai tướng; tu nhẫn nhục, tinh tấn, vào thiền định cũng không có hai tướng cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng không có hai tướng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi bố thí không có hai tướng cho đến tu tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng không có hai tướng?

Phật dạy: Bồ Tát khi hành Bát nhã, muốn đầy đủ Thí Ba la mật, trong Thí Ba la mật thu nhiếp các Ba la mật khác và bốn niệm xứ, cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi bố thí thu nhiếp các pháp vô lậu?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật trú ở tâm vô lậu mà bố thí, ở trong tâm vô lậu không thấy tướng ai thí, ai nhận thí, thí vật gì? Vì tâm vô tướng, vô lậu dứt ái, dứt xan tham ấy là bố thí. Khi ấy không thấy bố thí cho đến không thấy Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà trì giới, không thấy giới ấy cho đến không thấy hết thầy Phật pháp; do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tinh tấn, không thấy tinh tấn ấy cho đến không thấy hết thầy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà vào thiền định, không thấy thiền định ấy cho đến không thấy hết thầy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tu tập trí tuệ, không thấy trí tuệ ấy cho đến không thấy hết thầy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tu bốn niệm xứ, không thấy bốn niệm xứ ấy cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp vô tướng, vô tác, làm sao đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật? Làm sao đầy đủ bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo? Làm sao đầy đủ Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Làm sao đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà bố thí; cần ăn cho ăn cho đến các thứ cần dùng hoặc trong hoặc ngoài, hoặc cắt xẻ thân mình, hoặc quốc thành thê tử bố thí cho chúng sinh. Nếu có người đến nói với Bồ Tát rằng: Cần gì phải bố thí? Không có ích gì. Vì Bồ Tát thực hành Bát nhã nghĩ rằng: Người ấy đi đến trách mắng ta bố thí, ta trọn không hối hận, ta sẽ siêng hành bố thí, không nên không cho. bố thí rồi chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không thấy tướng, cũng không thấy tướng ai thí, ai nhận, thí vật gì, ai hồi hướng, thế nào là

hồi hướng, hồi hướng đến chỗ nào. Nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng ấy đều không thể thấy, vì sao? Vì hết thấy pháp do nội không nên không, ngoại không nên không, nội ngoại không nên không, không không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tán không, chứng không, hết thấy pháp không, tự tướng không nên không. Quán như vậy và nghĩ rằng: Ai hồi hướng, hồi hướng về chỗ nào, dùng pháp gì hồi hướng? Ấy gọi là chính hồi hướng. Bảy giờ Bồ Tát có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Không, Vô tướng, Vô tác tam muội cho đến mười tám pháp không chung. Bồ Tát đầy đủ Thí Ba la mật như vậy mà không lãnh thọ quả báo thế gian; thí như trời Tha hóa tự tại, tùy ý cần dùng mà mọi sự liền được. Bồ Tát cũng như vậy, theo tâm nguyện tùy ý liền được. Bồ Tát ấy đem quả báo bố thí ấy cúng dường chư Phật và làm đầy đủ cho chúng sinh trời, người và A tu la. Bồ Tát ấy do Thí Ba la mật nhiếp thủ chúng sinh, dùng sức phương tiện lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Thí Ba la mật.

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm sao đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Giới Ba la mật? Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Giới Ba la mật, trì các giới, đó là thánh giới vô lậu trong tám phần thánh đạo, giới tự nhiên, giới do quả báo được, giới do lãnh thọ được, giới do tâm sinh... Các giới như vậy không khuyết, không phá, không nhiễm trược, không trước, giới tự tại, giới được người trí khen ngợi. Dùng giới ấy không có gì để thủ, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ba mươi hai tướng, hoặc tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hoặc dòng lớn Sát lợi, hoặc dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Quang Âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tướng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Diệu kiến, trời Hỷ kiến, trời A ca ni sắc, trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, hoặc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư đà hàm, hoặc quả A na hàm, hoặc quả A la hán hoặc đạo Bích chi Phật, hoặc Chuyển luân Thánh vương, hoặc Thiên vương mà cốt vì chung với chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do vô tướng, vô đắc không có hai hồi hướng, chỉ vì theo pháp thế tục mà nói, chứ chẳng phải đệ nhất nghĩa. Bồ Tát ấy đầy đủ Giới Ba la mật do sức phương tiện phát khởi bốn thiên, không mê đắm bốn thiên nên được năm thần thông. Nhân bốn thiên được thiên nhãn, Bồ Tát có trong hai thứ thiên nhãn là tu đắc và báo đắc. Được thiên nhãn rồi thấy chư Phật hiện tại ở phương đông cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà đúng như việc được thấy không mất. Thấy chư Phật hiện tại ở phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới cho đến khi được Vô thượng

chánh đẳng chánh giác vẫn như điều đã thấy không mất. Bồ Tát ấy dùng thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người, nghe chư Phật mười phương thuyết pháp như điều đã được nghe không mất, có thể tự mình lợi ích, cũng lợi ích người khác. Bồ Tát ấy do trí biết tâm người khác mà biết tâm mười phương chư Phật và biết tâm hết thấy chúng sinh, cũng có thể làm lợi ích hết thấy chúng sinh. Bồ Tát ấy dùng trí tục mạng biết các nghiệp duyên đời trước, các nghiệp duyên ấy không mất nên chúng sinh ấy sinh chỗ nào, nơi nào đều biết rõ. Bồ Tát ấy dùng trí lậu tận làm cho chúng sinh được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, bất cứ ở nơi nào đều có thể khiến chúng sinh vào trong thiện pháp. Như vậy, Bồ Tát đối với các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Giới Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, làm sao các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc mà Bồ Tát có thể đầy đủ Nhẫn Ba la mật?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy nếu có chúng sinh đi đến dùng ngói đá, dao gậy gia hại Bồ Tát, khi ấy Bồ Tát không khởi tâm giận cho đến không sinh một niệm. Bấy giờ Bồ Tát tu hai thứ nhẫn: Một là nếu chúng sinh ác khẩu mắng nhiếc hoặc dùng dao gậy ngói đá gia hại, không khởi tâm giận; hai là hết thấy pháp không sinh, Bồ Tát nhẫn được pháp ấy, nếu có người đến ác khẩu mắng nhiếc, hoặc dùng ngói đá, dao gậy gia hại, Bồ Tát suy nghĩ như vậy: Mắng ta là ai? Chê trách ta là ai? Đánh đập ta là ai? Ai là người chịu? Khi ấy Bồ Tát nên suy nghĩ thực tính của các pháp là rốt ráo không, không có pháp, không có chúng sinh. Pháp còn không thể có được, hưởng gì chúng sinh! Khi quán các pháp tướng như vậy, không thấy người mắng, không thấy người cắt xẻ. Khi Bồ Tát quán các pháp tướng như vậy liền được vô sinh pháp nhẫn.

Thế nào gọi là vô sinh pháp nhẫn? Biết các pháp tướng thường không sinh, các phiền não từ xưa lại đây cũng thường không sinh. Bồ Tát trú nơi hai nhẫn ấy có thể đầy đủ bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Bồ Tát trú trong thánh pháp xuất thế gian vô lậu ấy không chung với Thanh văn, Bích chi Phật đầy đủ thần thông của bậc thánh. Có thần thông của bậc thánh rồi dùng thiên nhĩ thấy chư Phật ở phương đông, người ấy được niệm Phật tam muội cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không dứt mắt; thấy chư Phật ở phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Bồ Tát dùng thiên nhĩ nghe chư Phật mười phương thuyết pháp đúng như điều được nghe, vì chúng sinh mà nói lại. Bồ Tát ấy cũng biết tâm chư Phật mười phương và biết

tâm niệm của hết thầy chúng sinh, biết rồi theo tâm họ mà thuyết pháp. Bồ Tát ấy dùng trí túc mạng biết thiện căn đời trước của chúng sinh, vì chúng sinh mà thuyết pháp, khiến họ được hoan hỷ. Bồ Tát ấy do lậu tận thông giáo hóa chúng sinh khiến được ba thừa. Bồ Tát ấy hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, đầy đủ trí Nhất thiết chủng, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Chuyển pháp luân. Như vậy, Bồ Tát đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Nhãn Ba la mật.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát đối với các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc mà có thể đầy đủ Tấn Ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã thành tựu thân tinh tấn, tâm tinh tấn, vào sơ thiền cho đến thiền thứ tư được các sức thần thông, có thể phân một thân làm nhiều thân, cho đến có thể lấy tay sờ mặt trăng, mặt trời. Thành tựu thân tinh tấn ấy nên bay đến phương đông quá vô lượng trăm ngàn vạn ức thế giới Phật, cúng dường chư Phật đồ uống ăn, y phục, thuốc men, đồ nằm, hương hoa, anh lạc các thứ cần dùng cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà quả báo phước đức trọn không tiêu hết. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hết thầy thế gian trời người siêng năm thiết bày cúng dường y phục, uống ăn cho đến khi lưu lại xá lợi, sau khi vào Niết bàn và đệ tử được cúng dường. Cũng do sức thần thông ấy nên đi đến chỗ Phật nghe, lãnh thọ giáo pháp cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không trái mất. Bồ Tát ấy khi tu trí Nhất thiết chủng nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật thành tựu thân tinh tấn, có thể làm đầy đủ Tấn Ba la mật.

Này Tu Bồ Đề, làm sao thành tựu tâm tinh tấn mà có thể đầy đủ Nhãn Ba la mật? Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát tâm tinh tấn, do tâm ấy tinh tấn tu thánh pháp vô lậu, vào chánh tinh tấn trong tám phần thánh đạo, không để thân, khẩu nghiệp bất thiện được xen vào; cũng không chấp thủ các pháp tướng hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc sơ thiền cho đến đệ tứ thiền, hoặc từ bi hỷ xả, hoặc vô biên hư không xứ, cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, hoặc bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, hoặc không, vô tướng, vô tác, hoặc mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, đều không chấp thủ tướng; hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật, đạo Bồ Tát, quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác;

hoặc Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán; hoặc Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật đều không chấp thủ tướng. Chúng sinh ấy dứt ba kiết sử phần dưới nên được Tu đà hoàn; chúng sinh ấy ba độc mỏng nên được Tư đà hàm; chúng sinh ấy dứt trọn năm phần kiết sử phần dưới nên được A na hàm; chúng sinh ấy dứt trọn năm kiết sử phần trên nên được A la hán; chúng sinh ấy do đạo Bích chi Phật nên làm Bích chi Phật; chúng sinh ấy hành đạo chủng trí nên gọi là Bồ Tát, cũng không chấp thủ các tướng ấy, vì sao? Vì không thể do tính chấp thủ tướng, vì tính ấy không có. Bồ Tát do tâm tinh tấn ấy nên làm lợi ích rộng lớn cho chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh. Như vậy là Bồ Tát đầy đủ Tấn Ba la mật. Đầy đủ các Phật pháp, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, vì không thể có được.

Bồ Tát ấy thân tinh tấn, tâm tinh tấn thành tựu nên nhiếp thủ hết thầy thiện pháp; pháp ấy cũng không chấp trước nên từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, vì lợi ích chúng sinh, làm các thần thông tùy ý không ngại; hoặc mưa hoa, mưa danh hương; hoặc làm kỹ nhạc, hoặc làm chấn động đại địa, hoặc phóng hào quang, hoặc chỉ bày quốc độ bảy báu trang nghiêm; hoặc hiện các thân, hoặc phóng ánh sáng đại trí khiến biết thánh đạo, khiến xa lìa sát sinh cho đến tà kiến; hoặc lấy việc bố thí lợi ích chúng sinh, hoặc vì trì giới, hoặc cắt xẻ thân thể, hoặc đem vợ con, hoặc đem thân mình cấp thí, tùy theo phương tiện có được làm lợi ích chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, đối với các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc, dùng thân tâm tinh tấn có thể đầy đủ Tấn Ba la mật.

Phật dạy: Bồ Tát trừ thiên định của chư Phật, tất cả thiên định tam muội khác đều có thể đầy đủ. Bồ Tát ấy lìa các dục, các pháp ác bất thiện; lìa dục sinh hỷ lạc, có giác có quán vào sơ thiên cho đến vào đệ tứ thiên, lấy tâm từ bi hỷ xả trải khắp một phương cho đến mười phương, hết thầy thế gian. Bồ Tát ấy vượt qua hết thầy sắc giới, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến tướng khác biệt nên vào vô biên không xứ định cho đến vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ. Bồ Tát ấy trú trong Thiên Ba la mật nghịch và thuận vào tám bội xả, định chín thứ lớp, Không, Vô tướng, Vô tác tam muội hoặc thời vào tam muội Như điện chớp, hoặc có khi vào tam muội Thánh chánh, hoặc có khi vào tam muội Như kim cương. Bồ Tát ấy trú trong thiên định tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, dùng Đạo chủng trí vào hết thầy thiên định vượt qua Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa mà vào Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị rồi đầy đủ Phật địa. Ở trong các địa ấy tu cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không ở giữa đường thủ chứng đạo quả, Bồ Tát ấy trú trong Thiên Ba la mật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư

Phật gieo trồng căn lành, nghiêm tịnh cõi Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật làm lợi ích chúng sinh: Lấy việc bố thí nhiếp thủ chúng sinh; lấy việc trì giới hoặc lấy tam muội, hoặc lấy trí tuệ, hoặc lấy giải thoát, hoặc lấy giải thoát tri kiến nhiếp thủ chúng sinh, dạy chúng sinh khiến được quả A la hán, đạo Bích chi Phật; những thiện pháp có thể làm cho chúng sinh đắc đạo đều giáo hóa khiến đắc. Bồ Tát ấy trú trong Thiền Ba la mật có thể phát sinh hết thầy môn Đà la ni, được bốn trí không ngại, thần thông do quả báo được. Bồ Tát ấy trọn không vào thai mẹ, không chịu năm dục, không sinh, chẳng sinh, tuy sinh mà không bị sự sinh làm ô nhiễm, vì sao? Vì Bồ Tát ấy thấy tất cả pháp tạo tác đều như huyễn mà lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh và hết thầy pháp; mà dạy chúng sinh khiến được chỗ không có sở đắc. Đây là theo nghĩa thế tục mà nói chứ chẳng phải theo nghĩa đệ nhất. Bồ Tát trú trong Thiền Ba la mật, tất cả hành thiền, định, giải thoát, tam muội cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không lìa Thiền Ba la mật. Bồ Tát ấy khi hành Đạo chủng trí như vậy được trí Nhất thiết chủng, dứt hết thầy phiền não và tập khí; dứt rồi tự lợi ích cho mình, cũng lợi ích người khác; ích mình ích người rồi, vì hết thầy thế gian người, trời, A tu la làm ruộng phước. Như vậy, Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật đầy đủ Thiền Ba la mật vô tướng.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật trú trong pháp vô tướng, vô pháp, vô đắc mà có thể tu đầy đủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật, đối với các pháp không thấy tướng thật có nhất định. Bồ Tát ấy thấy sắc không nhất định, chẳng phải thật tướng, cho đến thấy thức không nhất định, chẳng phải thật tướng; chẳng thấy sắc sinh cho đến chẳng thấy thức sinh; nếu không thấy sắc sinh cho đến không thấy thức sinh thì hết thầy pháp hoặc hữu lậu hoặc vô lậu không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ tích chứa. Khi quán như vậy không thủ đắc tính sắc cho đến tính thức, cũng không thủ đắc tính hữu lậu, vô lậu pháp. Bồ Tát khi hành Bát nhã, tin hiểu hết thầy pháp không có tướng sở hữu. Tin hiểu như vậy rồi hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với pháp không đấm trước gì, hoặc sắc, thọ, tướng, hành, thức cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy hành Bát nhã không có sở hữu, có thể đầy đủ Bồ Tát đạo, tức là sáu Ba la mật cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Bồ Tát ấy trú trong Phật đạo sâu xa tức là sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, thần thông do quả báo được, đem các pháp ấy lợi ích chúng sinh; cần lấy bố thí nhiếp thủ dạy khiến bố thí, cần lấy trì

giới nhiếp thủ dạy khiến trì giới; cần lấy thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nhiếp thủ dạy tu thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; cần lấy các đạo khác dạy thời dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật; cần lấy Phật đạo giáo hóa thời dạy khiến được Bồ Tát đạo đầy đủ Phật đạo. Như vậy, tùy theo đạo pháp và cấp bậc thích hợp mà giáo hóa khiến đều có chỗ được. Bồ Tát ấy khi hiện sức thần thông, vượt qua vô lượng hàng hà sa quốc độ độ thoát chúng sinh, theo chỗ nhu cầu của họ đều giáo hóa, cung cấp khiến được đầy đủ, từ một cõi nước đến một cõi nước thấy cõi nước Tịnh diệu, theo đó tự trang nghiêm cõi Phật của mình; thí như ở cõi trời Tha hóa tự tại, vật cần dùng nuôi sống đều tùy ý đi đến; cũng như các cõi Phật thanh tịnh là sự tham muốn, người ấy do quả báo được Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, do quả báo được năm thần thông hành đạo chủng trí của Bồ Tát, thành tựu hết thảy công đức, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy bấy giờ không lãnh thọ sắc pháp cho đến thức, không lãnh thọ hết thảy pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; hết thảy pháp như vậy đều không lãnh thọ. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhưng vật nuôi sống có được trong quốc độ đều không có chủ, vì sao? Vì Bồ Tát tu hạnh không lãnh thọ hết thảy pháp, vì không thể có được. Như vậy, Bồ Tát ở trong pháp vô tướng có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Luận: Hỏi: Người hỏi người đáp đều nói không có sở hữu, vậy làm sao phân biệt đó là hỏi, đó là đáp?

Đáp: Pháp nói ra tuy một mà tâm có sai khác. Người hỏi đem tâm chấp trước mà hỏi, người đáp lấy tâm không chấp trước mà đáp. Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Trong không có sở hữu không thể phát tâm. Tu Bồ Đề vì người nghe có tâm chấp trước nên mới hỏi. Trong các pháp Không không thấy Bồ Tát phát tâm, không thấy chúng sinh có thể lợi ích, không thấy Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thế nên, đối với pháp không có sở hữu sinh ra vấn nạn: Nếu hết thảy pháp không có tính sở hữu vậy thấy lợi gì nên phát tâm? Tu Bồ Đề đối với Bồ Tát, chúng sinh, Vô thượng chánh đẳng chánh giác không nghi, mà chỉ hỏi pháp không có sở hữu. Phật đáp rằng: Chính vì pháp Không không có sở hữu nên mới phát tâm Nếu Không, không có sở hữu, thời Bồ Tát, chúng sinh, Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng đều không, không có sở hữu, thời làm sao còn khởi lên vấn nạn? Nếu chúng sinh, Bồ Tát và Vô thượng chánh đẳng chánh giác là không, không có sở hữu mới có thể nạn như vậy. Như trước nói: Rất ráo không đối với các pháp không có chướng ngại gì, thời đâu có chướng ngại việc phát

tâm? Phật lại do không, không có sở hữu phá câu hỏi của Tu Bồ Đề, cũng lại tự nói nhân duyên: Người có tâm chấp trước thời khó được giải thoát. Người ấy từ vô thủy sinh tử lại đây do phiền não nên nhiễm đắm các pháp, nghe có cũng nhiễm đắm, nghe không cũng nhiễm đắm; được hay mất cũng nhiễm đắm; chúng sinh như vậy khó được ra khỏi. Thế nên Bồ Tát phát tâm vô thượng đạo, tự lấy tướng trang nghiêm thân, được tâm thanh tịnh, được đại oai đức, biết cội gốc tâm ba đời của chúng sinh, dùng sức thần thông và nhân duyên, thí dụ vì họ nói pháp không có sở hữu, nói không giải thoát môn để dẫn dắt tâm họ. Chúng sinh thấy việc hiếm có như vậy tức thời tâm kia nhu nhuyễn, tin Phật, thọ pháp. Thế nên kinh nói: Người nhiễm trước có thời khó được giải thoát, người có sở đắc thời không có đạo, không có quả, không có Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu người có sở đắc thời không có đạo, không có quả, không có Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vậy người không có sở đắc có đạo, có quả chăng?

Phật đáp: Không có sở hữu tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu người không phân biệt là có sở đắc, là không có sở đắc mà vào trong thật tướng rất ráo không là cũng không có sở đắc, tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì không phá hoại thật tướng các pháp. Pháp tính tức là thật tướng các pháp.

Tu Bồ Đề hỏi: Pháp tính, chánh hạnh, tà hạnh thường không thể phá hoại, có gì Phật nói pháp tính không phá hoại là đạo, là quả?

Phật đáp: Pháp tính tuy không phá hoại, song vì chúng sinh tà hạnh nên gọi là phá hoại; như hư không bị mây mù, bụi bặm tuy không thể làm bẩn như cũng gọi là hư không bất tịnh; như người thật muốn làm như bản hư không, thế là người ấy muốn làm như bản pháp tính, không thể có việc ấy. Phật nói ví dụ: Như n muốn phá hoại pháp tính, người ấy muốn đối với pháp không có sở hữu được đạo, được quả, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Nếu không có sở hữu tức là đạo, làm sao có các pháp của Bồ Tát trong mười địa như kinh nói rộng?

Hỏi: việc ấy Phật đã đáp trước rồi, nghĩa là nếu pháp không thời Bồ Tát ấy lợi gì nên phát tâm? Còn nay nói: Nếu pháp không thời làm sao có từ sơ địa đến đệ thập địa? Phật đều lấy Không để đáp, nay Tu Bồ Đề có gì còn hỏi?

Đáp: Tu Bồ Đề vì chúng sinh còn tâm chấp trước nên hỏi. Trong chúng ấy có hàng Bồ Tát mới phát tâm nghe các pháp thật tướng không liền sinh tâm chấp trước không. Phật phá tâm chấp trước ấy, họ lại đắm trước vào pháp bị phá; vì hạng người ấy nên Tu Bồ Đề lại hỏi. Phật đáp rằng: Do không có sở đắc nên có sơ địa cho đến có xá lợi đại chúng cúng dường sau khi vào Niết bàn. Trong pháp có chấp trước thời không thể nói có sơ địa và các công đức, lại cũng do không có sở đắc nên từ bố thí cho đến các thần thông không có sai khác; không có sai khác nên không nên vấn nạn.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Làm sao không có sở đắc mà bố thí cho đến các thần thông không có sai khác?

Phật đáp: Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây tương tự như tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác tịch diệt, tướng bố thí rất ráo không, nghĩa là không thủ đắc tướng người thí, người nhận thí và tài vật mà hành bố thí. Bố thí như vậy không có phân biệt, cho đến không thủ đắc Bồ đề mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng như vậy; ấy gọi là Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có sở đắc. Hành Bát nhã ba la mật không có sở đắc ấy ma hoặc ma trời không thể phá hoại.

Trong một niệm hành sáu Ba la mật là:

Hỏi: Cớ gì Tu Bồ Đề hỏi công đức trong một niệm hành sáu Ba la mật?

Đáp: Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói Bát nhã ba la mật không có tướng sở hữu, nơi các pháp không có tướng chướng ngại, nếu như vậy thời không có việc gì không thể, không có việc gì không làm, làm sao Bồ Tát trong một niệm có thể thu nhiếp sáu Ba la mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình? Khi mới phát tâm, vì tâm nhiễm trước, có và không nặng, nên dần dần thứ lớp hành, nay tâm chấp trước có và không đều xả bỏ có, không, nên không có gì không làm được; thế nên hỏi.

Phật đáp: Bồ Tát không lìa Bát nhã ba la mật, hành các công đức bố thí không có chướng ngại nên có thể trong một niệm tu hành đầy đủ; nếu xa lìa Bát nhã ba la mật thời phải dần dần thứ lớp hành.

Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là không xa lìa?

Phật đáp: Bồ Tát không do hai tướng tu hành bố thí.

Lại hỏi: Làm sao không do hai tướng?

Phật đáp: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, muốn đầy đủ Thí Ba la mật, trong một niệm bố thí thu nhiếp hết thầy thiện pháp, như trước đã nói.

Thế nào là một niệm? Đó là Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn, dứt hết thầy phiền não, trừ mọi ức tướng phân biệt, an trú tâm vô lậu mà bố thí hết thầy. Tâm vô lậu là tướng vô tướng, Bồ Tát an trú tâm ấy nên không thấy ai thí, ai nhận và vật gì. Tâm lìa hết thầy tướng mà bố thí, không thấy có một pháp cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác còn không thấy, huống gì pháp khác; ấy gọi là không hai tướng. Cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng như vậy.

Tu Bồ Đề lại lấy việc khác hỏi nghĩa này rằng: Bạch Đức Thế Tôn, các pháp vô tướng, vô tác, vô khởi, thời làm sao có thể đầy đủ Thí Ba la mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật đáp: Bồ Tát đối với pháp vô tướng, vô tác vì không thủ tướng, tâm không chướng ngại mà bố thí; cần ăn cho ăn như trong kinh đã nói rõ.

Vô lậu, vô tướng, sáu Ba la mật có hai: Một là sở hành của Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn; hai là sở hành của Bồ Tát chưa được vô sinh pháp nhẫn. Sở hành của Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn như trong đây nói, vì sao? Vì trú trong tâm vô tướng, vô lậu mà hành bố thí.

Hỏi: Sinh thân Bồ Tát vì tham tiếc chưa trừ, bị cắt xẻ thì rất đau khổ, việc ấy là khó; còn Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn giống như người biến hóa làm, dù bị cắt xẻ cũng không đau khổ, vậy đâu có ân nghĩa gì!

Đáp: Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn hành sáu Ba la mật là khó, vì có sao? Vì được vô sinh pháp nhẫn thời tâm tịch tịch, lẽ đáng thọ cái vui Niết bàn, song bỏ cái vui Niết bàn tịch diệt ấy trở lại vào trong chúng sinh chịu các thân hình; hoặc làm người hèn, hoặc làm súc sinh, việc ấy mới là khó. Sinh thân Bồ Tát vì tham ái chưa trừ, đấm trước thân Phật nên dùng thân bố thí, ấy là có hi vọng, chẳng phải thanh tịnh bố thí, cho nên không bằng.

*Lại nữa, thực hành sáu Ba la mật vô lậu vô tướng, thời có thể đầy đủ còn hữu lậu, hữu tướng, thời không thể đầy đủ; thế nên, người có thể đầy đủ có ân đức lớn.

(Hết cuốn 87 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 88

Giải thích: Phẩm Sáu Dụ Thứ 77

(Kinh Đại Bát Nhã hội 2 ghi: Phẩm Vô Tạp thứ 75)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao trong các pháp tự tướng không, vô tướng, không thể phân biệt mà có thể đầy đủ tu sáu Ba la mật? Làm sao trong pháp không sai khác mà phân biệt nói tướng sai khác? Làm sao Bát nhã lại thu nhiếp thí, giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định? Làm sao hành pháp tướng sai khác lại do đạo nhất tướng được thành quả?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng, như vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Biết năm uẩn ấy thật như mộng, như vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa; năm uẩn vô tướng, như mộng cho đến vô tướng, như hóa, vì sao? Vì mộng không có tự tính; tiếng vang, ảnh, sóng nắng, huyễn, hóa đều không có tự tính. Nếu pháp không có tự tính là pháp vô tướng; nếu pháp vô tướng là pháp một tướng tức là vô tướng. Do nhân duyên ấy, nên biết, Bồ Tát bố thí vô tướng, người nhận thí vô tướng. Biết bố thí được như vậy là có thể đầy đủ Thí Ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật; có thể đầy đủ bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo; có thể đầy đủ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; có thể đầy đủ Không, Vô tướng, Vô tác tam muội; có thể đầy đủ tám bội xả, định chín thứ lớp, năm thần thông, 500 môn Đà la ni; có thể đầy đủ mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung. Bồ Tát ấy, trú trong pháp vô lậu do quả báo mà được ấy, bay đến vô lượng quốc độ ở phương đông, cúng dường chư Phật y phục, đồ uống ăn và vật cần dùng; cũng làm lợi ích chúng sinh. Đáng dùng bố thí để nhiếp thủ thời bố thí; đáng dùng trì giới để nhiếp thủ thời dạy khiến trì giới; đáng dùng nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để nhiếp thủ thời dạy khiến nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ mà nhiếp thủ; cho đến đáng dùng các thiện pháp để nhiếp thủ, thời đem các thiện pháp mà nhiếp thủ. Bồ Tát ấy thành tựu tất cả thiện pháp, thọ thân ở thế gian mà không bị thế gian sinh tử làm ô trược. Vì chúng sinh nên ở cõi trời và cõi người thọ cái vui giàu có tôn quý, đem cái vui giàu có tôn quý ấy nhiếp thủ chúng sinh. Bồ Tát ấy biết hết thấy pháp vô tướng, nên biết quả Tu đà hoàn mà không trú trong đó; biết quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, mà cũng không trú trong đó, vì sao? Vì Bồ Tát ấy dùng trí Nhất thiết chủng biết hết thấy pháp rồi, hãy được trí Nhất thiết chủng, không chung cùng với Thanh

văn, Bích chi Phật. Như vậy, Bồ Tát biết hết thầy pháp vô tướng rồi, biết sáu pháp Ba la mật vô tướng, cho đến biết hết thầy Phật pháp vô tướng.

*Lại nữa, Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa có thể đầy đủ Giới Ba la mật vô tướng. Giới ấy không khuyết, không phá, không tạo, không trước. Giới vô lậu, được thánh nhân khen ngợi, vào trong tám phần thánh đạo. Trú trong giới ấy giữ được hết thầy giới, đó là giới danh tự, giới tự nhiên, giới luật nghi, giới tác, giới vô tác, giới oai nghi, giới chẳng oai nghi. Bồ Tát ấy thành tựu các giới, không nghĩ rằng, ta do giới ấy nên được sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ hoặc nhà Tiểu vương, hoặc nhà Chuyển luân Thánh vương, hoặc cõi trời Tứ thiên vương, hoặc trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại; không nguyện rằng: Ta nhân trì giới nên sẽ được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, vì sao? Vì hết thầy pháp vô tướng tức là một tướng; pháp vô tướng không thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp hữu tướng, pháp vô tướng không thể được pháp hữu tướng. Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật có thể đầy đủ Giới Ba la mật vô tướng mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi được vô sinh pháp nhẫn, hành đạo chủng trí, được năm thần thông do quả báo; trú trong 500 môn Đà la ni, được bốn trí không ngại, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, tuy vào trong năm đường mà nghiệp báo sinh tử không thể làm ô nhiễm. Nay Tu Bồ Đề, thí như vị Chuyển luân Thánh vương biến hóa, tuy nằm ngồi đi đứng mà không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ ở, chỗ ngồi, chỗ nằm mà vẫn có thể làm lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh; Bồ Tát cũng như vậy. Lại ví như Phật Tu thiền đa được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì hàng ba thừa Chuyển pháp luân, không có ai được thọ ký Bồ Tát. Nên hóa làm Phật rồi, xả thọ mạng mà vào Vô dư Niết bàn. Bồ Tát cũng như vậy, khi hành Bát nhã ba la mật, có thể đầy đủ Giới Ba la mật; đầy đủ Giới Ba la mật rồi, thu nhiếp hết thầy thiện pháp.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa mà đầy đủ Nhãn Ba la mật vô tướng.

Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong hai nhãn có thể đầy đủ Nhãn Ba la mật. Hai nhãn là sinh nhãn và pháp nhãn. Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, nếu có chúng sinh đi đến mắng nhiếc, dùng lời thô ác, hoặc lấy ngói đá, dao gậy gia hại Bồ Tát. Bồ Tát vì muốn đầy đủ Nhãn Ba la mật

nên cho đến không sinh một niệm ác. Bồ Tát ấy suy nghĩ như vậy: Kẻ mắng ta là ai? Kẻ cắt xẻ ta là ai? Lấy lời ác gia hại ta, lấy ngói đá, dao gậy đánh đập ta là ai? Vì sao? Vì Bồ Tát ấy đối với hết thảy pháp được nhãn vô tướng, nên có sao mà lại nghĩ rằng người ấy mắng ta, hại ta? Nếu Bồ Tát hành như vậy thời có thể đầy đủ Nhãn Ba la mật, do Nhãn Ba la mật đầy đủ nên được vô sinh pháp nhãn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là vô sinh pháp nhãn? Nhãn ấy dứt cái gì, biết cái gì?

Phật bảo Tu bồ đề: Được pháp nhãn cho đến không sinh chút ít pháp bất thiện, ấy gọi là vô sinh nhãn. Hết thảy Bồ Tát dứt hết phiền não gọi là dứt; dùng trí tuệ biết hết thảy pháp không sinh gọi là biết.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vô sinh pháp nhãn hàng Thanh văn, Bích chi Phật vô sinh pháp nhãn với Bồ Tát có gì sai khác?

Phật bảo Tu bồ đề: Hàng Tu đà hoàn hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhãn; Tu đà hàm hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhãn; A na hàm hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhãn; A la hán hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhãn; Bích chi Phật hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhãn. Thế là có sai khác. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát thành tựu nhãn ấy vượt hơn Thanh văn, Bích chi Phật.

Trú trong vô sinh nhãn do quả báo ấy hành đạo Bồ Tát có thể đầy đủ đạo chủng trí, đầy đủ đạo chủng trí nên thường không lìa 37 pháp trợ đạo và Không, Vô tướng, Vô tác tam muội và thường không lìa năm thần thông; vì không lìa năm thần thông nên có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; nghiêm tịnh cõi Phật rồi sẽ được trí Nhất thiết chủng. Như vậy, Bồ Tát đầy đủ Nhãn Ba la mật vô tướng.

*Lại nữa, trú trong năm uẩn vô tướng như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, hành Thân tinh tấn, tâm tinh tấn; do thân tinh tấn nên khởi lên thần thông; khởi lên thần thông nên đi đến mười phương cõi nước cúng dường chư Phật, lợi ích chúng sinh; do sức thân tinh tấn mà giáo hóa chúng sinh khiến an trú trong ba thừa. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể đầy đủ Tinh tấn Ba la mật vô tướng. Bồ Tát ấy do tâm tinh tấn, thánh vô lậu tinh tấn mà vào trong tám phần thánh đạo, có thể đầy đủ Tinh tấn Ba la mật; Tinh tấn Ba la mật ấy thu nhiếp hết thảy thiện pháp là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không

chung. Bồ Tát hành pháp ấy nên đầy đủ trí Nhất thiết chủng; đầy đủ trí Nhất thiết chủng rồi dứt hết thủy phiền não và tập khí, đầy đủ 32 tướng, thân phóng hào quang vô lượng, vô đẳng; phóng hào quang rồi Chuyển pháp luân, ba lần chuyển, 12 hành tướng; Chuyển pháp luân nên ba ngàn đại thiên thế giới sáu cách chấn động; hào quang chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới; chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nghe tiếng thuyết pháp, đều nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát. Như vậy, Bồ Tát trú trong Tinh tấn Ba la mật làm lợi ích lớn và có thể đầy đủ trí Nhất thiết chủng.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong năm uẩn vô tướng như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, có thể đầy đủ Thiên Ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa có thể đầy đủ Thiên Ba la mật?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát vào sơ thiên cho đến đệ tứ thiên, vào tâm vô lượng từ, bi, hỉ, xả; vào Vô biên hư không xứ cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; vào Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, vào tam muội Như điện chớp, vào tam muội Như kim cương, vào tam muội Thánh chính; trừ tam muội của chư Phật, các tam muội khác hoặc chung với Thanh văn, Bích chi Phật đều vào, đều chứng và cũng không thọ mùi vị tam muội, cũng không thọ quả báo tam muội, vì sao? Vì Bồ Tát ấy biết tam muội Vô tướng, không có tính sở hữu, làm sao đối với pháp vô tướng lại lãnh thọ mùi vị pháp vô tướng; pháp không có sở hữu lại lãnh thọ mùi vị pháp không có sở hữu? Nếu không có lãnh thọ mùi vị, thì không thọ sinh theo sức thiên định, hoặc ở cõi Sắc, hoặc ở cõi Vô sắc, vì sao? Vì Bồ Tát không thấy ba cõi ấy, cũng không thấy các thiên ấy, cũng không thấy người vào thiên, cũng không thấy người dùng pháp vào thiên. Nếu không có được pháp ấy tức có thể đầy đủ Thiên Ba la mật vô tướng. Bồ Tát dùng Thiên Ba la mật ấy vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát đầy đủ Thiên Ba la mật vô tướng mà có thể vượt qua địa vị Thanh văn, Bích chi Phật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát khéo học nội không, khéo học ngoại không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không, đối với các không ấy không có pháp có thể trú được; hoặc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la

hán cho đến trí Nhất thiết chủng; các không ấy cũng không. Bồ Tát hành các không như vậy có thể vào Bồ Tát vị.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế nào là Bồ Tát vị, thế nào là chẳng phải vị?

Này Tu Bồ Đề, hết thấy có sở đắc là chẳng phải Bồ Tát vị; hết thấy không có sở đắc là Bồ Tát vị.

Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là có sở đắc, thế nào là không có sở đắc?

Này Tu Bồ Đề, sắc là có sở đắc; thọ, tưởng, hành, thức là có sở đắc; mắt, tai, mũi lưỡi, thân ý cho đến trí Nhất thiết chủng có sở đắc, là chẳng phải Bồ Tát vị. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát vị là các pháp không thể chỉ bày, không thể nói. Pháp gì không thể chỉ bày, không thể nói. Sắc cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì tính sắc không thể chỉ bày, không thể nói cho đến trí Nhất thiết chủng không thể chỉ bày, không thể nói. Như vậy gọi là Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị ấy, hết thấy thiên định, tam muội được đầy đủ còn không theo sức thiên định, tam muội thọ sinh, hưởng gì ở trong dâm, nộ, si khởi lên tội nghiệp mà thọ sinh! Bồ Tát chỉ trú trong pháp như huyễn làm lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc chúng sinh và pháp như huyễn. Nếu không có sở đắc, khi ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật. Như vậy gọi là Bồ Tát đầy đủ Thiên Ba la mật vô tướng, cho đến Chuyển pháp luân. Nghĩa là pháp luân không thể có được.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật biết hết thấy pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát làm sao biết hết thấy pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, không thấy mộng, không thấy kẻ nằm mộng; không thấy tiếng vang, không thấy kẻ nghe tiếng vang; không thấy ảnh, không thấy kẻ thấy ảnh; không thấy sóng nắng, không thấy kẻ thấy sóng nắng; không thấy huyễn, không thấy kẻ thấy huyễn; không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa, vì sao? Vì mộng, tiếng vang, ảnh, sóng nắng, huyễn, hóa ấy đều là pháp điên đảo của người phàm phu ngu si. A la hán không thấy mộng, không thấy kẻ thấy mộng, cho đến không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa; Bích chi Phật, đại Bồ Tát, chư Phật cũng không thấy mộng, không thấy kẻ thấy mộng, cho đến không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa, vì sao? Vì hết thấy pháp không có tính sở hữu, không sinh, không nhất định.

Nếu pháp không có tính sở hữu, không sinh, không nhất định, thời Bồ Tát làm sao tu Bát nhã ba la mật? Trong đây thủ sinh tướng tướng nhất định, lẽ ấy không đúng, vì sao? Vì nếu các pháp ít nhiều có tính, có sinh, có định tướng, thời không gọi là tu Bát nhã ba la mật. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không tham trước sắc cho đến không tham trước thức, không tham trước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, không tham trước các thiên, giải thoát, tam muội, không tham trước bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, không tham trước Không, Vô tướng, Vô tá tam muội, không tham trước Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; vì không tham trước nên có thể đầy đủ Bồ Tát sơ địa, đối với sơ địa cũng không sinh tâm tham trước, vì sao? Vì Bồ Tát ấy không thủ đắc địa ấy, làm sao sinh tâm tham trước? cho đến mười địa cũng như vậy. Bồ Tát ấy hành Bát nhã ba la mật cũng không thủ đắc Bát nhã ba la mật; nếu khi hành Bát nhã ba la mật không thủ đắc Bát nhã ba la mật, khi ấy thầy hết thầy pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật, cũng không thủ đắc pháp ấy, vì sao? Vì các pháp với Bát nhã ba la mật không hai không khác, vì sao? Vì các pháp vào Như, pháp tính, thật tế nên không phân biệt.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp vô tướng không có phân biệt, làm sao nói đó là thiện, đó là bất thiện, đó là hữu lậu, đó là vô lậu, đó là thế gian, đó là xuất thế gian, đó là hữu vi, đó là vô vi?

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Trong thật tướng các pháp có pháp có thể nói đó là thiện, là bất thiện cho đến là hữu vi, là vô vi, là quả Tu đà hoàn cho đến là A la hán, Bích chi Phật, là Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, không thể nói.

Này Tu Bồ Đề, vì nhân duyên ấy nên biết hết thầy pháp vô tướng, không có phân biệt, không sinh, không nhất định, không thể chỉ bày. Ta khi xưa hành Bồ Tát đạo, cũng không có pháp, có tính có thể thủ đắc, hoặc sắc, hoặc thọ, tướng, hành, thức, cho đến hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên khéo học các pháp tính; khéo học các pháp tính nên gọi là đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Hành đạo ấy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; trú trong pháp ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đem pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, cũng không tham trước ba thừa. Như vậy, Bồ Tát do pháp vô tướng nên học Bát nhã ba la mật.

Luận: Hỏi: Tu Bồ Đề hỏi Phật: Nếu các pháp vô tướng không có phân biệt, thì làm sao nói sáu Ba la mật sai khác? Phật lại đáp: : Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng có thể đầy đủ sáu Ba la mật. Tu Bồ Đề lại lấy nghĩa Không ra hỏi, Phật lại lấy nghĩa Không để đáp. Hỏi đáp như vậy làm sao có sai khác?

Đáp: Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp không, sao nay thấy Bồ Tát hành sáu Ba la mật được thành Phật? Phật đáp: Kẻ phàm phu xa lìa trí tuệ chơn thật, chấp thủ tướng nên thấy Bồ Tát hành sáu Ba la mật được làm Phật, tham trước pháp Không ấy nên vấn nạn. Bồ Tát tuy ở trong năm uẩn như huyễn, như mộng, cũng do tâm Không mà hành bố thí; nên tuy hành các pháp, đầy đủ Ba la mật mà không chướng ngại nơi Không; thí như mây mù ở xa thời thấy, ở gần thời không trông thấy. Phàm phu cũng như vậy, vì xa lìa thật tướng nên thấy chư Phật và Bồ Tát, vì gần thật tướng nên thấy đều không; thế nên không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên có thể ở trong một niệm tu Thí Ba la mật mà có thể đầy đủ tu các thiện pháp. Người ấy thường tu Ba la mật vô lậu thanh tịnh nên khi chuyển đổi thân, trở lại được quả báo thân Ba la mật vô lậu. Được quả báo là không còn tu hành, tự nhiên có được; thí như do quả báo được nhãn căn, tự nhiên có thể thấy sắc. Được quả báo đắc Ba la mật vô lậu ấy rồi có thể biến một thân thành vô lượng vô số thân, ở chỗ mười phương chư Phật, nghe Phật thuyết pháp sâu xa đầy đủ, độ thoát hết thảy chúng sinh, dần dần nghiêm tịnh cõi Phật, tùy theo nguyện làm Phật sự.

Hỏi: Nếu các pháp không, vô tướng thì làm sao phân biệt, làm sao biết được hành Thí Ba la mật có thể đầy đủ các Ba la mật khác?

Đáp: Hành giả tuy không tự phân biệt biết, mà chư Phật, Bồ Tát nói người đó hành thí, hành giới, có thể đầy đủ các hạnh. Như người Thanh văn vào kiến đế vô lậu, vô tướng, vô phân biệt, các thánh nhân khác cũng đếm biết pháp họ được đắc. Biết thật tướng các pháp là vô tướng, ấy gọi là chánh kiến. Chánh kiến đắc lực gọi là chánh hạnh. Khi ấy không nã hại chúng sinh, không làm việc ác; ấy gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Khi ấy tuy không nói gì, cũng không làm gì mà vẫn gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, vì sao? Vì rốt ráo không nã hại chúng sinh nên gọi đó là chánh ngữ, chánh nghiệp thân diệu. Từ trong đó phát tâm, tạo tác gọi là chánh tinh tấn; buộc niệm vào duyên gọi là chánh niệm; nhiếp tâm một chỗ gọi là chánh định. Thấy thật tướng của thân, thọ, tâm, pháp, ấy gọi là bốn niệm xứ, cho đến bảy giác ý cũng như vậy. Ở trong bốn niệm xứ cũng như ở trong tám phần thánh đạo, các thánh nhân đều đếm biết; Bồ Tát cũng như vậy, hành Thí Ba la mật vô tướng ấy có thể đầy đủ Giới Ba la

mật v.v... Giống như Thí Ba la mật, Giới Ba la mật thu nhiếp các thiện pháp cũng như vậy.

Hỏi: Ở phẩm trên do một Ba la mật đầy đủ các Ba la mật và với ở đây, Ba la mật vô tướng nhiếp hết thủy pháp có gì sai khác?

Đáp: Trên kia ở trong một niệm có thể đầy đủ các Ba la mật, còn đây nói các pháp tuy không, vô tướng mà vẫn có thể đầy đủ các Ba la mật, đó là sai khác.

Giải Thích: Phẩm Bốn Nhiếp Thứ 78

(Kinh Đại Bát Nhã hội 2 ghi: phẩm Chúng Đức Tướng thứ 76)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, không có thật sự, không có tính sở hữu, tự tướng không, thời làm sao phân biệt ấy là pháp lành, là pháp chẳng lành, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp có thể được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, là pháp có thể được đạo Bích chi Phật, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Người phàm phu ngu si thấy có mộng, thấy người có mộng, cho đến thấy hóa, thấy có người thấy hóa mà khởi lên nghiệp thân, miệng, ý thiện, bất thiện, vô ký; khởi lên phước nghiệp, tội nghiệp, bất động nghiệp. Bồ Tát ấy hành Bát Nhã ba la mật trú trong hai không là rốt ráo không và vô thí không.

Vì chúng sinh thuyết pháp rằng: Nay các chúng sinh, sắc ấy không, không có sở hữu; thọ, tưởng, hành, thức ấy không, không có sở hữu; mười hai nhập, mười tám giới là mộng. Sắc là tiếng vang, là ảnh, là sóng nắng, là huyễn, là hóa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mười hai nhập, mười tám giới là mộng, là tiếng vang, là ảnh, là sóng nắng, là huyễn, là hóa; trong ấy không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, không có mộng, cũng không có người thấy mộng, không tiếng vang, cũng không có người nghe tiếng vang; không có ảnh, cũng không có người thấy ảnh; không có sóng nắng, cũng không có người thấy sóng nắng; không có huyễn, cũng không có người thấy huyễn; không có hóa, cũng không có người thấy hóa. Hết thủy pháp không có cội gốc, thật tính không có sở hữu. Các người ở trong chỗ không có năm uẩn thấy năm uẩn, không có mười hai nhập thấy mười hai nhập, không có mười tám giới thấy mười tám giới; các

pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp sinh, vì khởi tâm điên đảo, nó thuộc quả báo của nghiệp, các người có gì đối với các pháp không, không có cội gốc mà chấp thủ tướng cội gốc? Khi ấy Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện đối với sự xan tham, kếp chúng sinh ra khỏi bằng cách dạy họ hành bố thí, đem công đức bố thí ấy được quả báo lớn; từ phước báo lớn được ra khỏi rồi dạy họ khiến trì giới, do công đức trì giới được sinh cõi trời tôn quý; lại kéo ra khỏi khiến trú vào sơ thiên, do công đức sơ thiên được sinh cõi phạm thiên; nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô biên không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ cũng như vậy. Đối với chúng sinh hành bố thí và quả báo bố thí ấy, trì giới và quả báo trì giới, thiền định, và quả báo thiền định ấy dùng mỗi mỗi nhân duyên kéo ra khỏi mà an trí nơi Vô dư Niết bàn và ở trong đạo Niết bàn, đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, Không, Vô tướng, Vô tác, giải thoát môn, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, mà an ổn chúng sinh, khiến ở vào thánh pháp vô lậu, vô sắc, vô hình, vô đối. Thấy người có thể được quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật thời khiến an trú quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật; thấy người có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thời an ổn giáo hóa khiến trú trong Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, các Bồ Tát rất hiếm có, khó sánh kịp, các vị ấy có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thị không, mà phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu cho đến là hữu vi, là vô vi.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy. Các Bồ Tát rất hiếm có, khó bì kịp, các vị ấy có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thị không mà phân biệt các pháp. Nay Tu Bồ Đề, các ông nếu biết pháp hiếm có, khó bì của Bồ Tát ấy, thời biết hết thầy Thanh văn, Bích chi Phật không thể có được, huống gì người khác!

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, những gì là pháp hiếm có, khó bì kịp của Bồ Tát? Các Thanh văn, Bích chi Phật không có được?

Phật bảo Tu bồ đề: Phải nhất tâm lắng nghe. Có Bồ Tát hành Ba la mật, trú trong sáu Ba la mật do quả báo được và trú trong năm thân thông do quả báo được, 37 pháp trợ đạo; trú trong các Đà la ni, các trí không ngại, đi đến mười phương thế giới; đối với người có thể do bố thí nhiếp độ, thời dùng bố thí nhiếp độ; đối với người có thể do trì giới nhiếp độ, thời lấy trì giới nhiếp độ; đối với người do

nhấn nhục, tinh tấn, thiền định, thời tùy sự thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do sơ thiền nhiếp độ, thời lấy sơ thiền nhiếp độ; đối với người có thể do nhị thiền, tam thiền, cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ nhiếp độ, thời tùy theo chỗ thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do tâm từ, bi, hỷ, xả nhiếp độ, thời lấy tâm từ, bi, hỷ, xả nhiếp độ; đối với người có thể do bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, do Không, Vô tướng, Vô tác tam muội nhiếp độ, thời tùy chỗ thích ứng mà nhiếp độ.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát lấy bố thí lợi ích chúng sinh?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, bố thí tùy theo chỗ cần dùng hoặc ăn uống, y phục, xu ngựa, hương hoa, anh lạc đều cấp thí cho, như cúng dường Phật, Bích chi Phật, A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn ngang nhau không khác. hoặc thí cho người tu tám phần thánh đạo và người phàm, cho đến cầm thú đều không có phân biệt, bình đẳng bố thí, vì sao? Vì hết thấy pháp không khác, không phân biệt. Bồ Tát ấy bố thí không khác, không phân biệt rồi sẽ được quả báo không có phân biệt, đó là trí Nhất thiết chủng. Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát thấy người hành khát hoặc sinh tâm như vậy: Phật là ruộng phước, ta nên cúng dường; cầm thú chẳng phải phước điền, không nên cúng dường. Như vậy chẳng phải pháp Bồ Tát, vì sao? Vì Bồ Tát phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác không nghĩ rằng đối với chúng sinh này nên bố thí làm lợi ích, đối với chúng sinh kia không nên bố thí, vì bố thí cho chúng sinh ấy nên được sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, cho đến do nhân duyên bố thí ấy lấy pháp ba thừa độ cho khiến vào Vô dư Niết bàn. Nếu chúng sinh đi theo Bồ Tát xin, cũng không sinh tâm phân biệt sai khác: nên cho hay không nên cho. Vì sao? Vì Bồ Tát ấy vì chúng sinh nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu phân biệt lựa chọn bèn rơi vào chỗ bị quở trách của chư Phật, Bồ Tát, Bích chi Phật, học nhân, vô học nhân và trời, người rằng: Ai cầu ông phát tâm cứu chúng sinh, làm nhà cho chúng sinh, là chỗ thú hộ cho chúng sinh, làm chỗ nương cho chúng sinh, mà ông phân biệt, lựa chọn nên cho hay không nên cho? Lại, nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, hoặc người, chẳng phải người đi đến muốn xin Bồ Tát thân thể, tay chân, khi ấy không nên sinh hai tâm là hoặc cho hoặc không cho, vì sao? Vì Bồ Tát vì chúng sinh nên thọ thân, nay chúng sinh đi đến xin lấy, sao có thể không cho? Ta vì lợi ích chúng sinh nên thọ thân này, chúng sinh không xin, tự mình nên đem cho, huống gì chúng sinh đến xin mà không cho! Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nên học như vậy.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát thấy người đến xin nên nghĩ rằng: Trong đây ai cho, ai nhận, cho vật gì? Vì hết thấy pháp tự tính đều không thể có được, đều rốt ráo không. Pháp không tướng không có cho, không có cướp đoạt, vì sao? Vì rốt ráo không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, đệ nhất nghĩa không, tự tướng không. Trú trong rốt ráo ấy không bố thí, khi ấy đầy đủ Thí Ba la mật. Đầy đủ Thí Ba la mật; nếu khi bị dứt pháp bên trong thân, pháp bên ngoài thân, liền nghĩ rằng: Cát ta là ai? Xẻ ta là ai?

*Lại nữa, Ta dùng mắt Phật thấy các Bồ Tát ở phương đông nhiều như cát sông Hằng, vào địa ngục lớn để làm tắt lửa, nước sôi nguội; dùng ba việc giáo hóa: một là thần túc thông, hai là tha tâm thông, ba là thuyết pháp. Bồ Tát do sức thần túc thông làm cho lửa địa ngục lớn tắt, nước sôi nguội; do tha tâm thông đem tâm từ, bi, hỉ, xả tùy ý thuyết pháp. Chúng sinh ấy đối với Bồ Tát sinh tâm thanh tịnh, nên từ địa ngục được thoát khỏi, dần dần lấy pháp ba thừa dứt hết khổ não. Phương nam, tây, bắc, bốn góc, trên, dưới cũng như vậy.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem mười phương thế giới thấy các Bồ Tát trong quốc độ nhiều như cát sông Hằng, làm thị giả cho chư Phật, cúng dường chư Phật, tùy ý hoan hỷ, cúng kính; nếu chư Phật thuyết pháp đều có thể thọ trì cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không quên mất.

*Lại nữa, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, vì sức sinh nên xả bỏ đời sống kia, cắt xẻ thân thể, phân tán đi các phương. Có các chúng sinh ăn thịt các Bồ Tát ấy, đều ưa kính Bồ Tát. Vì tâm ưa kính ấy nên liền được lìa khỏi đường súc sinh, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần nhờ pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết bàn. Như vậy, các Bồ Tát làm lợi ích rất nhiều, giáo hóa chúng sinh khiến phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, như thuyết tu hành, cho đến khi vào Vô dư Niết bàn.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, trừ cái khổ đói khát của ngựa quý, các ngựa quý ấy đều ái kính Bồ Tát. Do tâm ái kính nên được lìa khỏi đường ngựa quý, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần do pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết bàn. Như vậy, Bồ Tát vì độ chúng sinh hành tâm đại bi.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật thấy Bồ Tát ở trên cõi trời Tứ thiên vương thuyết pháp; ở trên cõi trời Ba mươi ba, cõi trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời

Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại thuyết pháp. Các trời nghe Bồ Tát thuyết pháp, dần dần nhờ pháp ba thừa mà được diệt độ. Trong chúng chư thiên ấy, có người tham trước năm dục, thời Bồ Tát ấy thị hiện lửa cháy đốt cung điện họ mà vì họ thuyết pháp, nói rằng: Nay chư thiên, hết thấy pháp hữu vi đều vô thường, đâu được an ổn!

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương các cõi nước, thấy các Phạm thiên ở trong các cõi nước nhiều như cát sông Hằng tham trước tà kiến. Các Bồ Tát dạy khiến xa lìa tà kiến, nói rằng: Các ông làm sao ở trong các pháp tướng không, hư vọng mà sinh tâm tà kiến? Như vậy, Bồ Tát trú trong tâm đại từ vì chúng sinh thuyết pháp. Đó là pháp hiếm có khó bì kịp của các Bồ Tát.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem thấy các Bồ Tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh. Bốn việc là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bồ Tát lấy việc bố thí nhiếp thủ chúng sinh như thế nào? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát do hai cách bố thí nhiếp thủ chúng sinh, là tài thí và pháp thí. Tài thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Đó là Bồ Tát lấy vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, chân châu, mã não, san hô, các vật báu; hoặc đồ ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng xá, đèn đuốc, hoa hương, anh lạc, hoặc trai, hoặc gái, hoặc trâu dê, voi ngựa, xe cộ, hoặc thân mình cấp thí cho chúng sinh, nói với chúng sinh rằng: Các người nếu có cần gì hãy đến lấy như lấy vật của mình, đừng nghi ngại, khó khăn. Bồ Tát thí rồi, dạy ba Quy y là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Hoặc dạy thọ năm giới; hoặc dạy thọ giới trong một ngày; hoặc dạy các thiền định, sơ thiền cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ định; hoặc dạy từ, bi, hỷ, xả; hoặc dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên; hoặc dạy quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, hoặc tướng, hoặc xúc; hoặc dạy bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; hoặc dạy Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, tám bội xả, cho đến mười tám pháp không chung, hoặc dạy đại từ đại bi, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình; hoặc dạy quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện dạy chúng sinh tài thí rồi, lại dạy khiến được Niết bàn vô thượng an ổn. Nay Tu Bồ Đề, ấy gọi là pháp hiếm có khó bì kịp của Bồ Tát.

Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát dùng pháp thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Nay Tu Bồ Đề, pháp thí có hai là thế gian và xuất thế gian. Pháp thí thế gian là thế nào? Đó là diễn giải, chỉ bày pháp thế gian, như quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, bốn

thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Pháp thế gian như vậy là pháp tu chung với phàm phu; ấy gọi là pháp thí theo thế gian. Bồ Tát pháp thí theo thế gian như vậy rồi, dùng mỗi mỗi nhân duyên giáo hóa, khiến xa lìa pháp thế gian. Xa lìa pháp thế gian rồi, dùng sức phương tiện khiến được thánh pháp vô lậu và thánh quả vô lậu. Thế nào là thánh pháp và thánh quả vô lậu? Thánh pháp vô lậu là 37 pháp trợ đạo, ba môn giải thoát. Thánh quả vô lậu là quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật và Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, thánh pháp vô lậu của Bồ Tát là trí tuệ đối với quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán; trí tuệ đối với đạo Bích chi Phật; trí tuệ đối với ba mươi bảy pháp trợ đạo, sáu Ba la mật cho đến đại từ đại bi; trí tuệ hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Đối với các pháp như vậy là trí Nhất thiết chủng, ấy gọi là thánh pháp vô lậu của Bồ Tát.

Thế nào là thánh quả vô lậu? Đó là dứt hết thủy phiền não và tập khí, gọi là thánh quả vô lậu.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng chẳng?

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ Tát với Phật có gì sai khác?

Phật dạy: Có khác. Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng gọi là Phật, vì sao? Vì tâm Bồ Tát với tâm Phật không có sai khác. Bồ Tát trú trong trí Nhất thiết chủng đối với hết thủy pháp không có điều gì không hiểu rõ; ấy gọi là Bồ Tát pháp thí theo thế gian. Bồ Tát nhân pháp thí theo thế gian mà đầy đủ pháp thí theo xuất thế gian. Như vậy, Bồ Tát dạy chúng sinh, khiến được pháp thế gian, do sức phương tiện dạy khiến được pháp xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là pháp xuất thế gian? Đó là pháp không chung cùng với pháp phàm phu, như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, cho đến tám phần thánh đạo; ba môn giải thoát, tám bội xả, cho đến mười tám pháp không chung, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, 500 môn Đà la ni; ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là bốn niệm xứ? Là Bồ Tát quán nội thân trên thân, quán ngoại thân trên thân, quán nội ngoại thân trên thân, siêng tinh tấn nhất tâm trí tuệ quán thân, quán nhân duyên tập khởi của thân, quán thân biệt, quán sự tập khởi của thân diệt. Hành đạo ấy không nương tựa gì, đối với thế gian không có ái nhiễm; quán thọ, tâm, pháp, niệm xứ cũng như vậy.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là bốn chánh cần? Là đối với pháp ác bất thiện chưa sinh, vì làm cho đừng sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với pháp ác bất thiện đã sinh, vì làm cho đoạn dứt nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với thiện pháp chưa sinh, vì làm cho phát sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với pháp thiện đã sinh, vì làm cho tăng trưởng đầy đủ nên siêng tâm tinh tấn; ấy gọi là bốn chánh cần.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là bốn như ý túc? Đó là tu dục tam muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc đầu; tu tinh tấn tam muội, tâm tam muội, tư duy tam muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc thứ hai, ba, tư.

Thế nào là năm căn? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Thế nào là năm lực? Đó là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

Thế nào là Bảy giác phần? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần (tức khinh an giác phần - ND), định giác phần và xả giác phần.

Thế nào là tám phần thánh đạo? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Thế nào là ba môn tam muội? Đó là môn Không tam muội, môn Vô tướng, Vô tác tam muội.

Thế nào là Không tam muội? Lấy hạnh Không, vô ngã để nhiếp tâm, ấy gọi là Không tam muội.

Thế nào là Vô tướng tam muội? Lấy hạnh tịch diệt, hạnh viễn ly nhiếp tâm, ấy là Vô tướng tam muội.

Thế nào là Vô tác tam muội? Lấy hạnh vô thường, hạnh khổ nhiếp tâm, ấy là Vô tác tam muội.

Thế nào là tám bội xả? Bên trong có sắc tướng bên ngoài quán sắc, là bội xả đầu; bên trong không có sắc tướng bên ngoài quán sắc là bội xả hai; tịnh bội xả, là bội xả ba; vượt qua hết thấy sắc tướng, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến hết thấy tướng sai khác, quán hư không vô biên, vào vô biên không xứ cho đến vượt qua hết thấy Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ vào diệt thọ tướng bội xả; ấy gọi là tám bội xả.

Thế nào là Định chín thứ lớp? Đó là hành giả lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, cho đến vượt qua Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vào định Diệt thọ tướng; ấy gọi là định chín thứ lớp.

Thế nào là mười lực của Phật? Đó là trí biết như thật: phải đạo lý, không phải đạo lý; trí biết các nghiệp, các pháp thọ báo; biết chỗ tạo nghiệp; biết nhân duyên; biết quả báo của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại; trí biết như thật các thiền định, giải thoát, tam muội định, phân biệt tướng như, sạch; biết các căn cao thấp sai khác của chúng sinh; biết các tính dục, kiến giải sai khác của chúng sinh; biết các tính của thế gian; biết chỗ đi đến của hết thảy; biết đời trước từ một đời cho đến vô lượng kiếp; biết như thật thiên nhãn thấy chúng sinh, sinh đường lành, đường dữ; như thật biết lậu hoặc hết nên được tâm vô lậu giải thoát; ấy là mười lực của Phật.

Thế nào là bốn điều không sợ? Đó là Phật nói lời thành thật rằng: Ta là bậc Nhất thiết trí, hoặc có Sa môn, Bà la môn, trời, ma, Phạm và chúng sinh khác nói như thật rằng: Pháp ấy Ta không biết, thời cho đến Ta không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển bánh xe pháp phạm ma các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, ma, Phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ nhất.

Phật nói lời thành thật rằng: Ta sạch hết các lậu hoặc, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, ma, Phạm và các chúng sinh khác nói như thật rằng: Hành đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thời cho đến Ta không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển bánh xe pháp, các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, ma, phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ tư.

Thế nào là bốn trí không ngại? Đó là: 1. Trí biết nghĩa, thông suốt không ngại; 2. Trí biết pháp, thông suốt không ngại; 3. Trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại; 4. Trí biết vui nói, thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết nghĩa thông suốt không ngại? Đó là trí biết duyên theo nghĩa lý; ấy là Trí biết nghĩa thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết pháp, thông suốt không ngại? Là trí tuệ duyên theo giáo pháp, là Trí biết pháp thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại? Là trí duyên theo từ ngữ, là Trí biết từ ngữ thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết vui nói, thông suốt không ngại? Là trí tuệ duyên theo sự vui nói, ấy là Trí biết vui nói thông suốt không ngại.

Thế nào là mười tám pháp không chung? 1. Là thân Phật không có lỗi; 2. Là Miệng Phật không lỗi; 3. Tâm niệm Phật không lỗi; 4. Phật không có dị tướng; 5. Phật không có tâm bất định; 6. Phật không có tâm không biết mà xả bỏ; 7. Sự ham muốn không giảm sút; 8. Tinh tấn không giảm sút; 9. Niệm không giảm sút; 10. Tuệ không giảm sút; 11. Giải thoát không giảm sút; 12. Giải thoát tri kiến không giảm sút; 13. Hết thấy thân nghiệp hành theo trí tuệ; 14. Hết thấy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ; 15. Hết thấy ý nghiệp hành theo trí tuệ; 16. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại; 17. Trí tuệ biết đời vị lai không ngại và 18. Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại.

Thế nào là 32 tướng? 1. Lòng bàn chân bằng phẳng; 2. Lòng bàn chân có tướng bánh xe đủ ngàn tăm; 3. Ngón tay thon dài; 4. Gót chân rộng và bằng; 5. Ngón tay, ngón chân có lưới lụa xòe như cửa chim Nhạn; 6. Tay chân mềm mại; 7. Mu bàn chân cao và đầy; 8. Bắp đùi như nai chúa Y nê diên; 8. Khi đứng thẳng, ngón tay sờ đến đầu gối; 10. Tướng âm tàng như trâu chúa; 11. Thân cao và rộng cân đối như cây Ni câu loại; 12. Lông trên thân mọc xoay hướng lên; 13. Mỗi lỗ chân lông có một sợi lông; 14. Thân sắc vàng như màu hoàng kim; 15. Có ánh sáng một trượng; 16. Da mỏng, mịn; 17. Bảy chỗ trên thân đều đặn; 18. Dưới hai nách đầy đặn; 19. Phần thân trên như Sư tử; 20. Thân to lớn và thẳng; 21. Vai tròn và đẹp; 22. Có 40 cái răng; 23. Răng đều đặn; 24. Răng trắng trong; 25. Hai má như Sư tử; 26. Được thượng vị trong các vị; 27. Lưỡi rộng, dài; 28. Có âm thanh như cửa Trời Phạm thiên; 29. Mắt xanh biếc; 30. Lông mi như trâu chúa; 31. Nhục kế ở trên đầu; 32. Tướng lông trắng giữa hai chân mày. (32 tướng này xem giải thích rõ ở trang 173, chương 7, cuốn 4, tập 1, luận Đại trí độ này). Thân Phật thành tựu 32 tướng, phóng hào quang chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn chiếu rộng thời khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, vì chúng sinh nên thọ nhận hào quang một trượng ấy. Nếu phóng vô lượng ánh sáng thời không có số ngày tháng, thời tiết, năm. Âm thanh của Phật biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn âm thanh lớn thời biến khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, tùy theo chúng sinh nhiều ít mà âm thanh đến khắp.

Luận: Hỏi: Từ trước lại đây, nơi nơi đều nói các pháp tính không, làm sao phân biệt thế nào là có thiện, bất thiện; từ sau đó trở đi, trong mỗi phẩm nói nghĩa không khác, có gì Tu Bồ Đề cứ mỗi mỗi hỏi lại?

Đáp: Việc ấy trên đã đáp rồi. Lại nữa, chúng sinh từ vô thủy sinh tử lại đây tâm nhiễm trước sâu nặng, khó hiểu nên Tu Bồ Đề cứ hỏi lại. Lại nữa, Bát nhã ba la mật muốn nói yếu nghĩa của tính không ấy nên thường hỏi. Lại nữa, khi Phật ở đời, chúng sinh lợi căn dễ ngộ; sau Phật diệt độ khoảng 500 năm, chúng sinh trong đời Tượng pháp ưa đắm Phật pháp, rơi vào chỗ đắm pháp, hoặc nói các pháp đều không, như mộng, như huyễn, có gì lại có thiện, bất thiện? Vì thế nên Tu Bồ Đề thương xót chúng sinh vị lai độn căn không hiểu, nên hỏi lại rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp đều không, có sao phân biệt có thiện, bất thiện? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì tâm phàm phu điên đảo, đối với các pháp đều khởi lên dị kiến điên đảo, cho đến không thấy một pháp nào thật. Phàm phu đối với mộng thời đắm mộng, đối với người nằm mộng thời đắm việc người thấy mộng, cũng đắm việc trông thấy trong mộng. Hạng người ấy nếu không tin tội phước thời khởi lên ba nghiệp bất thiện, nếu tin tội phước thời khởi lên ba nghiệp thiện.

Nghiệp thiện, bất thiện, bất động. Nghiệp thiện là nghiệp ở trong cõi Dục, có quả báo vui thích; nghiệp bất thiện là nghiệp có quả báo ưu sầu, khổ não; nghiệp bất động là nghiệp có quả báo sinh vào cõi sắc, cõi Vô sắc. Bồ Tát biết ba thứ nghiệp ấy đều là hư dối, không thật; ở trong hai Không, vì chúng sinh thuyết pháp, lấy rất ráo không, phá chấp pháp; lấy vô thủy không, phá chấp tướng chúng sinh. Ở vào trung đạo vì chúng sinh thuyết pháp, đó là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới đều là không, như mộng, như huyễn cho đến như hóa, ở trong ấy không có mộng cũng không có n thấy mộng. Bồ Tát nói với chúng sinh rằng: Các người đối với pháp không, vì tâm điên đảo nên sinh chấp trước. Bồ Tát do sức phương tiện nên từ trong điên đảo kếp chúng sinh ra khỏi; thí như xan tham là điên đảo, lấy bố thí phá xan tham mà chúng sinh lại đắm theo bố thí ấy nên lại nói quả báo bố thí vô thường, không thật, từ bố thí kếp chúng sinh ra khỏi khiến trì giới. Từ trong trì giới và quả báo trì giới kéo chúng sinh ra khỏi, nói với chúng sinh rằng: Phước cõi trời hưởng hết thời vô thường khổ não, kéo chúng sinh ra khỏi, nói với chúng sinh rằng: Phước cõi trời hưởng hết thời vô thường khổ não, kếp chúng sinh ra khỏi trì giới khiến lìa dục, tu thiên định; lại nói thiên định và quả báo thiên định hư dối không thật, hay làm cho chúng sinh đọa vào điên đảo. Dùng mỗi mỗi nhân duyên nói tội lỗi vô thường của việc bố thí, trì giới, thiên định để khiến chúng sinh an trú Niết bàn. Phương tiện được Niết bàn là bốn niệm xứ

cho đến mười tám pháp không chung. Nếu bố thí, trì giới, thiền định là pháp thật, thời không nên dạy khiến xa lìa; như lấy bố thí, trì giới... phá pháp phàm phu, ấy là nhân điền đảo phát sinh, tuy lợi ích chúng sinh thời gian ngắn, nhưng lâu dài thời biến khác, sinh ra khổ não, nên cũng dạy khiến lìa bỏ. Bồ tát dùng sức phương tiện, trước dạy chúng sinh bỏ tội, tán thán phước đức bố thí, trì giới, tiếp đến nói việc bố thí, trì giới; cũng chưa thoát khỏi khổ não vô thường, nên lại nói các pháp không, chỉ xưng tán thật pháp, đó là Vô dư Niết bàn. Khi ấy Tu Bồ Đề hoan hỉ cho là rất hy hữu. Bồ Tát có thể biết thật tướng các pháp như vậy. Nghĩa là biết rất rõ không, mà vì chúng sinh thuyết pháp, khiến đạt đến Vô dư Niết bàn. Phật dạy đó là một việc hy hữu. Hỏi là lại muốn biết pháp hy hữu của Bồ Tát. Hết thầy Thanh văn, Bích chi Phật không thể đáp pháp hy hữu của Bồ Tát ấy, huống gì là người khác!

Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là lại có pháp hy hữu? Phật đáp như trong kinh đây nói.

Hỏi: Trong kinh này trước dạy khiến bố thí, trì giới, thiền định, nay lại nói lại, có gì sai khác?

Đáp: Trước nói về sinh thân Bồ Tát, này nói về hóa thân; trước nói về một cõi nước, nay nói vô lượng thế giới, có các sai khác như vậy.

Hỏi: Nếu Bồ Tát biết Phật là phước điền, chúng sinh chẳng phải phước điền, ấy là chẳng phải pháp Bồ Tát, vậy Bồ Tát dùng sức gì có thể làm cho Phật với súc sinh bình đẳng?

Đáp: Bồ Tát dùng sức Bát nhã, đối với hết thầy pháp tu tâm rất rõ không; thế nên đối với hết thầy pháp không có phân biệt. Như súc sinh do năm uẩn, 12 nhập, 18 giới hòa hợp sinh, gọi là súc sinh. Phật cũng như vậy, do các pháp lành hòa hợp, giả gọi là Phật. Nếu người thương xót chúng sinh được vô lượng phước đức thời đối với Phật sinh tâm chấp trước, khởi lên các ác sẽ mắc vô lượng tội. Thế nên biết vì hết thầy pháp rất rõ không nên không khinh chúng sinh, không tâm ái trước, quý trọng Phật.

*Lại nữa, thật tướng các pháp là vô tướng, trong vô tướng ấy không phân biệt là Phật, là chúng sinh; nếu phân biệt tức là chấp thủ tướng, thế nên xem bình đẳng.

*Lại nữa, Bồ Tát có hai pháp môn: Một là pháp môn rất rõ không, hai là pháp môn phân biệt tốt xấu. Vào pháp môn không thời được quán bình đẳng; vào pháp môn phân biệt thời các A la hán, Bích chi Phật còn không bằng Phật,

huống gì súc sinh! Vì người kia khinh chúng sinh, không thương xót bố thí, nên dạy khiến không phân biệt.

Hỏi: Thân Bồ Tát chẳng phải cây, đá, có sao chúng sinh đến cắt xẻ mà không sinh tâm dị?

Đáp: Có người nói: Bồ Tát lâu ngày tu nhẫn Ba la mật nên có thể không sầu não; như tiên nhân nhẫn nhục, bị người cắt tay chân mà huyết đều biến làm sữa. Có người nói: Bồ Tát từ vô lượng kiếp lại đây tu sâu tâm đại từ bi, nên tuy có bị cắt xẻ cũng không ưu sầu, thí như cây cỏ không có tâm giận. Có người nói: Bồ Tát tu sâu Bát nhã ba la mật, chuyển đổi thân được quả báo Bát nhã tâm không, nên không biết rõ ràng. Khi bị cắt thân thể tâm cũng bất động, như vật bên ngoài bất động, bên trong cũng như vậy, vì được quả báo Bát nhã nên đối với các pháp không phân biệt gì. Có người nói: thân Bồ Tát ấy không phải là trong vòng sinh tử, mà là pháp tính sinh thân ngoài ba cõi, trú trong quả báo thánh tâm vô lậu, nên thân như cây đá mà có thể thương kẻ đến cắt xẻ. Bồ Tát ấy sinh tâm được như vậy nên khi bị cắt xẻ, cướp giựt vật bên trong, bên ngoài, tâm vẫn không lay động; ấy là pháp hy hữu của Bồ Tát.

*Lại nữa, pháp hy hữu là như trong Kinh đây nói: Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng vào trong địa ngục làm lửa tắt, nước sôi nguội; lấy ba việc giáo hóa chúng sinh như trong Kinh này nói.

Hỏi: Nếu như vậy, không nên có ba đường ác?

Đáp: Chúng sinh trong ba đường ác vô biên vô lượng, Bồ Tát tuy vô lượng vô biên mà số chúng sinh nhiều gấp vô lượng. Bồ Tát tùy theo chúng sinh có nhân duyên có thể độ, nếu ở trong ba đường ác mà có các công đức thời Bồ Tát độ, còn kẻ tội trọng thời không thấy Bồ Tát. Trong tâm Bồ Tát chỉ một tướng, không có phân biệt, nên không mỗi mỗi tìm kiếm chúng sinh. Thí như việc đại xá, kẻ tội gần mãn hạn thời được ra khỏi, kẻ không gần mãn hạn thời không mong ra.

Hỏi: Nếu chúng sinh cắt xẻ Bồ Tát, hoặc ăn thịt Bồ Tát, thời phải có tội, làm sao được độ?

Đáp: Bồ Tát có bản nguyện: Nếu có chúng sinh ăn thịt Ta, ta sẽ làm cho được độ, như trong kinh đây nói: Chúng sinh ăn thịt Bồ Tát thời sinh lòng từ; thí như có sắc, thanh, hương, xúc, có người nghe thấy thời mừng, lại có người nghe thấy thời nổi giận, mùi vị cũng như vậy, có người nổi giận, có người sinh lòng từ. Như trong kinh Tỳ ma la cất nói: Ăn cơm cõi Hương Tích mà có người bảy ngày

được đạo, có người không được. Chẳng phải vì ăn thịt nên được độ, mà vì khởi phát lòng từ nên được khỏi súc sinh, mà sinh vào thiện xứ, gặp Phật, được độ. Có Bồ Tát trải qua vô lượng vô số kiếp hành sâu lòng từ, lấy vật bên ngoài cấp thí cho chúng sinh, ý chưa thỏa mãn, lại tự đem thân bố thí mới làm đầy đủ. Như trong kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Dược Vương lấy vật châu báu bên ngoài cúng dường Phật, ý chưa thỏa mãn, lại lấy thân làm đèn cúng dường Phật, bấy giờ mới thỏa mãn.

*Lại nữa, người có được vật bên ngoài tuy nhiều mà không cho là có ơn, vì sao? Vì không phải là vật quý trọng đáng ưa. Khi được thân thể kia mới cảm kích, kính trọng; thế nên lấy thân bố thí. Bồ Tát lại vì hàng chư thiên thuyết pháp như trong Kinh đây nói rộng.

Lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Bố thí có hai như trong Kinh đây nói rộng.

Hỏi: Có gì lược nói bốn đạo khác, mà nói rộng việc của nhân đạo?

Đáp: Trong ba ác đạo, vì khổ nhiều nên chúng sinh ít nghi; nếu thấy việc thần thông hy hữu của Bồ Tát thời tin liền, ưa đắm, nên được độ. Chư thiên vì có mắt trời, tự thấy nhân duyên quả báo tội phước, Bồ Tát hiện chút ít thần túc thời liền hiểu. Người vì mắt thịt, không thấy quả báo tội phước, lại phần nhiều đắm theo tà ngoại đạo và kinh sách tà kiến. Các phiền não có hai phần: một là thuộc kiến, hai là thuộc ái. Nếu chỉ có một phần thời không thể thành tội lớn. Người có ba độc, lại có sức tà kiến thời có thể làm đủ việc ác nặng; người tà kiến lại có tham dục, sân giận thời có thể làm việc tội nặng. Như Tu đà hoàn tuy còn có ba độc, song vì không có tà kiến nên không gây tội nặng, rơi vào ba đường ác. Thế nên trong loài người, nhiều người có ba độc tà kiến, mắt không thấy nhân duyên tội phước cho nên khó độ, vì khó độ nên Phật nói nhiều.

Hỏi: Nếu như vậy, thời đối với bốn việc, có gì nói nhiều về bố thí nói ít về ba việc kia?

Đáp: Trong bố thí nhiếp đủ ba việc nên lấy tài khí, pháp thí giáo hóa chúng sinh thời không việc gì không nhiếp. Lại nữa, trong bốn việc trước tiên, mở rộng bố thí thời biết ba việc khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy, có gì lược nói về bố thí mà nói rộng về pháp thí?

Đáp: Tài thí ít, pháp thí rộng rãi, vì có sao? Vì tài thí được quả báo có hạn lượng, pháp thí được quả báo không có hạn lượng. Tài thí ràng buộc vào cõi

Dục, thọ quả báo ở cõi Dục; pháp thí cũng ràng buộc và thọ quả báo trong ba cõi và cũng là quả báo ra ngoài ba cõi. Tài thí hay cho cái vui giàu sang trong ba cõi, pháp thí hay cho cái vui thường hằng của Niết bàn.

Lại, tài thí từ pháp thí sinh. Nhờ nghe pháp mà làm bố thí. Lại nữa, quả báo của tài thí chỉ được giàu vui không có các thứ khác; quả báo của pháp thí cũng có giàu vui, cũng có các thứ khác, cho đến được quả báo Phật đạo, Niết bàn. Do nhân duyên ấy nên nói nhiều về pháp thí.

Hỏi: Trong kinh này có gì Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng chướng?

Đáp: Ý Tu Bồ Đề là: Nếu khi Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng thời không còn gọi là Bồ Tát, làm sao chưa được thành Phật mà có thể được trí Nhất thiết chủng? Được trí Nhất thiết chủng mới gọi là Phật; nếu trước đã là Phật thì cần gì đến trí Nhất thiết chủng? Phật đáp: Nay được trí Nhất thiết chủng gọi là Bồ Tát; đã được trí Nhất thiết chủng thời gọi là Phật. Nói một cách chơn thật: Bồ Tát không được, Phật cũng không được, vì sao? Vì Bồ Tát thì chưa được còn Phật đã được rồi không còn được lại! Theo pháp thế tục nên nói Bồ Tát nay được, Phật đã được rồi; theo đệ nhất nghĩa thời không có hết thảy pháp, huống gì có Phật và Bồ Tát! Lại trong Kinh đây nói: Tâm Phật không khác Bồ Tát, Bồ Tát không khác tâm Phật; thứ lớp nối nhau không dứt. Lại hai tâm đều Như, vì không có khác, không có phân biệt.

Hỏi: Định chín thứ lớp, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình là pháp thế gian chung có, có gì gọi là pháp không chung của xuất thế gian?

Đáp: Bốn thiên, bốn định vô sắc, định diệt thọ tưởng gọi là định chín thứ lớp. Đối với định diệt thọ tưởng chỉ Thánh nhân có được, còn bốn thiên, bốn định vô sắc từ sơ thiên khởi lên không xen tâm khác mà vào nhị thiên, từ nhị thiên cho đến vào Diệt tận định, trong mỗi mỗi niệm thọ nhận không xen tâm khác nên gọi là thứ lớp. Phạm phu là người tội, độn căn, làm sao có thể được 32 tướng? Như Chuyển luân Thánh vương, Đề bà đạt đa, Nan đà được tướng ấy, tên gọi tuy đồng mà về đầy đủ uy đức, trong sạch đúng chỗ thời không đồng với Phật. Như trước đã phân biệt tướng của Chuyển luân Thánh vương và tướng của Phật khác nhau. Lại, tướng ấy là quả báo của thánh pháp vô lậu, quả tự tại theo ý, vô lượng vô biên, còn tướng của Chuyển luân Thánh vương là do nghiệp phước đức, không được tự tại, có hạn có lượng.

*Lại nữa, Đề bà đạt đa, Nan đà chỉ có 30 tướng, không phải có 32 tướng; Chuyển luân Thánh vương tuy có 32 tướng mà không có uy đức, không đầy đủ,

không đúng chỗ, đi kèm với tham ái, phiền não v.v... Tám mươi vẻ đẹp tùy hình đầy đủ chỉ Phật và Bồ Tát có được, những người khác có thể có số ít, hoặc ngón tay thon dài, hoặc bụng nhỏ mà không có uy đức tốt đẹp nên không nói đến. Thế nên nói, pháp xuất thế gian không chung với phàm phu, không có lỗi.

Hỏi: Từ trước lại đây nơi nơi nói các pháp năm uẩn cho đến trí Nhất thiết chủng mà không nói 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình ấy, nay Kinh này sắp hết, có gì trong mỗi phẩm lại nói?

Đáp: Phật có hai thân là sinh thân và pháp thân; trong hai thân ấy, pháp thân là lớn. Pháp thân lớn nên sự lợi ích nhiều, như từ trước lại đã nói rộng. Nay gần hết kinh, về nghĩa sinh thân cần nên nói, cho nên nay nói.

*Lại nữa, sinh thân tướng đẹp trang nghiêm là quả báo của thánh pháp vô lậu, nay thứ lớp nói, còn trên kia nói xen lẫn với các Ba la mật. Nghĩa của bốn niệm xứ v.v... như trước nói. Nghĩa của mười lực của Phật là sâu xa, nay sẽ lược nói.

Hỏi: Mười lực của Phật là, nếu theo tướng chung mà nói thì chỉ một lực, đó là lực trí Nhất thiết chủng; nếu theo tướng riêng nói thì có ngàn, vạn, ức lực, theo mỗi pháp để gọi tên; nay có gì chỉ nói mười lực?

Đáp: Phật thật có vô lượng trí lực, song chỉ vì chúng sinh không thể có được, không thể hành được, nên không nói. Mười lực ấy đối với chúng sinh có thể độ vừa đủ dùng để độ, vì sao? Vì Phật dùng trí lực thị xứ, phi xứ quyết định biết lẽ nhân quả trong hết thủy pháp. Nghĩa là tạo nghiệp ác thì đọa vào đường ác, là có lẽ ấy (thị xứ), tạo nghiệp ác mà sinh lên cõi trời là không có lẽ ấy (phi xứ); làm nghiệp thiện cũng như vậy. Không lia năm triền cái, không tu bảy giác chi mà được đạo, không có lẽ ấy (phi xứ); lia năm triền cái, tu bảy giác chi mà được đạo, có lẽ ấy (thị xứ). Chín trí lực kia đều vào trong trí lực này. Phật dùng trí lực này trừ lượng chúng sinh trong mười phương sáu đường, kẻ có thể độ, kẻ không thể độ; kẻ có thể độ thì dùng mỗi mỗi nhân duyên thần thông biến hóa để độ thoát; kẻ không thể độ thì đối với người ấy tu tâm xả. Thí như thầy thuốc hay xem tướng trạng của bệnh mà thẩm định biết có thể sống thì chữa trị, không thể sống thì rời bỏ. Phương tiện độ chúng sinh của nghiệp lực kia, người do nghiệp mà thọ thân, bị ràng buộc trong thế gian, do lực thiên định nên được giải thoát. Hành giả tất phải tìm hiểu khổ từ đâu sinh, do đâu diệt, thế nên dùng hai lực. Nghiệp lực có hai phần: Một là nghiệp sách có thể dứt nghiệp ác, hai là nghiệp nhơ. Nghiệp sách là thiên, định, giải thoát, các tam muội; nghiệp không

sạch là nghiệp cho thọ thân trong ba cõi. Người có hai hạng: hạng độn căn vì thọ thân nên tạo nghiệp, hạng lợi căn vì diệt thân nên tạo nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy, có gì không đều dạy khiến làm nghiệp sạch?

Đáp: Vì chúng sinh căn có lợi, độn.

Hỏi: Chúng sinh vì sao có lợi, độn.

Đáp: Vì lực mạnh của dục, chúng sinh có tâm ác dục, thường vào chỗ ác, nên độn. Dục là tham muốn. Tham muốn việc tội sinh nghiệp ác, nên độn. Người ham muốn thiện thời vui đạo, tu các pháp trợ đạo nên lợi.

Hỏi: Chúng sinh vì sao không đều ham muốn thiện.

Đáp: Vì thế mà Phật nói thế gian có mỗi mỗi tính: Tính thiện, tính ác... Người tính ác ham muốn điều ác, ham muốn ác nên căn độn; như tính lửa nóng, tính nước ướt, không nên trách vì sao.

Hỏi: Ham muốn ác tức là tính ác, có gì sai khác mà làm thành hai lực?

Đáp: Có tính trước, vì muốn được nên phát sinh; thí như trước có ghê, vì chạm đến nên ra máu. Tính ở trong, ham muốn ở ngoài; tính nặng, ham muốn nhẹ; tính khó trừ, ham muốn dễ bỏ; tính sâu, ham muốn cạn. Dùng tính tạo nghiệp chắc sẽ thọ báo, dùng ham muốn tạo nghiệp không chắc thọ báo; có sai khác như vậy.

Lại, có người nói: Tập thường ham muốn tăng trưởng bèn thành tính. Tính cũng có thể phát sinh ham muốn. Người ấy nếu đời này hoặc đời sau thường tập ham muốn thời trở thành tính. Từ tính ấy mà làm ác, làm thiện; nếu ở tính thiện thời có thể độ, nếu ở tính ác thời không thể độ. Phật đã biết hai tính của chúng sinh rồi, lại biết quả báo kia theo đường thiện, đường ác khác nhau. Tính ác thời đọa vào ba đường ác, tính thiện thời thành bốn đường: Người, trời, A tu la và Niết bàn.

Hỏi: Trí lực biết chỗ đến của hết thầy với lực thiên nhãn, có gì sai khác?

Đáp: Lực thiên nhãn chỉ thấy được khi sinh, khi chết, còn đây là biết được khi chưa chết. Thiên nhãn thấy nhân biết quả, còn đây thấy quả báo tội phước hiện tiền, đó là trí lực biết chỗ đến của hết thầy (chí xứ đạo lực).

Hỏi: Thanh văn, Bích chi Phật cũng được Niết bàn, cũng có thể giáo hóa chúng sinh, có sao không có lực ấy?

Đáp: Vì thế mà nói ba lực sau biết việc chúng sinh trong ba đời thông suốt cùng khắp. Dùng lực biết mạng sống đời trước, biết khắp việc gốc, ngọn quá khứ của hết thảy chúng sinh. Do lực thiên nhãn sinh tử, biết khắp vô lượng việc trong đời vị lai của chúng sinh. Biết như vậy rồi, biết chúng sinh trong hiện tại, người có thể độ thời vì họ nói pháp dứt hết lậu hoặc. Vì thế nên chỉ có Phật mới có lực ấy, hàng Nhị thừa không có. Như có một người ngay trong một ngày có thể được A la hán mà Xá lợi phất nói trong một ngày không thể có nhân duyên được đạo, bèn bỏ đi mà không chịu độ. Lúc xế chiều, Phật dùng thần thông túc mạng, thấy người ấy trải qua hơn tám vạn kiếp trước, có nhân duyên được độ nay đã thành tựu, nên Phật thuyết pháp cho, liền được đạo quả A la hán.

*Lại nữa, Phật dùng trí lực đầu, biết tướng chúng sinh có thể độ hay không thể độ. Dùng lực thứ hai, biết chúng sinh bị hai chướng ngăn che. Người không bị ngăn che thời dùng lực thứ ba, biết chúng sinh, người có thiên định, giải thoát, tịnh, bất tịnh. Dùng lực thứ tư, biết căn tính chúng sinh có lợi, có độn, có thể thông hiểu pháp tính, không thông hiểu pháp tính. Dùng lực thứ năm, biết nhân duyên căn lợi, độn và ham muốn thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ sáu, biết mỗi mỗi tính của hai dục. Dùng lực thứ bảy, biết căn lợi, độn và bảy chỗ quả báo thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ tám, biết nghiệp thiện, ác đời trước của chúng sinh chướng ngại hay không chướng ngại. Dùng lực thứ chín, biết chúng sinh đời nay chưa thể độ, sinh đời sau có thể độ. Dùng lực thứ mười biết chúng sinh do cửa giải thoát Không mà vào Niết bàn, hoặc do cửa Vô tướng, Vô tác mà vào Niết bàn biết chúng sinh đối với kiến đế đạo, tư duy đạo trong mỗi niệm dứt được bao nhiêu kiết sử. Do mười trí lực ấy, trừ lượng nhân duyên của chúng sinh có thể độ mà vì họ thuyết pháp. Do thế mà thuyết pháp không uổng lời.

Hỏi: Trí tuệ của Phật vô lượng, thân tướng Phật cũng vô lượng. Lại thân Phật hơn các thiên vương, có gì Phật đồng với Chuyển luân Thánh vương, có 32 tướng?

Đáp: Ba mươi hai tướng không nhiều không ít, nghĩa lý như trước đã nói. Lại nữa, có n nói: Tướng của Phật và Bồ Tát không hiện nhất định như trong đây nói. Tùy theo chỗ chúng sinh ưa thích có thể dẫn dắt tâm họ mà hiện tướng.

Lại, hoặc như có chúng sinh không quý vàng mà quý các sắc khác, như lưu ly, pha lê, kim cương. Nếu người thế gian như vậy thời Phật không hiện sắc vàng mà hiện các sắc đáng ưa khác.

Lại, hoặc có chúng sinh không quý ngón tay thon, dài và có màn lưới, vì ngón tay dài, có móng sắc là tướng quý La sát; vì màn lưới là tướng chim Nhạn, làm việc không tiện, như mặc áo v.v., thời cần dùng làm gì? hoặc như ở nước Kế tân, Bồ Tát Di đế lệ thi li tay có màn lưới, người cha ghét cho là quái dị, lấy dao cắt đi, nói rằng sao con ta giống như chim. Hoặc có người không ưa vai tròn lớn, cho là giống như búu; hoặc cho bụng không hiện bày như tướng đỏi; hoặc cũng có người cho mắt xanh là không đẹp, chỉ ưa mắt trắng, đen, phân minh v.v... Thế nên biết, Phật tùy chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng. Như vậy, thường không do nhất định.

Có người nói: 32 tướng ấy là thật có nhất định, do sức thần thông biến hóa thân, theo chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng.

Có người nói: Phật có khi thần thông biến hóa, có khi theo chỗ sinh ở thế gian, chỗ sẽ sinh đến, không được nói do thần thông biến hóa.

Lại, trong ba ngàn đại thiên thế giới sinh ra theo chỗ chúng sinh có thể độ mà hiện tướng, như trong kinh Mật tích nói, hoặc hiện thân sắc vàng, hoặc hiện thân sắc bạc, hoặc hiện sắc mặt trắng, mặt trời, tinh tú; hoặc dài hoặc ngắn, tùy theo chúng sinh có thể dắt dẫn mà hiện tướng. Ở đây, tùy theo người nước Thiên Trúc trong cõi Diêm phù đề ưa thích thời Phật hiện 32 tướng. Người nước Thiên Trúc đến nay cố sửa bấp vai cho dày, lớn, trên đầu đều có bện tóc là đẹp. Theo như tướng người, nói tướng năm chỗ dài là đẹp. Theo như tướng người, nói tướng năm chỗ dài là đẹp. Theo như tướng người, nói tướng năm chỗ dài là đẹp. Tướng mắt, mũi, lưới, cánh tay, ngón tay, đùi, tay, chân; hoặc có bánh xe, hoặc như hoa sen, hoặc màu trắng ốc, hoặc như mặt trời mặt trăng; thế nên bàn tay, bàn chân Phật có tướng bánh xe ngàn tấm, ngón tay thon, dài; mũi cao, đẹp; lưới rộng, dài và mỏng. Những tướng như vậy đều hơn các tướng đã quý như trước, nên khởi tâm cung kính. Có cõi nước Phật hiện ra ngàn vạn tướng, hoặc vô lượng vô số tướng, hoặc năm, sáu, ba, bốn tướng; ở đây vì theo chỗ ưa thích của người Thiên Trúc nên Phật hiện 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình.

(Hết cuốn 88 theo bản Hán)

Cuốn 89

Kinh: Thế nào là 80 vẻ đẹp tùy hình? 1. Đỉnh đầu không thể thấy; 2. Mũi thẳng, cao, đẹp, lỗ mũi kín; 3. Mí mắt như trắng mới mọc, có màu xanh lưu ly; 4. Vành tai mọc thông xuống; 5. Thân chắc thật như lục sĩ trời Na la diên; 6. Khớp xương như móc câu; 7. Mỗi lần thân xoay như voi chúa; 8. Khi đi chân cách đất bốn tấc, có dấu ấn hiện trên đất; 9. Móng tay màu đồng đỏ, mỏng và mượt; 10. Xương đầu gối cứng, tròn, đẹp; 11. Thân sạch sẽ; 12. Thân mềm mại; 13. Thân không cong; 14. Ngón tay tròn, thon; 15. Ngón tay đẹp; 16. Mạch sâu; 17. Mắt cá kín; 18. Thân mịn màng; 19. Thân vững chắc, đi không xiêng xẹo; 20. Thân đầy đặn; 21. Thức đầy đủ; 22. Dung nghi đầy đặn; 23. Chỗ ở yên ổn không thể động; 24. Uy đức chấn động hết thấy; 25. Mọi người đều ưa xem; 26. Mặt không lớn dài; 27. Dung mạo đoan chính, không pha tạp; 28. Mặt đầy đủ; 29. Môi đỏ như màu trái Tần bà; 30. Âm vang sâu lắng; 31. Rốn sâu, tròn, đẹp; 32. Lông trên thân xoay về phía hữu; 33. Tay đầy đủ; 34. Tay chân vừa ý; 35. Chỉ tay rõ ràng, ngay thẳng; 36. Chỉ tay dài; 37. Chỉ tay không dứt; 38. Chúng sinh ác tâm trong thấy hòa vui; 39. Mặt rộng, đẹp; 40. Mặt đầy đặn, trong sáng như trăng; 41. Theo ý chúng sinh vui vẻ cùng nói; 42. Lỗ chân lông tỏa mùi thơm; 43. Miệng tỏa mùi thơm; 44. Nghi dung như Sư tử; 45. Đi đứng như voi chúa; 46. Cách đi như ngỗng chúa; 47. Đầu như quả Ma la đà; 48. Âm thanh rõ ràng; 49. Răng bén; 50. Sắc lưỡi màu hồng; 53. Lông trong sạch; 54. Mắt rộng, dài; 55. Tướng các khiêu (lỗ) đầy đủ; 56. Tay chân trắng thuần như hoa sen; 57. Rốn không bầy; 58. Bụng không bầy; 59. Bụng nhỏ; 60. Thân không khuynh động; 61. Thân chắc nịch; 62. Phần thân lớn; 63. Thân cao ráo; 64. Tay chân sạch, mềm mại; 65. Hào quang thân dài một trượng; 66. Thân chiếu sáng khi đi; 67. Xem chúng sinh bình đẳng; 68. Không khi khi chúng sinh; 69. Theo ân thanh của chúng sinh không quá, không giảm; 70. Thuyết pháp không sai khác; 71. Tùy theo ngôn ngữ của chúng sinh mà thuyết pháp; 72. Có nhân duyên theo thứ lớp thuyết pháp; 74. Có tướng hết thấy chúng sinh không thể xem hết được; 75. Người xem không nhàm chán; 76. Tóc dài, đẹp; 70. Màu tóc như ngọc xanh; 80. Tay chân có đức tướng.

Này Tu Bồ Đề, ấy là 80 vẻ đẹp tùy hình thành tựu nơi thân Phật. Như vậy, Bồ Tát do hai trí nhiếp thủ chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí. Ấy là việc hy hữu khó bì kịp của Bồ Tát.

Làm sao Bồ Tát dùng ái ngữ nhiếp thủ chúng sinh? Bồ Tát lấy Ba la mật vì chúng sinh thuyết pháp, nói rằng: Các người tu sáu Ba la mật, thu nhiếp được hết thấy thiện pháp.

Làm sao Bồ Tát lấy lợi hành nhiếp thủ chúng sinh? Đó là Bồ Tát thường dạy chúng sinh, khiến tu sáu Ba la mật.

làm sao Bồ Tát lấy đồng sự nhiếp thủ chúng sinh? Đó là Bồ Tát dùng sức năm thần thông, các cách biến hóa đi vào trong năm đường cùng sự việc với chúng sinh. Đó là lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, giáo hóa chúng sinh rằng: Nay thiện nam tử, nên khéo học, phân biệt các mẫu chữ và nên khéo biết một mẫu chữ cho đến 42 mẫu chữ; khéo biết hết thầy ngôn ngữ đều từ trong mẫu chữ thứ hai cho đến mẫu chữ thứ 42, hết thầy ngôn ngữ đều vào trong ấy. Một mẫu chữ đều vào trong 42 mẫu chữ, 42 mẫu chữ cũng vào trong một mẫu chữ. Chúng sinh ấy nên khéo học 42 mẫu chữ như vậy. Khéo học 42 mẫu chữ rồi, có thể khéo biết phép tắc của mẫu chữ; khéo biết phép tắc của mẫu chữ rồi khéo biết phép tắc không có mẫu chữ này. Nay Tu Bồ Đề, như Phật khéo biết phép tắc mẫu chữ, khéo biết mẫu chữ, khéo biết không có mẫu chữ, vì phép tắc không có mẫu chữ nên nói phép tắc mẫu chữ, vì sao? Vì vượt qua hết thầy danh tự, gọi là Phật pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Nếu chúng sinh rất ráo không thể có được, pháp cũng rất ráo không thể có được, pháp tính cũng rất ráo không thể có được, vì rất ráo không, vô thi không, vậy Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật cho đến Thí Ba la mật, khi hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, mười tám không, Vô tướng, Vô tác tam muội, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, làm sao trú trong năm thần thông do quả báo được mà vì chúng sinh thuyết pháp? Chúng sinh thật không thể có được, vì chúng sinh không có được nên sắc không thể có được, cho đến thức cũng không thể có được; vì năm uẩn không thể có được, nên sáu Ba la mật cho đến 80 vẻ đẹp tùy hình đều không thể có được. Trong không thể có được, không có chúng sinh, không có sắc cho đến không có 80 vẻ đẹp tùy hình, vậy làm sao Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể vì chúng sinh thuyết pháp? Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát còn không thể có được, huống gì có pháp Bồ Tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy, như lời ông nói. Vì chúng sinh không thể có được, nên biết nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thi không, tán không, các pháp không, tự tướng không, tính không, bất khả đắc

không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết năm uẩn không, mười hai nhập không, mười tám giới không, mười hai nhân duyên không, bốn đế không, ngã không, thọ giả, mạng giả, kẻ sinh, kẻ nuôi, kẻ dưỡng, chúng số, người, người làm, người khiến làm, khởi dậy, người khiến khởi dậy, lãnh thọ, người khiến lãnh thọ, kẻ biết, kẻ thấy đều không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết bốn thiền không, bốn tâm vô lượng không, cho đến tám phần thánh đạo không, không không, vô tướng không, vô tác không, tám bội xả không, định chín thứ lớp không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết mười lục của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung không, nên biết quả Tu đà hoàn không cho đến đạo Bích chi Phật không, Bồ Tát địa không, Vô thượng chánh đẳng chánh giác không. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát thấy hết thấy pháp không như vậy, vì chúng sinh thuyết pháp, không mất các tướng không. Bồ Tát khi quán như vậy, viết hết thấy pháp thông suốt không ngại, biết hết thấy pháp không ngại rồi, không phá hoại các pháp tướng, không hai, không phân biệt, chỉ vì chúng sinh mà như thật nói pháp. Thí như người của Phật biến hóa, người biến hóa lại hóa làm vô lượng ngàn vạn ức người, có người dạy khiến bố thí, có người dạy trì giới, có người dạy nhẫn nhục, có người dạy tinh tấn, có người dạy thiền định, có người dạy trí tuệ, có người dạy bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ý ông nghĩ sao? Người của Phật biến hóa ấy có phá hoại pháp tính chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn. Các người biến hóa ấy không có tâm, không có tâm tâm số pháp, làm sao phân biệt phá hoại các pháp?

Nay Tu Bồ Đề, thế nên biết, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì chúng sinh đúng chỗ thích hợp thuyết pháp; kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, khiến được ở vào chỗ nên ở, vì pháp không trói không mở, vì sao? Vì sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở; sắc không trói không mở thời không phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở thời không phải là thức, vì sao? Vì sắc rất ráo thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức cho đến hết thấy pháp, hoặc hữu vi, hoặc vô vi cũng rất ráo thanh tịnh. Như vậy, Bồ Tát vì chúng sinh thuyết pháp cùng không thủ đắc tướng chúng sinh và hết thấy pháp. Hết thấy pháp không thể có được nên Bồ Tát không trú pháp nên trú trong pháp tướng, đó là sắc không cho đến hữu vi, vô vi pháp không, vì sao? Vì tự sắc cho đến hữu vi, vô vi pháp tự tính không thể có được, không chỗ trú. Pháp không có sở hữu, không trú ở pháp không có sở hữu; tự tính pháp không trú trong tự tính pháp, tha tính pháp không trú trong tha tính pháp, vì sao? Vì hết thấy pháp đều không thể có được. Pháp không thể có được thời trú vào đâu? Như vậy, Bồ Tát hành

Bát nhã ba la mật, do các không ấy có thể nói pháp như vậy, hành Bát nhã ba la mật như vậy, đối với chư Phật và Thanh văn, Bích chi Phật không có lỗi, vì sao? Vì chư Phật, Bồ Tát, Bích chi Phật, A la hán được pháp ấy rồi, vì chúng sinh thuyết pháp cũng không chuyển đổi thật tướng các pháp, vì sao? Vì Như, pháp tính, thật tế không thể chuyển đổi, sao vậy? Vì tính các pháp không có.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu pháp tính, như, thật tế không chuyển đổi, vậy sắc với pháp tính khác nhau chăng? Sắc với như, thật tế khác nhau chăng? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu khác nhau chăng?

Phật dạy: Không khác. Sắc không khác, pháp tính không khác; như không khác, thật tế không khác; thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp hữu lậu, vô lậu cũng không khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, nếu sắc không khác, pháp tính không khác; như không khác, thật tế không khác; thọ, tưởng, hành, thức cho đến hữu lậu, vô lậu không khác, thì làm sao phân biệt hắc nghiệp có hắc báo, là quả báo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; bạch nghiệp có bạch báo, là quả báo sinh cõi trời, cõi người; hắc bạch nghiệp có hắc bạch báo, nghiệp chẳng hắc chẳng bạch có quả báo chẳng hắc chẳng bạch, đó là quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Theo thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Trong đệ nhất nghĩa đế không thể nói nhân duyên quả báo, vì sao? Vì đệ nhất nghĩa đế thật không có tướng, không có phân biệt, cũng không có ngôn thuyết, gọi là sắc cho đến pháp hữu lậu, vô lậu; tướng chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, vì rốt ráo không, vô tử không.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, nếu vì theo thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa đế, thì hết thảy phàm phu lẽ đáng có quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, người phàm phu có biết đó là thế đế, đó là đệ nhất nghĩa đế chăng? Nếu biết, người phàm phu ấy lẽ đáng là quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, vì người phàm phu thật không biết thế đế, không biết đệ nhất nghĩa đế, không biết đạo, không biết phân biệt đạo quả, làm sao họ có các quả được? Nay Tu Bồ Đề, thánh nhân biết thế đế, biết đệ nhất nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, vì thế nên thánh nhân có các quả sai khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Tu đạo được quả chăng?

Phật dạy: không được. Tu đạo không được quả, không tu đạo cũng không được quả, cũng không lìa đạo được quả, cũng không trú ở trong đạo được quả. Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, vì chúng sinh nên phân biệt quả và cũng không phân biệt đó là tính hữu vi, tính vô vi.

Bạch đức Thế Tôn, nếu không phân biệt tính hữu vi, tính vô vi mà được các quả, có sao Thế Tôn nói dứt hết ba kiết gọi là Tu đà hoàn; dâm nộ si mỏng gọi là Tư đà hàm; dứt hết năm hạ phần kiết gọi là A na hàm; dứt hết năm thượng phần kiết gọi là A la hán? Biết pháp có tập hợp đều có tướng tán diệt gọi là đạo Bích chi Phật, dứt hết thủy phiền não và tập khí gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Bạch đức Thế Tôn, Con làm sao biết không phân biệt tính hữu vi, tính vô vi mà được các đạo quả?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ông cho quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, các quả ấy là hữu vi, là vô vi chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Đều là vô vi.

Này Tu Bồ Đề: Trong pháp vô vi có phân biệt chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ thông suốt hết thủy pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi đều là một tướng, tức vô tướng, khi ấy còn có phân biệt hoặc hữu vi, hoặc vô vi chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, như vậy, Bồ Tát vì chúng sinh thuyết pháp, không phân biệt các pháp, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Bồ Tát ấy tự mình được pháp không có chấp trước, cũng dạy người khiến được pháp không có chấp trước, hoặc Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, hoặc sơ thiền cho đến đệ tứ thiền, hoặc từ, bi, hỷ, xả cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, hoặc bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát ấy tự mình không chấp trước, cũng dạy người không chấp trước, vì không chấp trước nên không chướng ngại gì. Thí như người của Phật biến hóa làm việc bố thí, cũng không lãnh thọ quả báo bố thí, chỉ vì chúng sinh cho đến tu trí Nhất thiết chủng cũng không lãnh thọ quả báo của trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát cũng như vậy, hành sáu Ba la mật cho đến hết thủy pháp mà không trú pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, cũng không thọ

báo, mà chỉ vì độ chúng sinh, vì sao? Vì Bồ Tát ấy khéo thông đạt thật tướng các pháp.

Luận: Hỏi: Tám mươi vẻ đẹp tùy hình là pháp trang nghiêm thân, có sao ở trong thai "thức biết đầy đủ" lại là một ở trong các vẻ đẹp tùy hình?

Đáp: Thức ấy là thức do quả báo sinh, đối với thế gian tốt hay xấu tự nhiên biết được. Còn thức của người phàm phu không đầy đủ, nên phải học theo cách người khác mới biết được. Phật ở trong thai một năm đầy đủ, sung mãn mới sinh, nên thân và thức đều đầy đủ. Những người khác hoặc tám tháng, hoặc chín tháng ở trong thai, nói chung là mười tháng. Bồ Tát ở trong thai mười tháng nói chung là được một năm thời thân căn đầy đủ; thức do quả báo sinh cũng đầy đủ.

Hỏi: Chỗ chân đứng yên với chỗ ở yên sai khác thế nào?

Đáp: Chỗ ở yên là như kẻ đứng sĩ tại gia cầm chặt gậy gộc, ở yên một chỗ, không thể lay động. Lại khi xuất gia, ma dân, ác quỷ không thể làm chuyển động mà lùi bỏ.

Nghĩa của 42 mẫu chữ như trong Đại thừa có nói. Một mẫu chữ vào hết trong các mẫu chữ; thí như 2 số 1 hợp lại làm 2, 3 số 1 hợp lại làm 3; 4 số 1 hợp lại làm 4; như vậy cho đến ngàn, vạn. Lại như chữ A là định; A biến thành La, cũng biến thành Ba; như vậy đều vào trong 42 mẫu chữ, 42 mẫu chữ vào trong một mẫu chữ là, 42 mẫu chữ đều có phần chữ A, phần chữ A lại vào trong chữ A. Khéo biết chữ nên khéo biết tên các pháp; khéo biết tên các pháp nên khéo biết nghĩa các pháp. Không có mẫu chữ tức là nghĩa thật tướng của các pháp, vì sao? Vì trong nghĩa của các pháp, các pháp không có danh tự.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp rốt ráo không, không có danh tự, làm sao Bồ Tát trú trong sáu thần thông do quả báo sinh mà vì chúng sinh thuyết pháp? Nếu rốt ráo không có chúng sinh thời không có pháp? Phật chấp thuận lời Tu Bồ Đề nói: Như vậy, như vậy. Vì mười tám không, nên hết thảy pháp không thể có được. Ngã và chúng sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy, cho đến nên biết Phật, Bồ Tát cũng đều không. Biết như vậy rồi mà vì chúng sinh thuyết pháp không ấy. Nếu chúng sinh là thật có mà vì họ thuyết không thời không thể được; vì chúng sinh không, nhưng do điên đảo thành có. Thế nên Bồ Tát không bỏ mất không mà vì chúng sinh thuyết pháp. Không bỏ mất tức là không làm cho các pháp đều không, còn pháp được nói chẳng không. Nếu cho pháp được nói chẳng không thời là làm mất tướng không. Nếu miệng nói không mà tâm là có, cũng là bỏ mất không.

Trong đây Phật tự nói: Tướng pháp không hai, không hư hoại. Muốn rõ ràng việc ấy nên Phật nêu thí dụ: Như người do Phật biến hóa, biến làm nhiều người, vì chúng sinh thuyết pháp, hoặc thuyết về công đức trì giới, bố thí. Phương tiện thuyết pháp như vậy không có lỗi, mà có thể kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, vì pháp không trói không mở. Trong đệ nhất nghĩa đế không trói không mở, trong thế đế nên có trói có mở. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc không trói không mở, vì sao? Vì trong không trói không mở ấy không có sắc tướng, cho đến thức cũng như vậy. Bồ Tát dùng pháp chẳng trú như vậy nên trú trong không pháp, vì chúng sinh thuyết pháp. Chúng sinh không thể có được, vì chúng sinh và hết thảy pháp không thể có được. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Pháp không có sở hữu, không trú trong pháp không có sở hữu, thí như hư không, không trú nơi hư không; tự tính pháp, không trú nơi tự tính pháp; thí như lửa không trú nơi lửa, pháp tha tính không trú nơi pháp tha tính; thí như trong tính nước không có tính lửa; lại vì tha tính bất định. Nếu thanh tịnh thuyết pháp được như vậy thì Bồ Tát ấy đối với chư Phật, thánh hiền không có lỗi, vì sao? Vì chư Phật, thánh hiền không nhiễm trước pháp, người thí pháp cũng không nhiễm trước pháp; chư Phật, thánh hiền vì rốt ráo không, lấy tướng tịch diệt làm sở hành của tâm, người thuyết pháp cũng như vậy. Chư Phật, thánh hiền vào ba môn giải thoát, được thật tính các pháp, đó là Vô dư Niết bàn, người thuyết pháp theo pháp ấy nên không có lỗi. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Chư Phật, hiền thánh được pháp ấy rồi, vì chúng sinh thuyết pháp, không làm chuyển đổi pháp tính, vì pháp tính không, vô tướng.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu không chuyển đổi pháp tính, thì sắc cùng với pháp tính khác nhau chăng?

Phật dạy: Không, vì sao? Vì thật tướng của sắc tức là pháp tính. Ý Phật muốn nói, khi Bồ Tát thuyết pháp cũng không phá hoại pháp tính.

Tu Bồ Đề hỏi: Sắc v.v... cùng với pháp tính không khác, có gì chỉ quý pháp tính? Vì Phật đáp sắc không khác pháp tính nên Tu Bồ Đề nạn hỏi: Nếu không khác thì làm sao phân biệt có thiện, ác, trắng, đen, quả Tu đà hoàn v.v..?

Phật dạy: Sắc v.v... tuy không lìa pháp tính, song vì theo thế đế nên có phân biệt, còn ở trong đệ nhất nghĩa đế không có phân biệt, vì sao? Vì thánh nhân được đệ nhất nghĩa đế, không có phân biệt gì, nghe nói có sở đắc không mừng, nghe không có sở đắc không lo, vì chứng được pháp vô tướng, nên cho đến mảy may pháp còn không thủ tướng, huống gì phân biệt có thiện, ác. Người chưa chứng đắc thật tướng, vì muốn đệ nhất nghĩa đế nên có chỗ phân biệt.

Trong đây tự nói nhân duyên: Pháp ấy không có ngôn thuyết, cũng không sinh diệt, như sạch; nghĩa là rốt ráo không, vô thị không.

Hỏi: Có gì trong đây chỉ nói hai không gọi là pháp?

Đáp: Hết thầy có, hoặc pháp, hoặc chúng sinh, nếu nói rốt ráo không thời là pháp; nếu nói vô thị không thời phá chúng sinh. Phá hai pháp ấy rồi thời phá hết tất cả pháp. Trong đây Bồ Tát vì chúng sinh thuyết pháp cho nên dùng hai không để phá pháp và phá chúng sinh; tuy còn có các không khác nhưng không sâu sắc, rốt ráo bằng rốt ráo không. Các không khác như lửa đốt cây, còn lại than tro; rốt ráo không thời không có tro, không có than. Có người nói: Hoặc nói đủ mười tám không, không có lỗi, vì lược nói nên nói hai không.

Tu Bồ Đề thưa: Nếu theo thế đế nên phân biệt có thiện ác, trắng đen và các quả báo, còn theo đệ nhất nghĩa đế thời người phạm phu lẽ đáng có thánh quả Tu đà hoàn v.v... vì sao? Vì nếu trong thế đế hư vọng phân biệt có các hiền thánh, còn trong đệ nhất nghĩa đế lý đáng phạm phu làm hiền thánh. Tu Bồ Đề phân biệt thật tướng nói phạm phu khác, còn Phật nói đệ nhất nghĩa thật tướng, nên Tu Bồ Đề nói lý đáng phạm phu là bậc thánh.

Phật đáp: Nếu phạm phu phân biệt, biết đó là đệ nhất nghĩa đế, đó là thế đế, thời lẽ đáng phạm phu có các quả thánh. Vì phạm phu thật không biết đạo, không biết phân biệt đạo, không biết hành đạo, tu đạo, hướng gì được đạo quả! Phật nói bậc thánh có thể phân biệt nên nói bậc thánh có thánh quả.

Bấy giờ Tu Bồ Đề tự biết có lỗi, nên nói: Trong tính vô lượng, vô tướng, vô động, làm sao thủ tướng, muốn lường pháp vô lượng; làm sao cưỡng cho phạm phu là thánh quả? Nên lãnh thọ lời Phật. Biết người hành đạo mới đắc quả, người không hành đạo không đắc quả; thế nên hỏi Phật: Tu đạo đắc quả chăng? Phật đáp không.

Lại hỏi: Trên kia Phật phân biệt nói tu đạo đắc quả, sao nay nói không? Phật đáp: Trên kia nói chẳng phải tâm chấp trước, nay vì Tu Bồ Đề đem tâm chấp trước mà hỏi, muốn từ đạo phát xuất quả, như từ mè ép ra dầu; nếu như vậy đạo với quả đồng hư dối. Thế nên Phật đều đáp không. Người nghe sinh tâm nghĩ rằng: Nếu tu không được, vậy không tu lý đáng được?

Phật dạy: Tu còn không được, huống không tu! Thí như hai người muốn đi đến, một người đứng yên không đi, một n lặc đường, cả hai đều không thể đến. Nếu không tu đạo còn không có được chút ít cái vui nhiếp tâm, huống gì đạo quả!

Nếu tâm thủ tướng mà tu đạo, tuy có cái vui nhiếp tâm thiền định mà không có đạo quả. Nếu tâm không thủ tướng tu đạo thời có đạo quả. Thế nên Phật nói: Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không phân biệt tính hữu vi, vô vi, nên có đạo quả sai khác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu như vậy, có gì Phật nói dứt ba kiết sử được Tu đà hoàn, có các phân biệt như vậy?

Phật hỏi ngược lại rằng: Ý ông nghĩ sao, ông cho quả Tu đà hoàn là hữu vi, là vô vi chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Là vô vi.

Phật dạy: Nếu như vậy, trong vô vi có sai khác chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Nếu không có phân biệt, có gì ông nạn hỏi? Phật lại hỏi Tu Bồ Đề: Nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ thông suốt hết thầy pháp một tướng, tức là vô tướng, ở trong ba môn giải thoát, khi chứng Niết bàn, khi ấy có pháp để phân biệt hoặc hữu vi, hoặc vô vi chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Không.

Ý Phật là, chỉ tâm khi ấy là chơn thật, khi khác đều hư dối, có sao ông vấn nạn? Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không phân biệt hết thầy pháp, ở trong các pháp không, nội không v.v... rất thanh tịnh, tự mình không chấp trước, cũng dạy chúng sinh không chấp trước; nghĩa là dạy bố thí cho đến trí Nhất thiết chủng, trong đạo Bồ Tát đều dạy người khiến không chấp trước. Thí như người của Phật biến hóa làm việc bố thí, cũng không phân biệt bố thí, không lãnh thọ quả báo bố thí, chỉ vì độ chúng sinh. Tâm Bồ Tát cũng như vậy, vì sao? Vì khéo thông suốt các pháp tính. Khéo thông suốt là không thủ tướng pháp tính, cũng không trú trong pháp tính, ở trong pháp tính không nghi, không hối mà thuyết pháp, không ngăn, không trở, không ngại, thế là thông suốt pháp tính.

--o0o--

Cuốn 90 – còn thiếu